

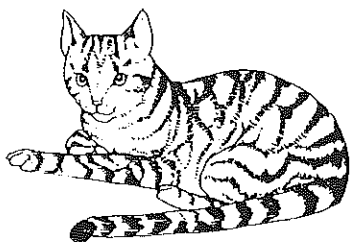
# THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Tết Kỷ Mão  
16 tháng 2  
1999



Tặng Hà Sĩ Phu  
(và sĩ phu Việt Nam)



Trước thềm năm Kỷ Mão, Thông Luận xin chúc thân hữu, độc giả và đồng bào trong cũng như ngoài nước những ngày Tết vui và một năm an Khang, hạnh phúc.

Năm Kỷ Mão là năm nối liền hai thế kỷ và hai thiên niên kỷ, nó phải là năm để chúng ta cùng chuẩn bị cho một thời đại mới.

Thế kỷ 20 đã là thế kỷ của thương đau và thua kém đối với đất nước ta, thế kỷ 21 phải là thế kỷ của hạnh phúc và thăng hoa.

Cùng với thiên niên kỷ thứ hai, Việt Nam đã trút bỏ được ách ngoại thuộc và vươn lên thành một quốc gia độc lập và hùng mạnh.

Bước vào thiên niên kỷ thứ ba, chúng ta sẽ phải trút bỏ được ách độc tài để mở đầu kỷ nguyên của một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh.

Để đạt tham vọng, chúng ta hãy cùng chúc nhau một sức bật mới của niềm tin, của lòng yêu nước và của quyết tâm xây dựng một tương lai Việt Nam chung.

Nước chìm, dân héo, sĩ phu đâu ?  
Áp chế tham ngu mãi cứng đầu  
Xuân Tụ, Thanh Giang lời sáng chói  
Thu Hương, Hoàng Tiến bút thơm lâu  
Nghiem trang, Trần Độ vừa phân giảng  
Nhân hậu, Huyền Quang vẫn nguyện cầu  
"Minh nhật kế minh Minh Quốc phục" \*  
Từng bừng chim Việt khắp năm châu.

Từ Mai Kinh đề

Bị giới hạn trong khuôn khổ tám câu của một bài Đường luật, người viết những dòng này ân hận chưa nhắc tới được danh hiệu của nhiều nhân vật đáng kính khác ở trong nước như Hòa thượng Quảng Độ, Linh mục Chân Tín, Giáo sư Nguyễn Ngọc Lan, Giáo sư Nguyễn Đình Huy, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, nhà văn Bảo Cụ... cùng nhiều vị khác. Sẽ xin trở lại với các vị ấy ngay khi có cơ hội. Người viết cũng xin thành thật cảm ơn những vị bỏ thời giờ bỏ khuyết giúp điểm thiếu sót này.

\*Trích về đời của Hà Sĩ Phu khi nghĩ đến nông nỗi bị quản chế của Bùi Minh Quốc

## Đảng cộng sản bối rối và thô vụng trước một năm khó khăn

Theo nhận xét của mọi người, người Việt Nam cũng như các quan sát viên quốc tế, năm 1999 sẽ là một năm đầy khó khăn và bất trắc cho Việt Nam. Du lịch, đầu tư, sản xuất, xuất cảng đều sút giảm và còn sẽ sút giảm nhanh hơn. Thất nghiệp và tệ nạn xã hội gia tăng và sẽ còn gia tăng mạnh hơn. Thêm vào đó, hậu quả của đợt bão lụt lớn vừa qua vẫn chưa khắc phục được. Tình hình nguy ngập này đòi hỏi những chuyển hướng lớn, nhưng đảng cộng sản đã làm ngược lại với tất cả những gì mà mọi người chờ đợi.

Năm 1999 đã bắt đầu với việc đảng khai trừ tướng Trần Độ, khuôn mặt khá kính nhất của đảng. Còn tệ hơn một sự độc ác, đây là một sự đại dột. Ra khỏi đảng, từ nay Trần Độ không còn ràng buộc nào với đảng nữa và sẽ được trọn quyền sử dụng quyền phát biểu của một công dân theo hiến pháp và của một con người theo qui định của Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà chính quyền Việt Nam đã thừa nhận khi gia nhập Liên Hiệp Quốc. Ông Trần Độ sẽ tiếp tục lên tiếng và chắc chắn sẽ còn lên tiếng một cách mạnh mẽ hơn. Đảng cộng sản sẽ làm gì ông? Để ông yên thì quyết định khai trừ vừa rồi chỉ là một khiêu khích đại dột, đàn áp ông thì sẽ gặp những chống đối mãnh liệt của chính những người cộng sản lương thiện, tác hại sẽ còn to lớn hơn nhiều. Ngay sau quyết định khai trừ Trần Độ, một số đảng viên có uy tín như trường hợp cụ đại tá Phạm Quế Dương đã quyết định trả thẻ đảng. Những phản ứng phản nộ chỉ mới bắt đầu. Khai trừ Trần Độ, đảng cộng sản đã khai trừ trí tuệ và sự lương thiện ra khỏi đảng và đi thêm một bước lớn vào con đường đạo tặc. Không những thế, quyết định khai trừ Trần Độ còn phơi bày sự hỗn loạn trong đảng. Mới cách đây không lâu, cả ông Lê Khả Phiêu lẫn ông Phan Văn Khải còn tuyên bố việc ông Trần Độ phát biểu ý kiến của mình là bình thường, cuối tháng 11-1998 vừa qua ông Lê Khả Phiêu còn ân cần tiếp kiến ông Trần Độ, việc khai trừ này nếu không phải là một sự cố ý của Ban Tổ Chức Trung Ương Đảng để làm mất mặt hai ông Phiêu và Khải thì quả là một dấu hiệu rối loạn tâm thần của đảng cộng sản.

Trong cùng một lúc với quyết định khai trừ ông Trần Độ, thủ tướng Phan Văn Khải đã triệu tập các nhà ngoại giao và

đầu tư nước ngoài để khẳng định chế độ cộng sản Việt Nam kiên quyết giữ vững chủ nghĩa Mác-Lênin, khước từ dân chủ đa nguyên và duy trì vai trò chủ đạo của các xí nghiệp quốc doanh. Tuyên bố của ông Khải đã gây một thất vọng lớn cho những người còn cố nuôi một hy vọng nào đó nơi chế độ. Nghi như thế đã là một sai lầm lớn, nói ra lại còn là một sai lầm lớn hơn. Tại sao cần có một buổi họp như vậy? Nếu ông Khải thực sự muốn phá hoại chế độ ông cùng không thể làm hơn được.

Cùng vào dịp cuối năm 1998, ông Phan Văn Khải cho công bố nghị định 89/CP, hung bạo hơn gấp nhiều lần nghị định 31/CP mà cả thế giới đang đòi hủy bỏ, cho phép công an cấp quận, huyện và cả các đơn vị quân đội được phép mở nhà tù riêng của mình, bắt giam tùy tiện và vô thời hạn mọi công dân. Nghị định này biến mọi công dân Việt Nam thành những người tù trừ bị. Nó tiếp nối những kết luận của trung ương đảng, chỉ thị của Ban Văn Hóa - Tư tưởng tăng cường kiểm soát và đàn áp mọi ý kiến dân chủ.

Trong bối cảnh xã hội cực kỳ đen tối, đảng cộng sản cũng đã sử dụng một vũ khí tương chừng như đã bị vứt bỏ vì đã quá lỗi thời là thống kê gian dối. Nhà nước công bố tỷ lệ tăng trưởng năm 1998 là 5,8%, một tỷ lệ rất ngoạn mục, trong khi mọi người dù là công nhân viên chức hay thường dân đều thấy rõ, và các con số khác của chính nhà nước cũng xác nhận là kinh tế đã suy thoái một cách báo động trong năm qua. Đây cũng là một sai lầm lớn khác, bởi vì đối với một chính quyền nói dối chỉ là một sự vay mượn, vay mượn lòng tin, và khoản vay mượn này thường phải trả một lãi suất rất nặng nề so với lợi ích tức thời mà nó đem lại.

Một sai lầm trầm trọng khác là, dưới áp lực lấn chiếm của Trung Quốc tại quần đảo Trường Sa, đảng cộng sản đã tuyên bố không muốn có sự can thiệp của Hoa Kỳ, yếu tố có thể khiến Trung Quốc phải chấp nhận một thái độ chừng mực, để rồi vài tuần sau đó lên tiếng bày tỏ sự "lo ngại lớn" trước những hành động khiêu khích của Bắc Kinh. Khiếp sợ hay đại dột?

Tình trạng của đảng cộng sản năm nay là một tình trạng vô cùng bi đát: bị uy hiếp từ bên ngoài, phân hóa trong tổ chức, khủng hoảng trong niềm tin, giữa lúc

phần nộ đang dâng cao từ quần chúng do đời sống ngày càng khó khăn, xã hội ngày càng xuống cấp về mọi mặt, đảng cộng sản đã hành xử như một con thú bị thương và mất trí. Những vùng vẫy điên đại này chỉ làm gia tăng vận tốc của một tiến trình đào thải của chế độ.

Năm 1998 đã chứng kiến một hiện tượng kỳ lạ: lần đầu tiên Nga trở thành nước đầu tư nhiều nhất - trong năm - tại Việt Nam. Sự kiện này đến vào giữa lúc kinh tế Nga suy sụp như chưa từng thấy. Dự án Dung Quất không giải thích tất cả, còn phải lo ngại rằng Việt Nam đang trở thành nơi tấy tiền như nháp của các băng đảng mafia Nga và như thế lại thêm một lý do khiến những người đầu tư chân chính xa lánh. Nhưng đó là một vấn đề khác. Vấn đề hiện tại là các nhà lãnh đạo cộng sản nên suy ngẫm về sự khủng hoảng của nước Nga mùa hè năm ngoái. Sau nhiều năm che đậy sự thực và trì hoãn những biện pháp cải tổ dứt khoát, kinh tế Nga đã đi một cách lạng lè đến chỗ phá sản. Công quỹ hết sạch tiền, nhà nước không còn khả năng trả tiền lãi cho các khoản nợ và ngay cả lương của công nhân viên chức, các ngân hàng chông chảnh nợ khó đòi, trong khi bộ máy nhà nước rỗng nát vì tham nhũng và chính quyền mất hết lòng tin của dân chúng. Rồi tới một lúc bị sự thực phủ phàng ập đến bất sống. Nước Nga đã chỉ tránh được bạo loạn nhờ cơ chế dân chủ cho phép giải quyết mọi khó khăn trong hòa bình. Chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay trên nhiều điểm đang diễn biến như chế độ Nga trước mùa hè, nhưng lại thiếu một cơ chế dân chủ. Các nhà lãnh đạo cộng sản cần trấn tĩnh lại để nhận định lý do tại sao họ bế tắc. Đó là vì họ làm ngược lại những gì phải làm. Chuyển hóa chính trị từ độc tài sang dân chủ để làm hơn chuyển hóa kinh tế từ kinh tế nhà nước sang kinh tế thị trường, và cần được làm trước. Không hiểu được như vậy, họ cố tình không hiểu như vậy, họ đã loay hoay trong bế tắc và làm mất thì giờ của đất nước đã quá tụt hậu.

Hãy sáng suốt và tỉnh ngộ. Ở cội mốc 2000, trong không đầy một năm nữa những tiếng reo mừng của tất cả thế giới đón mừng một kỷ nguyên mới có thể kéo theo những tiếng thét thịnh nộ của nhân dân Việt Nam đã mất kiên nhẫn.

**Thông Luận**

# Việt Nam

## Con đường trước mặt (\*)

Đoàn Viết Hoạt

Thưa quý vị, thưa các bạn,

Hôm nay là một ngày mà chắc chắn tôi không sẽ không bao giờ có thể quên. Đúng năm tháng trước đây, tối 31-8, tôi đã trần trọc không thể nào ngủ được vì đó là đêm cuối cùng ở Việt Nam. Chiều hôm đó cả ba anh em chúng tôi - Lý Tống, Trần Mạnh Quỳnh và tôi - đều được gọi xuống để gặp một nhân viên sứ quán Hoa Kỳ ký vào passport đã soạn sẵn chuẩn bị ngày hôm sau lên đường đi Mỹ. Làm sao có thể ngăn được xúc động khi biết chắc rằng mình sẽ rời khỏi quê hương không biết bao giờ mới trở lại, khi biết chắc rằng dù sắp được tự do, sắp được đoàn tụ với người thân, với bạn bè và chí hữu, nhưng cũng sắp phải bỏ lại đằng sau bao người thân, bao bạn bè chí hữu và đồng bào còn trong vòng gian truân và khổ nhục. Đêm hôm đó tôi đã thao thức và trần trọc như thế, với những vần thơ cuối cùng ở trong tù mà hôm nay, trước khi bắt đầu buổi nói chuyện, tôi muốn chia sẻ cùng quý vị và các bạn như một chút tâm tình để đáp lại tấm thịnh tình mà quý vị và các bạn đã dành cho tôi trong suốt thời gian tôi bị cầm tù :

Quê hương  
Vẫn ở mãi trong trái tim ta  
Dù bao cách xa  
Dù bao ngăn trở  
Quê hương  
Vẫn ở mãi trong trái tim ta  
Dù bao ngục tù  
Dù bao gian khổ.

Đêm hôm nay  
Ta lắng nghe và cảm nhận  
Từng nhịp đập của trái tim  
Của Mẹ Việt Nam.  
Lắng nghe và cảm nhận  
Cả nỗi xót xa  
Cả niềm hy vọng  
Trong mỗi bước chân  
Trong từng ánh mắt.

Ta sẽ trở lại  
Để quê hương không chỉ ở trong ta  
Mà trong khắp mọi nhà  
Để tự do và hạnh phúc  
Không chỉ là ước mơ.  
Tôi xin lỗi quý vị và các bạn vì tôi đã

không cầm được xúc động trong tâm trạng một con người mà dấu vết của lao lý chưa kịp phai mờ trên da thịt, mà mỗi khổ nhục tù đầy vẫn hiển hiện lên trên màn ảnh của tâm thức. Tôi càng cảm thấy xúc động khi hồi ức của những năm tháng đã qua hiện lên càng đậm nét trong khung cảnh tự do và sang trọng của buổi hôm nay. Tuy nhiên tôi tin chắc rằng quý vị và các bạn cũng đồng cảm với tôi vì tất cả chúng ta có mặt hôm nay ở đây đều mang tâm trạng của những con người tự do trong lưu đày. Không một người Việt yêu nước nào hiện nay, dù ở trong nước hay hải ngoại, mà không thấy trái tim mình đau nhức khi nghĩ tới quê hương vẫn chìm trong nhọc nhằn khổ nhục. Cho nên, trong khung cảnh trang trọng này tôi xin phép được cùng quý vị và các bạn hướng trọn trái tim và khối óc về quê hương thân yêu của chúng ta.

Dân tộc ta có một bề dày lịch sử, một bề dày không phải chỉ được chứng thực trên thời gian, mà trong cả sức sống mãnh liệt, sức sống đã giúp dân tộc ta trải qua nguy cơ diệt vong mà vẫn vươn lên và tồn tại, kể cả sau những thời kỳ chìm trong vòng nô lệ có khi cả ngàn năm, lần sau những thập kỷ dài sống dưới ách thống trị của hôn quân bạo chúa. Lịch sử đó có những quy luật vừa đặc thù dân tộc vừa phù hợp với tính chất chung của nhân loại. Một trong những quy luật đó là: nhân loại và dân tộc thì trường tồn mà chính quyền và chế độ thì hữu hạn. Chỉ cần nhìn lại lịch sử thế giới trong vòng nửa thế kỷ qua chúng ta cũng thấy rõ điều đó. Chỉ hơn nửa thế kỷ thôi mà chúng ta đã chứng kiến sự sụp đổ của hai chế độ chính trị có tham vọng bá chủ toàn cầu, đó là chế độ phát xít và chế độ cộng sản. Cả hai chế độ đều có sức mạnh chính trị và quân sự tưởng như không gì đương cự nổi. Cả hai đều đã bành trướng thế lực trên một phần quan trọng của thế giới. Cả hai đều đã đẩy hàng chục, hàng trăm triệu con người vào chết chóc, đói nghèo và tủi nhục. Nhưng dù có sức mạnh và tàn bạo đến đâu những chế độ như thế không thể nào tồn tại được lâu dài vì chúng đi ngược dòng tiến hóa chung

của nhân loại. Những chế độ và chính quyền như thế chỉ có hai lựa chọn: hoặc là thay đổi chính sách, từ bỏ tham vọng bá quyền, từ bỏ bạo quyền, dù nhân danh bất cứ gì, để hòa nhập vào cộng đồng nhân loại và dân tộc, hoặc là bị thời đại và quần chúng đào thải bằng bạo loạn hay chiến tranh. Lịch sử đã chứng minh điều đó và sẽ mãi mãi chứng minh điều đó.

Dân tộc ta hiện nay đang đứng trước một khúc quanh quan trọng của lịch sử: hoặc là nhanh chóng vượt ra khỏi thời kỳ suy thoái để vươn lên cùng hưởng ánh sáng văn minh của nhân loại, hoặc là tiếp tục bị chìm đắm trong nghèo nàn và lạc hậu. Thời kỳ suy thoái của lịch sử dân tộc ta đã kéo dài quá lâu, ít nhất cũng từ Trịnh Nguyễn phân tranh tới nay. Trong thời kỳ này tuy đất nước có phát triển tới phương Nam, mở rộng thêm được không gian sinh tồn, nhưng cho tới nay dân tộc ta vẫn chưa giải quyết được những vấn đề tiến hóa căn bản nhất và quan trọng nhất. Dân tộc ta có một sức mạnh mà không ai có thể phủ nhận. Đó là sức mạnh thắng lướt được mọi ý đồ ngoại xâm và đồng hóa bất cứ từ đâu tới, để tiếp tục tồn tại như một đất nước có tự chủ. Nhưng một dân tộc không thể chỉ tồn tại mà phải phát triển. Dân tộc ta đã từng nhiều lần phát huy được sức mạnh của cả trái tim lẫn trí tuệ để đối kháng và tồn tại nhưng vẫn chưa phát huy đúng mức được sức mạnh tim óc và bàn tay để phát triển đất nước cả trong văn hóa lẫn kinh tế. Một dân tộc không thể tự hành diện với sự có mặt của mình trong cộng đồng nhân loại khi mà đời sống hàng ngày quá thấp kém cả về tinh thần lẫn vật chất. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh của thế giới ngày nay khi mà các cuộc cách mạng công nghiệp, nhất là công nghiệp điện tử, đã mở ra cho nhân loại những triển vọng tiến hóa hầu như vô tận. Trong bối cảnh đó dân tộc ta đang đứng trước hai thách thức đều to lớn như nhau: một là phát huy được một cách tích cực tiềm năng của toàn dân để phát triển đất nước, và hai là không những phải bắt kịp đà tiến hóa của nhân loại mà còn phải tích cực đóng góp những nét đặc thù vào dòng tiến hóa chung đó.

Chúng ta sẽ không thể tự hào về dân tộc ta nếu không trực diện và giải quyết thành công hai thách thức này.

Nhưng hai thách thức này đang được đặt ra cho mọi người Việt, cả trong nước lẫn hải ngoại, những công việc hết sức khẩn thiết. Tiềm năng và sức sống của toàn dân vẫn còn đó, dù sau bao chết chóc tang thương và mất mát. Đất nước vẫn còn đó với bao tài nguyên chưa khai phá. Thế giới và nhân loại vẫn luôn không ngừng phát triển và tạo những cơ hội tiến hóa cho mọi dân tộc. Nhưng tiềm năng chưa được phát huy, tài nguyên đang bị phung phí và biết bao cơ hội phát triển đã bị vượt qua. Đất nước không thể phát triển được trước một tình trạng như thế. Dân tộc ta không thể thoát khỏi được thời kỳ suy thoái nếu tình trạng trì trệ hiện nay không được giải quyết. Đây là lúc mà dân tộc ta phải chứng tỏ bản lãnh của mình. Nhưng bản lãnh của dân tộc chỉ có thể thể hiện được khi người dân có cơ hội để phát triển năng lực và trí tuệ vẫn còn tiềm ẩn, khi lửa nhiệt tình được khơi dậy tự đáy lòng mỗi người và tự đáy tầng của xã hội. Và, trong bối cảnh của thế giới hôm nay, bản lãnh của một dân tộc không thể nào thể hiện được với sự chai lì của một trái tim không hề biết rung động trước những khổ đau của người dân, với một khối óc sơ cứng luôn bị ám ảnh bởi quyền lực và giáo điều.

Thưa quý vị, thưa các bạn,

Về tình trạng đất nước hiện nay tôi thiết nghĩ mọi người Việt thực sự lo âu cho tương lai dân tộc đều đã thấy rõ. Vấn đề chính mà tất cả chúng ta đều quan tâm, theo thiên ý, là chúng ta, những người Việt tự do ở hải ngoại, có thể làm gì được trước tình trạng đó. Vấn đề này, tự bản thân nó, đã đặt chúng ta trước những giới hạn thực tế, trong đó có những giới hạn chúng ta có thể vượt qua được, nhưng cũng có những giới hạn chúng ta chỉ có thể vượt qua trong những điều kiện nhất định. Giới hạn trước tiên là không gian. Chúng ta ở ngoài đất nước, vừa không trực tiếp chịu những đe dọa về an ninh, vừa không tiếp cận hàng giờ, hàng ngày với đời sống khó khăn của dân chúng. Giới hạn này có thể giúp chúng ta nhìn tình hình một cách bình tĩnh và khách quan hơn, với điều kiện là có được những thông tin chính xác và nhiều mặt. Đồng thời khoảng cách không gian cùng với những ràng buộc trong đời sống thực tế ở hải ngoại cũng giới hạn khả năng tác động của chúng ta

vào tình hình trong nước một cách trực tiếp. Hơn thế nữa, ngay chính môi trường hải ngoại đã là một khoảng không gian quá rộng lớn khiến cho việc phối hợp hoạt động bị khó khăn và chậm chạp, có thể ứng phó được với tình hình lúc bình thường nhờ có các phương tiện truyền thông điện tử, nhưng với những diễn tiến đột biến và bất thường thì rất dễ bị vượt qua.

Ngoài giới hạn dễ thấy ở trên, chúng ta còn bị chi phối bởi tính phức tạp của tâm lý chính trị của cộng đồng người Việt hải ngoại, một cộng đồng rất năng động nhưng cũng rất đa dạng với nhiều khác biệt về nhận thức cũng như về những phương thức hành động, có khi cả về những mục tiêu cụ thể. Tính đa dạng này vừa phản ảnh tính đa nguyên tương đối của xã hội chung, vừa là hệ quả đương nhiên của xã hội Việt Nam bị phân hóa tương tranh trong vòng nửa thế kỷ qua, chưa tìm được định hướng phát triển thích hợp và ổn định.

Một giới hạn quan trọng khác nữa mà chúng ta cũng cần quan tâm. Đó là khoảng cách tâm lý chính trị giữa cộng đồng người Việt hải ngoại với chính giới và cộng đồng dân chúng bản xứ. Việt Nam có còn là vấn đề nóng bỏng đối với dư luận quốc tế nói chung và đối với dư luận của nhân dân bản xứ nơi chúng ta sinh sống nữa hay không. Và nếu có thì với mức độ và xu hướng như thế nào?

Với những giới hạn thực tế khách quan kể trên, tôi cho rằng chúng ta cần hướng cuộc vận động cho tự do dân chủ của chúng ta vào hai lãnh vực và trên ba mặt trận. Hai lãnh vực là văn hóa và chính trị; ba mặt trận là quốc nội, quốc ngoại và quốc tế. Hai lãnh vực và ba mặt trận này có những mối tương quan hỗ trợ và liên kết nhau cả trên mục tiêu lẫn trên chiến lược và chiến thuật. Đồng thời mỗi lãnh vực và mỗi mặt trận lại có những mục tiêu, chiến lược và chiến thuật riêng biệt phù hợp với tính chất cũng như mục tiêu đặc thù của mỗi lãnh vực mỗi mặt trận.

Về lãnh vực văn hóa, tôi cho rằng đây phải là lãnh vực cốt lõi của cuộc vận động hiện nay của chúng ta. Cái thiếu vắng lớn nhất trong cuộc vận động chính trị hiện nay của chúng ta là thiếu vắng tư tưởng - tư tưởng hiểu như một công cụ lý luận, một vũ khí tinh thần không những bẻ gãy mọi lý luận thuần túy và lý luận thực tiễn của đối phương, mà còn đưa ra được một giải pháp khả thi cho một nước Việt Mới, một giải pháp vừa đáp ứng nguyện vọng

thực tiễn và lâu dài của toàn dân, vừa phù hợp với đặc thù tính của dân tộc và trào lưu chung của nhân loại. Trong thời đại trí tuệ và truyền thông hiện nay không có một bạo quyền nào, dù thô bạo hay tinh vi, lại có thể tồn tại được trước những cơn sóng trào tư tưởng tiến bộ của thời đại. Hơn thế nữa, dân tộc ta chỉ có thể thoát ra khỏi thời kỳ suy thoái nếu tìm được một định hướng phát triển ổn định và bền vững để tập trung được sức mạnh toàn dân vào công việc xây dựng tích cực và lâu dài. Riêng đối với cuộc vận động chính trị hiện nay, những cố gắng trong lãnh vực văn hóa không những tạo ra những đồng thuận càng ngày càng sâu sắc và rộng lớn giữa tất cả những người Việt đấu tranh cho tự do dân chủ, mà còn tác động tích cực và chủ động vào cộng đồng quốc tế có lợi cho công cuộc vận động của chúng ta. Sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế là cần thiết, điều đó tất cả chúng ta đều đã biết. Nhưng cộng đồng quốc tế chỉ hỗ trợ chúng ta khi họ thấy rằng mục tiêu và nội dung cuộc vận động của chúng ta vừa có thể nhập trào lưu tiến hóa chung của thời đại, vừa đáp ứng ngay chính những lý tưởng tự do và khai phóng của chính họ. Do đó tôi tin rằng thành công trên lãnh vực văn hóa là yếu tố quyết định sự thành công trên lãnh vực chính trị ở cả ba mặt trận quốc nội, quốc ngoại và quốc tế.

Để lãnh vực văn hóa có thể thành công được, chúng ta cần chú trọng ba công việc: nghiên cứu học thuật, truyền thông và đào tạo, trong đó nghiên cứu học thuật là trọng tâm. Chúng ta cần có những nói tư tưởng (think tanks), và những hình thức sinh hoạt động não (brain storming). Những sinh hoạt này cần được gắn liền với công việc đào tạo để vừa giúp nâng cấp nhân sự và công tác, vừa làm cho công việc nghiên cứu và động não có nội dung và hậu quả thực tiễn. Riêng truyền thông hiện nay là một công việc mà chúng ta có thể sử dụng để tác động mạnh mẽ và sâu rộng nhất tới tình hình trong nước cũng như ở quốc ngoại và quốc tế. Đồng thời thông qua những hệ thống truyền thông nhất là truyền thông điện tử, chúng ta lại thường xuyên có được những thông tin mới cũng như những phản hồi (feedback) cần thiết để điều chỉnh và cải tiến chủ trương hoạt động.

Mặc dù công việc văn hóa đóng vai trò quyết định nhưng không thể tách rời khỏi các lãnh vực chính trị. Văn hóa không gắn liền với môi trường chính trị, với những

ưu tư và giải pháp chính trị thì chỉ là một nền văn hóa thấp ngà, văn hóa cung đình hoặc kinh viện, văn hóa của trà dư tửu hậu. Ngược lại chính trị thiếu nền tảng văn hóa sẽ dễ sa đà vào những hoạt động chính trị cơ hội hoặc đảng tranh. Chính trị thiếu nền tảng văn hóa không những không giúp chúng ta tháo gỡ được gốc rễ chế độ độc tài toàn trị, mà cũng không giúp giải quyết được những vấn đề yếu kém căn bản trong dòng sống tiến hóa của dân tộc ta.

Một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hiện nay của chúng ta là tạo được một môi trường văn hóa, chính trị và xã hội thích hợp và thuận lợi cho việc phát triển đất nước. Ở đây có vài quan điểm cần được làm sáng tỏ. Trước hết chúng ta cần tách biệt giới có chức có quyền hiện nay, giới thống trị, cụ thể là ban lãnh đạo đảng cộng sản, ra khỏi quần chúng bị trị. Đối với giới thống trị, chúng ta dứt khoát không nhân nhượng, không thỏa hiệp mà chỉ đòi hỏi, mà một trong những đòi hỏi cụ thể là họ phải chấm dứt mọi hình thức đàn áp những tiếng nói bất đồng. Còn đối với quần chúng bị trị chúng ta cần cố gắng tập hợp được mọi thành phần khác nhau, không phân biệt vì bất cứ lý do gì, miễn là cùng chung mục tiêu đấu tranh cho tự do dân chủ. Chúng ta cần có lập ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay về mặt dư luận cả ở quốc nội lẫn quốc tế. Tôi đề nghị chúng ta nên hoạt động trong niềm tin tưởng rằng bất cứ người Việt thật tâm yêu nước nào hiện nay đều thấy rõ là đất nước ta không thể phát triển nếu không có tự do dân chủ, nếu cơ chế chính trị độc đoán độc quyền hiện nay còn tồn tại.

Trong đường hướng đó, một vấn đề khác cũng cần được làm sáng tỏ. Đó là vấn đề hòa hợp và hòa giải dân tộc cũng như vấn đề đoàn kết dân tộc. Không một người Việt thực tâm yêu nước nào mà lại muốn dân tộc ta tiếp tục bị xâu xé bởi hận thù, bởi những khác biệt về chính kiến khi mà dân tộc đã trải qua suốt năm mươi năm dài với bao tang tóc, khổ đau và chia rẽ, khi mà thế giới đang bước vào kỷ nguyên toàn cầu hóa và nhân loại hóa. Tuy nhiên trên toàn thế giới cũng như ở mỗi quốc gia vẫn đang tồn tại một cuộc đấu tranh giữa tự do và áp chế, giữa dân chủ và độc tài, giữa tôn trọng nhân quyền và chà đạp nhân quyền, giữa nghèo khổ lạc hậu và phồn vinh tiến bộ. Trong cuộc chiến đấu đó chúng ta không thể nhân nhượng và hòa giải với áp chế, với độc tài, với chà đạp nhân quyền. Cụ thể trong tình hình nước ta hiện nay chúng ta không thể hòa giải với ban lãnh

đạo độc đoán hiện nay khi bản thân họ chưa hòa giải với chính người dân, với chính những người bất đồng chính kiến ngay trong đảng của họ, với chính những thành phần không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản ngay ở trong nước. Họ cũng từng kêu gọi hòa giải, kêu gọi đoàn kết dân tộc, nhưng hòa giải và đoàn kết kiểu Liên Việt, kiểu Việt Minh, kiểu Mặt Trận Tổ Quốc chỉ tạo thêm chia rẽ, gây thêm thù hận để củng cố thêm quyền lực độc đoán mà thôi. Do đó chúng ta đòi hỏi ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay hãy chứng thực bằng hành động, cụ thể hãy thả hết những người còn bị giam giữ vì lý do chính trị, tư tưởng và tôn giáo; hãy chấm dứt mọi hình thức đàn áp chính trị, tư tưởng và tôn giáo, hãy chấp nhận sự hiện hữu của những tiếng nói đối lập thuộc mọi khuynh hướng chính trị không cộng sản, và hãy tạo điều kiện cho một cuộc đối thoại chính trị tự do, thẳng thắn và thân ái. Chỉ như thế, và chỉ sau khi có các điều kiện như thế ở trong nước chúng ta mới có thể nói chuyện đến hòa giải, đến đối thoại với những người cộng sản đang cầm quyền được. Nói cách khác chúng ta phải đòi hỏi ban lãnh đạo cộng sản hiện nay phải từ bỏ bạo lực, từ bỏ bạo quyền để tạo điều kiện và môi trường cần thiết và thuận lợi cho việc hòa giải dân tộc. Bạo quyền chỉ dẫn tới thù hận và bạo loạn. Ban lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay chỉ có hai chọn lựa: một là từ bỏ bạo quyền và chấp nhận sự cạnh tranh tự do và bình đẳng giữa họ và những người bất đồng chính kiến với họ, hai là tan rã trong bạo loạn. Tất nhiên họ đang cố gắng vận dụng những thủ thuật chính trị quen thuộc để một mặt xoa dịu sự chống đối bằng một vài cải mở tạm thời và giả tạo, mặt khác tăng cường đàn áp bằng các biện pháp tinh vi và kín đáo hơn. Nhưng một mặt những biện pháp và thủ đoạn này đã được sử dụng nhiều lần nhưng phong trào chống đối chưa bao giờ bị dập tắt, mà chỉ mỗi ngày một phát triển sâu rộng hơn. Mặt khác bạo lực dù tinh vi đến đâu, không bao giờ có thể ổn định được tình hình chính trị và giúp giải quyết được tận cội rễ vấn đề phát triển đất nước, và do đó bạo loạn vẫn thường xuyên tiềm ẩn chỉ chờ dịp bùng lên. Do đó, nếu ban lãnh đạo cộng sản không nhanh chóng thay đổi đường lối chấp nhận tự do dân chủ, và nếu cộng đồng quốc tế cũng như các chính phủ dân chủ không áp lực mạnh mẽ để nhóm lãnh đạo cộng sản Việt Nam hiện nay thay đổi trong lãnh vực chính trị và văn hóa tư tưởng, như trong kinh tế, thì sợ khó tránh

được bạo động, dù đó là bạo động tự phát hay có tổ chức.

Thưa quý vị, thưa các bạn,

Nhìn về thực tế hôm nay cũng như như triển vọng tương lai của đất nước ta tôi thấy đang hiện hữu hai chiều hướng, một ở trên mặt tầng và một ở dưới đáy tầng xã hội. Trên mặt tầng xã hội sự sụp đổ của chế độ cộng sản nói riêng và của mọi chế độ độc tài nói chung là tất yếu vì mọi hình thái chính trị đó không những đi ngược dòng tiến hóa chung của nhân loại, mà còn không thể khai thông được dòng tiến hóa riêng của dân tộc vốn đã bế tắc từ quá lâu rồi, và do đó không đáp ứng được khát vọng tự do hạnh phúc đã quá lớn lao của toàn dân. Mặt khác, dưới đáy tầng xã hội đang cuộn cuộn chảy một dòng suối mới dù âm thầm không hình dạng nhưng ngày càng mãnh liệt. Dòng sống đó tự nhiên hình thành như một phản ứng tự vệ tất nhiên trước sự bế tắc và bất lực của mặt tầng bảo thủ và độc đoán. Sức mạnh của dòng sống đáy tầng này là một nhân tố quyết định không những cho sự sụp đổ của mặt tầng bảo thủ độc đoán hiện nay, mà còn cho cả sự hình thành một nước Việt Nam mới trong tương lai. Tôi cho rằng một nước Việt Nam mới đang ra đời. Nó ra đời ngay trong đáy lòng của mỗi người dân Việt, trong đáy tầng của xã hội trong nước, trong tính chất đa dạng và năng động của cộng đồng người Việt hải ngoại. Nó đang ra đời trong bối cảnh của một xã hội nhân bản toàn cầu đang hình thành. Chúng ta, những người Việt tự do hải ngoại, có nhiều điều kiện và năng lực thuận lợi để đóng góp tích cực vào việc hình thành nước Việt Nam mới này. Nhưng để làm được việc đó, chúng ta cần tự thăng hoa thành những công dân tiên tiến và tiên phong nhất của nước Việt Mới. Có như thế chúng ta mới xứng đáng với những đau khổ mà bản thân chúng ta và bao người thân quen đã phải chịu, mới đáp ứng được khát vọng tự do hạnh phúc của toàn dân, và mới đưa công cuộc vận động chính trị hiện nay của chúng ta sớm đến thành công.

Xin trân trọng cảm ơn sự chú ý theo dõi của quý vị và các bạn.

**Đoàn viết Hoạt**

*(\*) Đây là nguyên văn bài nói chuyện của GS Đoàn Viết Hoạt trong buổi gặp gỡ với 500 đồng bào và thân hữu tổ chức tại Paris vào ngày 31-1-1999.*

## Dân chủ đa nguyên và đồng thuận Euro

Ngày 1.1.1999 đơn vị tiền tệ độc nhất Euro ra đời đánh dấu một đồng thuận trong quá trình liên hiệp cộng đồng châu Âu, một tập hợp của nhiều dân tộc có những thể chế dân chủ đa dạng, nếu không muốn nói là đa nguyên.

Euro được thành hình một cách nhanh chóng là nhờ một lý do chính trị hoàn toàn độc lập với những ý chí xây dựng Liên hiệp châu Âu. Đó là sự sụp đổ của bức tường Bá Linh (9-11-1989) và sự thống nhất nước Đức (3-10-1990). Có nhiều lập luận cho rằng hai biến cố này là điều kiện không có không được để Euro ra đời.

Vào năm 1989, Chủ tịch Ủy hội châu Âu, Jacques Delors, báo cáo chương trình xây dựng một đơn vị tiền tệ châu Âu, qua ba tiến trình. Hiệp ước Maastricht đã được ký kết vào ngày 7-2-1992 mô tả một cách tỉ mỉ các điều kiện thành hình đơn vị tiền tệ này. Thành hình một đơn vị tiền tệ độc nhất cho cộng đồng có nghĩa phải hy sinh các tiền tệ quốc gia. Đối với các đồng tiền yếu, đó là một điều lợi. Trái lại, đối với các đồng tiền mạnh như đồng Đức mã (Mark), đó là một sự hy sinh rất lớn. Người Đức cho rằng đó không những là một hy sinh thuần túy tài chính, mà là một hy sinh chính trị, nếu không muốn nói niềm tự hào dân tộc. Thật vậy, sau những thất bại của hai cuộc đại chiến, nước Đức không còn ham muốn và sự thật đã bị đặt vào thế không thể trở thành một cường quốc quân sự hoặc chính trị. Con đường thoát duy nhất cho phép dân tộc Đức đoàn kết xây dựng đất nước là ý chí trở thành một cường quốc kinh tế. Họ đã thành công và sức mạnh của đồng Đức mã đã cho phép họ lấy lại vai trò quốc tế của mình và niềm hạnh diện dân tộc. Họ đã nhận chân được sự thành công này khi đi nghỉ hè du lịch tại các nước châu Âu khác. Không những thế Ngân hàng Trung ương Đức, Bundesbank, được gọi tắt một cách kháu khỉnh là Buba, đã làm mưa làm gió trên thị trường tiền tệ quốc tế. Một cách thâm lặng và tế nhị, đó là cuộc trả đũa của dân Đức sau những thất bại của hai cuộc chiến tranh thế giới vừa qua. Nhưng cuộc thống nhất nước Đức đã làm cho

châu Âu lo sợ với những bóng ma của quá khứ Guillaume II và Hitler. Để đánh tan nỗi sợ hãi này và xúc tiến nhanh chóng sự ra đời của Euro, Thủ tướng Đức Kohl và Tổng thống Pháp Mitterrand đã gọi cho các đồng nghiệp của Liên hiệp châu Âu một bức thư vào ngày 10.4.1990, đề nghị biến đổi toàn bộ những liên hệ giữa các quốc gia thành viên trở thành một liên hiệp chính trị đích thực. Muốn thế, bước đầu của liên hiệp chính trị là sự thành hình một đơn vị tiền tệ độc nhất, nghĩa là sự hy sinh của Đức mã. Đó là điều kiện không có không được để Liên hiệp châu Âu chấp nhận thống nhất nước Đức, sáu tháng sau, vào ngày 3-10-1990.

Đồng tiền độc nhất có nhiều điều lợi kinh tế và tài chính. Trước tiên nó loại được thời giá hối đoái, với hậu quả là giá cả của sự thay đổi hối suất (các doanh nghiệp không cần phải trả bảo hiểm chống lại rủi ro thay đổi hối suất) và tiền hoa hồng ngân hàng khi đổi ngoại tệ không còn nữa. Theo sự ước tính của các chuyên gia, các phí tổn này lên đến 140 tỷ quan Pháp một năm, tương đương với 0,4 % tổng sản lượng nội địa (GDP) của Liên hiệp châu Âu. Các doanh nghiệp và tư nhân trực tiếp thụ hưởng các tiết kiệm này. Ngoài ra, đối với đô la Mỹ và đồng Yen, Euro sẽ ổn định hơn các đồng tiền quốc gia thành viên, do đó nó có thể cung cấp một lãi suất thấp, sẽ khuyến khích đầu tư và tiêu thụ. Sự thay đổi tỷ giá làm cho các tác nhân kinh tế trở nên rụt rè. Cách ứng phó này của các nhà kinh doanh được đánh giá bằng 0,5 điểm của sự tăng trưởng của GDP vào những năm 1995 và 1996. Điều đó có nghĩa với Euro, Liên hiệp châu Âu sẽ có triển vọng gia tăng kinh tế. Các nước của Liên hiệp châu Âu với 60% trao đổi thương mại liên cộng đồng (bằng một phần tư trao đổi thương mại quốc tế) sẽ không còn phải giữ sổ sách kế toán với nhiều thứ ngoại tệ, vô cùng phức tạp. Euro cho phép tránh được các cuộc phá giá đồng tiền quốc gia làm xáo trộn những trao đổi thương mại, vì một cuộc phá giá đồng tiền quốc gia tương đương với bao

cấp xuất khẩu hoặc thiết lập hàng rào quan thuế. Với sự xuất hiện của Euro, Hoa Kỳ không còn độc quyền làm mưa làm gió trên thị trường tiền tệ quốc tế. Từ xưa đến nay, đô la Mỹ được xem là đồng tiền độc nhất có thể trao đổi trên thị trường một cách nhanh chóng và dễ dàng ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Các Ngân hàng Trung ương và các nhà tài phiệt, luôn luôn muốn giữ các vốn đầu tư lưu động, chỉ có một cách độc nhất là mua đô la Mỹ. Nhưng tỷ giá của đồng tiền này thay đổi thường xuyên trên thị trường, và theo khuynh hướng âm. Theo Lester Thurow, giáo sư kinh tế của đại học MIT, từ năm 1994 đến tháng tư năm 1995, tiền đô la Mỹ đã sụt từ 115 yen xuống 80 yen. Những nước có dự trữ ngoại tệ bằng đô la đã mất đi 1/3 mãi lực. Từ nay, Euro cho phép các nước này được thoát khỏi vòng cương tỏa của đô la, nhất là Euro có nhiều triển vọng giữ giá một cách vững vàng hơn đô la. Mười một nước chấp nhận đồng Euro đã cam kết tôn trọng các Tiêu chuẩn đồng qui (Critères de convergence), còn được gọi là tiêu chuẩn Maastricht và Minh ước ổn định và tăng trưởng (Pacte de stabilité et de croissance). Theo Tiêu chuẩn đồng qui, các nước phải giới hạn các thâm thủng ngân sách (dưới 3% GDP), nợ công cộng (dưới 60% GDP), ổn định hối đoái (không quá 2.25%), ổn định lạm phát và ổn định lãi suất dài hạn ở mức thấp nhất. Minh ước ổn định và tăng trưởng ấn định các biện pháp trừng phạt khi thâm thủng ngân sách lên quá 3%.

Tương lai của Euro rất nhiều hứa hẹn. Ngay những ngày đầu năm 1999, khi các thị trường chứng khoán tại châu Âu định giá các cổ phần bằng Euro, các chỉ số đã tăng lên rất cao. Liên hiệp châu Âu về mặt kinh tế đã có những bước đi vững vàng của tuổi trưởng thành. Nhưng liên hiệp chính trị tương lai như thế nào, chưa ai biết được, vì ngay tại các quốc gia thành viên còn có nhiều lực lượng chính trị chống đối sự chuyển nhượng chủ quyền quốc gia, ngay cả trên bình diện tiền tệ, bằng cách chống đối hiệp ước Maastricht. Ngoài ra, các Tiêu chuẩn đồng qui còn có những kẻ hở có thể làm gia tăng nạn thất nghiệp tại các nước thành viên và tự nó chuyên chở những mâu thuẫn nội tại khó thúc đẩy sự hình thành một liên hiệp chính trị thích ứng.

Huyền Hùng

## Châu Âu bước vào thời đại Euro

Nguyễn Văn Huy

Đúng 0 giờ ngày 1-1-1999 tại Bruxelles, thủ đô nước Bỉ, Hội Đồng Châu Âu công bố sự lưu hành chính thức của đồng Euro tại 11 quốc gia đầu tiên hội đủ các điều kiện do hiệp ước Maastricht qui định. Theo hiệp ước này, các quốc gia hội viên phải hội đủ một số điều kiện về kinh tế, tài chính, ngân sách để được chấp thuận cho sử dụng đồng tiền Châu Âu thống nhất. Trước đó, ngày 2-5-1998, cũng tại Bruxelles, Hội Đồng Châu Âu công bố danh sách 11 quốc gia đầu tiên, có tên gọi chung là Euroland, được chọn sử dụng đồng tiền thống nhất, đó là Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Pháp, Ái Nhĩ Lan, Ý, Lục Xâm Bảo, Hòa Lan, Áo, Bồ Đào Nha và Phần Lan.

Đây là một sự kiện lịch sử trọng đại vì lần đầu tiên trên thế giới, 11 quốc gia phát triển và giàu có tự nguyện từ bỏ quyền phát hành đồng tiền riêng để sử dụng một đồng tiền thống nhất, đồng Euro. Quyết định này không phải dễ dàng vì cho đến nay hai quốc gia Anh và Đan Mạch - mặc dù là thành viên của Liên Hiệp Châu Âu và đã hội đủ các điều kiện do hiệp ước Maastricht ký ngày 7-2-1992 tại Hoa Lan qui định - từ chối sử dụng; hai quốc gia còn lại Thụy Điển và Hy Lạp cần phải làm nhiều cải tổ hơn nữa mới được chấp thuận gia nhập. Riêng Thụy Sĩ, quốc gia nằm ngay trung tâm Châu Âu và không phải là thành viên của Liên Hiệp Châu Âu, vẫn đứng bên lề.

Việc hình thành khối Euroland này cần được theo dõi với tất cả quan tâm vì nó để lộ sự thành hình một chiến lược toàn cầu mới: các quốc gia Tây phương, hay đúng hơn các quốc gia phát triển, củng cố vai trò lãnh đạo thế giới trong thế kỷ tới về đủ mọi mặt. Ngoài Hoa Kỳ, cường quốc đang dẫn đầu thế giới, các quốc gia Tây Âu đã kết hợp lại thành một khối ổn vững và hùng mạnh để chia sẻ với Hoa Kỳ vai trò chỉ đạo thế giới. Cho đến nay, các tập đoàn kinh tế, tài chính, truyền thông, tin học, vận tải, kỹ nghệ và dịch vụ quốc tế, từ cùng như công, đều nằm trong tay người Tây Phương, nhiều kết hợp lớn khác đang được thành hình. Trong những kết hợp này, Nhật Bản cũng đang muốn dự phần.

Trong cuộc chạy đua về tương lai, các quốc gia giàu có Tây phương không

bỏ sót một cơ hội nào để duy trì vai trò chỉ đạo thế giới. Thống nhất Châu Âu về tiền tệ chỉ là bước đầu, thống nhất Châu Âu về chính trị sẽ là bước sau, một trật tự kinh tế thế giới mới đang lộ nguyên hình.

### Thống nhất Châu Âu về tiền tệ

Nếu thế kỷ 20 là thế kỷ các quốc gia Tây Phương tranh chấp và sục xé lẫn nhau, thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của phồn vinh và hạnh phúc. Giấc mơ thống nhất Châu Âu thành một khối trong hòa bình và sung túc đang trở thành sự thật. Sau khi tỷ giá hoán chuyển chính thức của các loại tiền địa phương đối với đồng Euro được ấn định, 11 quốc gia thuộc khối Euroland đã sống những giờ phút xúc động, những tràng pháo bông chiếu sáng khắp các bầu trời Châu Âu cùng tiếng reo hò của dân chúng ngay trong phút đầu tiên của năm mới. Năm 1999, Châu Âu bước vào một thời đại mới.

Theo lịch trình được công bố tại Bruxelles đầu tháng 5-1998, Euro sẽ là đồng tiền hợp pháp được sử dụng chính thức cùng với 11 loại tiền của khối Euroland kể từ ngày 1-1-1999, tỷ giá các loại tiền quốc gia phải qui chiếu theo trị giá đồng Euro, giai đoạn này kéo dài hai năm. Ngày 1-1-2002, đồng Euro bằng giấy và kim loại sẽ xuất hiện và lưu hành song song với các loại tiền của Euroland, đến sau ngày 1-7-2002 các loại tiền địa phương sẽ mất hết giá trị và chỉ còn một loại tiền Euro.

Trong giai đoạn chuyển tiếp, tất cả mọi dịch vụ chuyển hoán qua hệ thống ngân hàng, thị trường chứng khoán của khối Euroland đều phải tính bằng Euro, các loại tiền riêng chỉ được ghi chú để thông tin. Những hoán chuyển ngoại tệ đối lấy tiền của khối Euroland, trước hết phải được tính bằng đồng Euro sau đó mới đổi ra thành tiền địa phương. Mọi hạch toán vì mô như tổng sản lượng quốc gia, ngân sách, cán cân chi phó, xuất nhập khẩu đều phải tính bằng đồng Euro. Tuy vậy những thanh khoản trong nội địa mỗi quốc gia Euroland vẫn được tính bằng các loại tiền riêng cho tới đầu năm 2002, dân chúng và xí nghiệp của khối Euroland vẫn có thể thanh khoản với nhau bằng đồng Euro nếu muốn, các ngân hàng có nhiệm vụ tính ra tiền địa phương theo tỷ giá đã

được ấn định. Hàng hóa có thể niêm yết giá bằng hai loại tiền: tiền địa phương và tiền Euro cho đến ngày 1-7-2002.

Sự ra đời của đồng Euro mới này sẽ làm thay đổi các quan hệ trong giao dịch quốc tế. Sau thế chiến II đồng đô la Mỹ (USD) gần như là ngoại tệ trao đổi chính thức trên các thị trường quốc tế và là nguồn dự trữ chính của hầu hết các quốc gia phát triển. Cho đến năm 1980, 2/3 trữ lượng ngoại tệ thế giới (68,6%) bằng đồng USD, các đồng tiền mạnh khác chỉ giữ một vai trò thứ yếu (đồng Mark của Đức: 14,9%, đồng Yen Nhật Bản: 7%, đồng Franc Pháp: 1,7% và đồng ECU của Tây Âu: 1,7%). Nhiệm vụ của đồng Euro mới này là hạn chế sự lấn lướt của đồng USD và cân bằng nguồn tiền trong các giao dịch quốc tế. Theo dự trù, sau 1999 trữ lượng ngoại tệ thế giới được phân bố lại như sau: 60% bằng đồng USD, hơn 20% bằng đồng Euro và sẽ còn tăng lên trong những năm sắp tới, đồng Yen khoảng 6%, các ngoại tệ mạnh khác (đồng Sterling của Anh, đồng Mark của Đức, đồng Franc của Pháp, đồng đô la Úc, Singapore và Canada, đồng Nhân dân Tệ của Trung Quốc...) 14%.

Trọng lượng hàng hóa trao đổi trên các thị trường quốc tế cũng sẽ thay đổi. Cho tới cuối năm 1998, 60% hàng hóa trao đổi trên các thị trường quốc tế đều bằng đồng USD, 20% bằng đồng Yen và 20% cho các loại tiền Châu Âu. Theo dự đoán, năm 2000 đồng Euro sẽ chiếm 25% tổng trị giá hàng hóa trao đổi trên các thị trường quốc tế, lấn át đồng Yen (12%), ngang ngửa với các ngoại tệ khác (23%) và chỉ còn thua đồng USD đôi chút (40%). Chỉ số trao đổi hàng hóa với các quốc gia Đông Âu cũ và Nga, các quốc gia Nam Mỹ và Á Châu khác bằng đồng Euro dự trù sẽ tăng thêm ít nhất 10% cho mười năm tới. Và kể từ sau 1999, giá cả các nguyên liệu cơ bản như dầu lửa, khoáng sản và nông nghiệp (trà, cà phê, cacao, thuốc lá, v.v...) sẽ được niêm yết bằng hai giá, USD và Euro. Khối lượng tiền tệ do khối Euroland cho vay, tương đương với 1/3 tổng trị giá các khoản cho vay trên toàn thế giới, cũng sẽ được tính bằng đồng Euro.

Nhật Bản, cường quốc kinh tế duy nhất không phải Tây Phương, nếu muốn tiếp tục ngồi chung chiếu trên phải duyệt lại toàn bộ mọi sinh hoạt văn hóa, kinh tế, chính trị để thích hợp với một thời đại mới vừa được khai sinh.

### Tiến tới thống nhất về chính trị

Nếu đồng Euro đã thống nhất những

quốc gia Tây Âu về mặt tiền tệ, lộ trình kế tiếp thống nhất về chính trị chỉ còn là vấn đề thời gian và thủ tục. Qua hai thế chiến đẫm máu, nhất là sau thế chiến II, Châu Âu đã hiểu thế nào là chiến tranh và thù hận, nhu cầu sống chung hòa bình là ước muốn của mọi người Châu Âu, phe chiến thắng cũng như phe chiến bại. Nhưng may mắn đã không đến như mọi người mong ước, sau 1947 Châu Âu chia thành hai khối: Đông Âu cộng sản thân Liên Xô và Tây Âu tư bản thân Hoa Kỳ, phát triển biệt lập và kinh chống nhau.

Năm 1949, các quốc gia Tây Âu, gồm Anh, Tây Đức, Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Lục Xâm Bảo và Ý, phục hồi và phát triển trở lại. Sự hồi phục nhanh chóng này, do sự tiếp sức của Hoa Kỳ, đã mở ra một hy vọng mới: Tây phương tiếp tục dẫn đầu thế giới về đủ mọi mặt. Nhưng vai trò áp đảo của Hoa Kỳ đã không làm Pháp vừa ý. Từ 1945 đến 1969, de Gaulle đã tìm mọi cách tách Tây Âu ra khỏi quỹ đạo của Hoa Kỳ. Ngày 9-5-1950, bộ trưởng ngoại giao Pháp Robert Schuman tuyên bố: "Châu Âu phải được xây dựng trên những dự án cụ thể, trước hết là sự đoàn kết".

Dự án cụ thể nào và đoàn kết trên căn bản nào? Đó là những câu hỏi mà chính quyền de Gaulle đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể và được nhiều quốc gia Tây Âu khác hưởng ứng. Pháp đã trực tiếp hay gián tiếp thành lập một số kết hợp lớn như Cộng Đồng Châu Âu về Than Đá và Thép (CECA) ngày 18-4-1951 tại Paris, gồm sáu nước Pháp, Tây Đức, Ý, Hòa Lan, Bỉ và Lục Xâm Bảo. Tiếp đến là sự ra đời của Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu (CEE) và Cộng Đồng Châu Âu về Năng Lượng Nguyên Tử (Euratom) ngày 25-3-1957 tại Roma, Thỏa Ước Tiền Tệ Châu Âu (AME), rồi Chính Sách Nông Nghiệp Chung (PAC) năm 1961, Liên Hiệp Tài Khoản (UC) năm 1962, Ủy Ban các Thống Đốc Ngân Hàng năm 1964 và Liên Hiệp Thuế Quan năm 1968. De Gaulle từ chức sau một cuộc trưng cầu dân ý thất bại năm 1969, nhưng ông đã để lại cho các thế hệ sau khái niệm về một Châu Âu thống nhất.

Từ sau 1970 trở đi, các quốc gia Tây Âu tiếp tục thực hiện nhiều dự án chung về ngân sách, tài chính và thuế quan nhằm tách khỏi sự lệ thuộc đối với Hoa Kỳ, nhất là ra khỏi quỹ đạo của đồng đô la Mỹ (USD). Nhưng các quốc gia Tây Âu không những không thoát ra được mà còn khốn khổ với đồng đô la khi Mỹ tuyên bố bỏ khả năng đổi thành vàng của đồng USD, qua thỏa ước Bretton Woods 1971.

May mắn đã đến với Tây Âu sau cuộc khủng hoảng dầu lửa năm 1973 và sự gia nhập của ba thành viên mới (Anh, Đan Mạch và Ái Nhĩ Lan). Nhờ có số đồng, 9 quốc gia Tây Âu thành lập Hệ Thống Tiền Tệ (SME) năm 1979 và lấy đồng ECU (European Currency Unit) làm đơn vị thanh khoản. Nhờ hệ thống này, đồng tiền 9 quốc gia Tây Âu có chỗ dựa ổn định, nhất là đồng Mark của Tây Đức, và nhận thêm nhiều thành viên mới (Hy Lạp năm 1981, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha năm 1986 và sự hội nhập của Đông Đức được vào Tây Đức năm 1989, nâng tổng số thành viên lên 12 quốc gia và đổi tên thành Liên Hiệp Châu Âu ngày 7-2-1992, qua hiệp ước Maastricht. Năm 1995, Liên Hiệp Châu Âu có thêm Áo, Phần Lan và Thụy Điển, nâng tổng số thành viên lên 15 như ngày nay, với 3.236.633 km<sup>2</sup> diện tích, 375 triệu dân và một GDP (1998) 8.600 tỷ USD/năm (GDP Hoa Kỳ: 7.700 tỷ USD/năm 1998).

Sự lớn mạnh này cho phép các quốc gia Tây Âu ký kết thêm nhiều văn kiện kinh tế tài chính nội bộ quan trọng khác nhằm biến Liên Hiệp Châu Âu thành một trung tâm quyền lực mạnh về kinh tế. Qua kết hợp này, Liên Hiệp Châu Âu có thể có một lập trường chung trước một số vấn đề quốc tế trọng đại. Thêm vào đó, Pháp còn thành lập khối Pháp Thoại qui tụ các quốc gia cùng chia sẻ tiếng Pháp để vận động dư luận và tăng cường vai trò của Pháp trên các diễn đàn Liên Hiệp Châu Âu và quốc tế. Nhiều quốc gia Đông Âu khác như Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi, Ba Lan, Slovénie, Estonie, Malte và Lettonie, và Chypre cũng đã ngỏ ý xin gia nhập.

Tuy nhiên không phải trong quốc gia Tây Âu nào cũng đạt đồng thuận tuyệt đối trong việc xóa bỏ ranh giới và quyền phát hành tiền, 44% dân chúng Tây Âu đã bỏ phiếu chống. Người Anh, Đan Mạch và Thụy Điển, mặc dù là thành viên của Liên Hiệp Châu Âu, phủ nhận hiệp ước Maastricht vì không muốn bị mất bản thể và đồng tiền quốc gia. Sự từ khước này chắc sẽ không dài lâu vì quyền lợi của ba thành viên này gắn bó chặt chẽ với Liên Hiệp Châu Âu. Hy Lạp thì rất muốn gia nhập nhưng chưa hội đủ điều kiện.

Ngoài lợi thế về địa lý, các quốc gia trong Liên Hiệp Châu Âu gần như đều có trình độ văn hóa và mức sống ngang nhau, tất cả cùng chia sẻ những giá trị chung của thời đại (dân chủ, tự do, nhân quyền, nhà nước pháp trị, liên đới, hòa bình, đối thoại, kinh tế tự do, tôn trọng ý kiến và sáng kiến cá nhân, v.v...). Trở ngại duy nhất là

ngôn ngữ, nhưng một thanh niên Tây Âu trung bình nói thông thạo ít nhất hai hoặc ba sinh ngữ, sự khác biệt ngôn ngữ chưa bao giờ là một trở ngại trong các giao dịch. Khái niệm chủ quyền quốc gia cổ điển đang bị đào thải, một quốc gia mới sắp được thành hình: Liên Bang Châu Âu. Quốc tịch, biên giới quốc gia và quá khứ đối nghịch của các bậc cha anh không còn là bận tâm của tuổi trẻ Tây Âu.

Khi chấp nhận sử dụng một đồng tiền chung, khối Euroland đã một phần nào chấp nhận thống nhất về chính trị. Liên Hiệp Châu Âu đã có một chủ tịch đoàn (Hội Đồng Châu Âu) với một chủ tịch luân phiên, có một Quốc Hội, một Hội Đồng Các Bộ Trưởng và một Ngân Hàng Trung Ương. Đầu năm nay, Liên Hiệp Châu Âu sẽ đề cử một "bộ trưởng ngoại giao" chính thức, đại diện Liên Hiệp Châu Âu trong các hội nghị quốc tế. Tháng 6-1999 tới đây, Quốc Hội Châu Âu sẽ được bầu lại mà nhiệm vụ chính là bàn thảo và ban hành các đạo luật thành lập các định chế đó.

Hiện nay còn một lần cần chưa được giải quyết, đó là vai trò của khối NATO tại Châu Âu. Khối này được thành hình và đặt dưới sự chỉ đạo của Hoa Kỳ khi chiến tranh lạnh giữa Tây Âu và Đông Âu đang ở hồi dữ dội, nay Đông Âu và Liên Xô không còn nữa, vai trò của NATO đang được xét lại. Xung đột tại vùng Balkan (Nam Tư cũ) đang buộc Liên Hiệp Châu Âu sớm hình thành một lực lượng quân sự chung.

Sự kiện nhiều quốc gia Châu Âu có chủ quyền và giàu mạnh tự nguyện xóa bỏ một phần bản thể, chấp nhận một biên giới chung và một đồng tiền chung, cho thấy trật tự thế giới mới đang thành hình và các khái niệm về chủ quyền quốc gia cổ điển đang được xét lại.

Trong thế chiến lược toàn cầu mới này, không có chỗ đứng cho những quốc gia tự tách rời khỏi tiến hóa kinh tế cùng như chính trị của thế giới. Quốc gia nào biết chọn những giá trị căn bản thuận lợi cho phát triển thì còn chút hy vọng thoát cảnh bị bóc lột và còn có thể tranh thủ được một chỗ đứng.

Các cấp lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam hiện nay - tiếp tục phủ nhận dân chủ, ngoan cố duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa - đang đi sâu vào con đường sai lầm. Nếu tiếp tục thì chắc chắn họ sẽ phải trả lời trước quốc dân về những hậu quả vô cùng tai hại cho đất nước vì chính sách lỗi thời của họ.

Nguyễn Văn Huy



## Châu Âu, thế giới, và chúng ta

Nguyễn Gia Kiểng

Ngày 1-1-1999, một thực thể lớn đã ra đời. Mười một quốc gia Tây Âu đã tự nguyện từ bỏ chủ quyền quan trọng nhất của họ, quyền phát hành tiền, để hòa nhập với nhau trong một tập thể. Sự kiện trọng đại này cần được nhận định đúng với tầm vóc của nó.

Trong lịch sử thế giới, chưa bao giờ một khối lớn như vậy được khai sinh. Mười một quốc gia vừa kết hợp với nhau bao gồm toàn bộ Tây Âu lục địa, với 300 triệu dân và một tổng sản lượng 6.300 tỷ USD. Đó là một siêu cường tương đương với Hoa Kỳ.

Sự kỳ diệu không dừng ở đó. Các ý đồ gồm thâu thế giới trước đây của Alexander đến Hitler, qua các đế quốc La Mã, Mông Cổ và Ottoman, rồi Napoléon, dù chưa bao giờ đạt được tầm vóc đó, đều dựa trên bạo lực và bị tiêu diệt bởi bạo lực. Khối Euro - hãy tạm gọi như thế - trái lại đã được thành lập trong hòa bình và bằng đồng thuận. Nó không thành hình trong kinh hoàng và nước mắt mà trong hân hoan và tiếng cười.

Tiến trình thống hợp Châu Âu sẽ còn tiếp tục theo hai hướng: gia tăng về tầm vóc và thống nhất về tổ chức. Cuối lộ trình là một Liên Bang Âu bao gồm hai mươi lăm quốc gia với một đồng tiền chung, một chính sách ngoại giao chung, một chính sách di trú và trị an chung, một cố gắng phòng thủ chung, gần giống nhưng lớn hơn Hoa Kỳ. Đó sẽ là siêu cường số một của thế giới.

Công bằng mà nói, đây không phải là lần đầu tiên có một chủ trương kết hợp bằng tư tưởng. Phong trào cộng sản cũng đã là một tham vọng hợp nhất thế giới dưới một ý thức hệ. Nhưng nó đã thất bại. Giữa công thức cộng sản và công thức Tây Âu, ít nhất có hai khác biệt căn bản:

Một là công thức cộng sản lấy chuyên chính - chuyên chính vô sản - làm nền tảng, trong khi công thức Tây Âu lấy dân chủ và nhân quyền làm mẫu số chung. Sự thất bại của công thức cộng sản và sự thành công của công thức Tây Âu thật là đầy ý nghĩa.

Hai là khác biệt về lộ trình. Nói một cách giản lược, thế giới có hai loại trung tâm quyền lực ảnh hưởng trực tiếp lên đời sống hàng ngày: quyền lực chính trị của

các nhà nước và trọng lượng kinh tế của các công ty. Công thức cộng sản chủ trương xóa bỏ các công ty tư nhân để tập trung mọi quyền lực về nhà nước trước khi - theo một giấc mơ đã chứng tỏ chỉ là một ảo tưởng - tiến tới xóa bỏ các biên giới chính trị trong một "thế giới đại đồng". Công thức Tây Âu trái lại, khuyến khích sự tăng trưởng của các công ty tư nhân và giảm thiểu dần dần vai trò của nhà nước. Thắng lợi của công thức Tây Âu có nghĩa là các quan hệ quyền lực sẽ phải được xét lại. Các thế hệ sắp tới, khi học sử thế giới, sẽ phải học cả lịch sử các quốc gia lẫn lịch sử của các công ty lớn, và rất có thể là học bằng tiếng Anh.

Như thế, người Tây Âu sau khi đã dùng nhiều thế kỷ để thai nghén và khai sinh ra ý niệm quốc gia đang từng bước rời bỏ ý niệm này. Nhờ sự hình thành của các quốc gia, họ đã trở nên hùng mạnh vượt hẳn phần còn lại của thế giới (Hoa Kỳ chỉ là một sự mở rộng của Tây Âu), nhưng ngày nay họ đã đạt tới một mức độ phát triển ở đó các chính quyền quốc gia không cần thiết nữa mà còn là một cản trở. Sự hình thành đang diễn ra nhanh chóng của Liên Bang Âu là một công phá mới vào ý niệm quốc gia dân tộc, vốn đã lung lay vì những kết hợp khu vực và những công ty đa quốc gia. Nếu những quốc gia rất thành công và có mọi lý do để tự hào đã tự ý từ bỏ chủ quyền để hòa nhập vào một thực thể lớn hơn thì những quốc gia nghèo khổ, lạc hậu còn có lý do gì để tồn tại?

Cần nhận định dứt khoát, các quốc gia sẽ không thể tồn tại như hiện nay mà sẽ phải thay đổi cả trong khái niệm lẫn tổ chức, nếu không sẽ tan rã. Các quốc gia không thể được quan niệm như những bức tường ngăn cách, càng không thể là những vùng đất bất khả xâm phạm, trong đó các tập đoàn độc tài bạo ngược tha hồ tác oai tác quái nhân danh chủ quyền quốc gia. Các quốc gia như thế chắc chắn sẽ chết, trước hết trong lòng người dân rồi sau đó chết thực sự.

Nhưng ngay cả chúng ta có nhìn xa đến đâu đi nữa thì quốc gia ít nhất vẫn là một chặng đường cần thiết. Một lý do giản dị là không ai muốn hòa nhập với các quốc gia lạc hậu. Quốc gia, được định nghĩa như quyền lực và tài sản chung của

mọi người dân bình đẳng, đã ra đời nhờ khái niệm dân chủ để thay thế cho các vương quốc được coi như sở hữu độc quyền của các vua chúa. Phần còn lại của thế giới, khi tiếp xúc với các nước phương Tây và nhận ra sức mạnh áp đảo của họ đã nhanh chóng bắt chước cách tổ chức nhà nước của họ nhưng lại thường không hiểu rằng nền tảng thực sự của quốc gia, và lòng yêu nước mà nó hàm chứa, là dân chủ nên đã chỉ tạo ra những quốc gia giả tạo trong đó tinh thần bài ngoại được hiểu lầm là lòng yêu nước. Tại phương Tây quốc gia là một sản phẩm của dân chủ. Đó là một không gian liên đới và tình cảm của những con người cùng chia sẻ một lịch sử và những điều kiện sinh sống, nhờ đó dễ hiểu nhau và có thể giúp nhau cùng tiến lên. Chính vì thế mà quốc gia cần thiết, đáng quý trọng, xây dựng và gìn giữ. Quốc gia phải là một dự án tương lai chung và một tình cảm hay không là gì cả và không thể tồn tại.

Chúng ta đang ở đâu? Phải can đảm nhìn thẳng vào sự thực: đất nước đã vắng mặt hoặc chỉ còn hiện diện một cách mờ nhạt trong quan tâm của đại đa số người Việt. Chúng ta rất khó yêu nước khi việc nước được coi là độc quyền của một số người. Chúng ta đang chứng kiến một sự giải thể quốc gia về mặt tinh thần mà nếu không chặn đứng được sẽ đưa đến giải thể quốc gia thực sự. Chúng ta đang đứng trước nguy cơ mất nước vĩnh viễn. Đó là điều rất đáng sợ, nhưng điều còn đáng sợ hơn nữa là một quốc gia gần một trăm triệu người như nước ta sẽ không chết nhanh chóng mà sẽ phải trải qua một cơn hấp hối đau đớn có thể kéo dài cả thế kỷ, trong đó người Việt sẽ lang thang khắp nơi, kể cả trên chính quê hương mình như những thú dân làm than của thế giới.

Tổ Quốc Việt Nam phải sống. Thờ ơ với đất nước không phải chỉ là sự bội bạc mà còn là một sai lầm tai hại. Nhưng muốn sống đất nước cần được nhận định lại. Tổ quốc cần được quan niệm như một tình yêu thay vì một xiềng xích, một tổ quốc khuyến khích thay vì cấm đoán, một tổ quốc hiền hòa thay vì hung dữ, một tổ quốc có trái tim thay vì có nanh vuốt, một tổ quốc của mọi người Việt Nam thay vì là của riêng của hai triệu đảng viên cộng sản. Tóm lại, một tổ quốc dân chủ, tự do và liên đới.

Thế giới đang biến chuyển nhanh chóng. Việt Nam cũng phải mau chóng chuyển hóa về dân chủ để có thể tồn tại.

Nguyễn Gia Kiểng

# Sự thật, con đường dẫn đến hòa hợp

("Truth, the road to reconciliation")

Tuệ Đăng

Tiếp theo những sự kiện "rung chuyển thế giới" xảy ra vào các năm 1989-1991 ở Đông Âu và Liên Xô cũ, sự kiện đảng Đại Hội Dân Tộc Phi (ANC) thắng lớn trong cuộc bầu cử tổ chức ở Nam Phi vào tháng 5-1994 cũng là thêm một sự kiện vang dội nữa, làm nức lòng bốn phương thiên hạ. Thông qua cuộc bầu cử tự do và dân chủ chưa từng có ấy trong lịch sử nước này, đại đa số nhân dân Nam Phi, da đen cũng như da trắng, đã dùng lá phiếu lật đổ chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid vô nhân đạo, khét tiếng dã man và tàn bạo do chính quyền thiểu số của thực dân da trắng từng trông hàng chục năm trời lên đầu lên cổ người da màu bản xứ. Lãnh tụ đảng ANC, luật sư Nelson Mandela - người cùng cựu tổng thống Nam Phi Frederick de Klerk được tặng Giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1993, là một trong những chính khách hết sức hiếm hoi còn sót lại dưới gầm trời này, những người mà tên tuổi, cuộc đời và sự nghiệp của họ đã trở thành biểu tượng bất tử cho ý chí tự do, cho khát vọng hòa bình và ước nguyện hòa hợp giữa các dân tộc, giữa mọi màu da cùng trăm trăm nòi giống nhân sinh - được bầu làm tổng thống mới. Là người từng bị chế độ Apartheid cầm tù, giam hãm, đầy ải rông rã gần 30 năm trời, những tưởng Nelson Mandela lên cầm quyền sẽ bắt đầu cuộc *thanh toán* đấm bạo chúa hôm xưa từng hành hạ và áp bức ông cùng nhân dân ông đó. Nhưng không, vĩ đại như Gandhi vĩ đại, ông chọn con đường *xóa hận, giải thù, hòa hợp và chung sống mọi màu da*, với niềm tin sắt đá đó là con đường duy nhất đi tới tự do, hòa bình, dân chủ trên đất nước từng chịu nhiều đau khổ và bất công này. Sắc lệnh thành lập "Ủy Ban Sự Thật và Hòa Hợp" của vị tổng thống da đen đầu tiên này ở Nam Phi ban hành là một trong những bước khởi đầu, trên đường tiến tới hòa hợp đó.

Ủy Ban Sự Thật gồm 17 ủy viên, do đích thân tổng thống bổ nhiệm và đặt dưới quyền chủ tịch của cựu tổng giám mục Desmond Tutu - nhà thần học nổi tiếng trong cuộc đấu tranh phi bạo lực chống chế độ Apartheid và năm 1984 đã được tặng Giải thưởng Nobel Hòa Bình. Ủy Ban Sự Thật không phải là tòa án. Nhiệm vụ của Ủy Ban là điều tra và đưa ra ánh sáng các vụ xâm phạm nhân quyền, đặc biệt là trong khoảng thời gian 1960-1994 dưới thời chế độ Apartheid. Nói cách khác, nhiệm vụ của Ủy Ban là tìm hiểu sự thật, của những năm tháng bạo lực hoành hành. Bởi một khi bạo lực đã hoành hành thì hận thù cũng chông chát, có khi cao đến mức đủ che hết thấy, kể cả ranh giới giữa nạn nhân và thủ phạm. Vạch trần sự thật của bạo lực là để lần tìm và lý giải nguyên do của hận thù giữa người với người vậy. Đó là triết lý, là phương châm hành động của Ủy Ban Sự Thật. Đó cũng là hy vọng của nhân dân Nam Phi, thông qua sự thật, vừa là để nhận diện tội ác và mãi mãi ngăn chặn nó, cũng vừa là để xóa bỏ hận thù, nhằm từ nay, may ra, có cơ chung sống giữa sự hòa giải và hòa hợp trong mối thông cảm, tha thứ, khoan dung với nghĩa tình anh em, tình bằng hữu chăng?

Ngày 29-10-1998 vừa qua, chủ tịch Ủy Ban Sự Thật Desmond Tutu đã long trọng trình lên tổng thống Mandela bản phúc trình dày 3.500 trang, là kết quả hai năm rưỡi làm việc của Ủy Ban. Trong thời gian này, Ủy Ban đã mở 140 phiên điều trần công khai, lắng nghe các nhân chứng, xem xét, thẩm tra lời khai của cả các nạn nhân lẫn thủ phạm, cũng như thân nhân hai phía, về các vụ khủng bố, bắt cóc, thủ tiêu, giết người, ném bom, gài mìn, thẩm sát... bất kể do bên nào, bên chính quyền Apartheid hay bên ANC, gây ra.

Bản phúc trình của Ủy Ban Sự

Thật đưa ra những bằng chứng hùng hồn, rõ ràng và cụ thể về tội ác của chính quyền Apartheid. Bằng chứng toát lên từ lời các nạn nhân thuật lại những hình thức khủng bố và đòn tra tấn dã man, hết tra điện, cùm kẹp, đánh đập, hãm hiếp đến hành hạ... về tinh thần lẫn thể xác mà họ từng phải hứng chịu tại các đồn cảnh sát hay trại giam của chính quyền cũ. Bằng chứng cũng được phơi bày lồ lộ qua lời khai của các nhân viên, quan chức chính quyền cũ từng nhúng tay trực tiếp vào các vụ ném xác tù nhân cho cá sấu xâu xé, từng chính tay phóng lửa thiêu sống hay châm ngòi thuốc nổ làm nổ tan thây các chiến sĩ chống chủ nghĩa Apartheid bị bắt. Chế độ khủng bố của chính quyền Apartheid không buông tha bất cứ ai chống đối chế độ phân biệt chủng tộc, kỳ thị màu da - công, nông, trí thức, nhà tu hành, đàn ông, đàn bà, trẻ già, trắng đen, thanh thiếu niên hay trẻ thơ non dại. Chế độ khủng bố Apartheid còn vươn bàn tay giết người của nó sang cả các quốc gia tự chủ khác, phái biệt kích ra nước ngoài, kể cả sang Châu Âu, gây hàng loạt vụ nổ bom, ám sát hay bắt cóc, rồi thủ tiêu những ai ủng hộ chiến sĩ ANC hay cứu mạng, che chở họ. Hơn nữa, chính quyền Apartheid hiếu chiến, đặc biệt là dưới thời cựu tổng thống Pieter Willem Botha, lại còn ráo riết vũ trang, không từ cả vũ khí vi trùng lẫn vũ khí hóa học nhằm chống lại các quốc gia trong vùng như đàn áp nhân dân trong nước...

Song, nét đặc biệt, có thể khiến bản phúc trình do Ủy Ban Sự Thật trình lên tổng thống Mandela trở thành bản phúc trình có một không hai trong lịch sử, chính là ở chỗ *nó không dừng ở mức mà mọi kẻ chiến thắng vẫn làm sau khi giành chính quyền là vạch tội và lên án đối thủ vừa thất bại, nhằm tự bênh vực, tự bào chữa cho chính mình*. Bản phúc trình còn vạch rõ, không những chỉ chính phủ Apartheid gây

tội ác xúc phạm mà thôi, mà cả ANC trong cuộc đấu tranh chính nghĩa chống lại chế độ tàn bạo đó, dù cố tình hay hữu ý, cũng đã gây nhiều tội ác. Thật vậy, tại một số trại tị nạn trên đất Angola, ANC đã cầm tù, tra tấn, hành hạ và giết hại vô số người bị tình nghi "phản bội, làm tay sai cho chính phủ Apartheid ở Pretoria". Nhiều vụ nổ bom do ANC gây ra tại Nam Phi cũng làm thiệt mạng hàng loạt thường dân vô tội. Hơn nữa, trong thời gian hoạt động công khai 1990-1994, các đơn vị vũ trang của ANC còn gây vô số vụ ám sát nhằm thủ tiêu nhiều đối thủ chính trị của mình. Bản phúc trình cũng không ngần ngại vạch trần vai trò chẳng chút vẻ vang, nếu không nói là xấu xa và tội lỗi, của bà Winnie Madikizela-Mandela, cựu phu nhân tổng thống Mandela, là người đứng đầu nhiều nhóm côn đồ, ác ôn chuyên việc ám sát, bắt cóc, thủ tiêu các địch thủ của ANC.

Không chút kiêng nể, chủ tịch Ủy Ban Sự Thật Desmond Tutu còn lên tiếng phê phán một số quan chức ANC vừa chân ướt chân ráo lên cầm quyền đã vội xa rời dân chúng, thậm chí đang có nguy cơ thoái hóa dần thành tầng lớp cai trị mới, quan liêu, tham ô, hối lộ, chà đạp nhân quyền, xúc phạm dân chủ. Lời ông tuyên bố trước giới báo chí: *"Tôi suốt đời đấu tranh chống một chế độ chuyên quyền tàn bạo, không phải để rồi hôm nay lại thế chân nó bằng một chế độ chuyên quyền tàn bạo mới"* công khai chạy dài trên nhiều mặt báo, trong nước cũng như ngoài nước.

Như thế, trong quá trình tìm hiểu sự thật của bạo lực, Ủy Ban Sự Thật ở Nam Phi đã vượt ra khỏi một khuôn mẫu tư duy và hành động tồn tại muôn đời nay, trong đó kẻ mạnh, người thắng đường như bao giờ cũng độc quyền nắm chân lý, bạo lực mang danh chính nghĩa hay mang danh cách mạng dường như bao giờ cũng đúng đắn. Song, cũng bởi khách quan, thẳng thừng, không thiên bên này, không lệch bên kia, không rập theo khuôn mẫu "chính, tà" cổ điển đó như thế, bản phúc trình của Ủy Ban Sự

Thật vừa công bố công khai đã vấp ngay phải phản ứng gay gắt, thậm chí hằn học từ nhiều phía, kể cả của chính những người vài năm trước từng chung sáng kiến thành lập Ủy Ban Sự Thật là Ban Chấp Hành ANC, và cựu tổng thống Frederick de Klerk.

Ông De Klerk lên tiếng bác bỏ những bằng chứng buộc ông ta tội nhằm mắt làm ngơ trước hàng loạt hành động khủng bố do cơ quan an ninh trước đây tiến hành. Ban Chấp Hành ANC cầm quyền vừa tức tối vừa hoảng hốt ra tuyên bố, phê phán Ủy Ban Sự Thật bôi nhọ cuộc đấu tranh chính nghĩa của họ chống chủ nghĩa Apartheid và xóa nhòa ranh giới giữa kẻ áp bức với người bị áp bức, v.v; và như thế, chẳng những đã không góp phần hòa hợp các dân tộc trong xã hội Nam Phi mà còn làm cho xã hội ấy chia rẽ sâu sắc thêm. Đây cũng chính là lý do mà ai đó, ở mọi gầm trời, có tật giat mình, viện ra để công kích, chê bai bản phúc trình của Ủy Ban Sự Thật, bảo nó mang quá nhiều tính chất nhà thờ, cho nó là vô bổ, ngây ngô, thiếu "lập trường", chê nó không phân biệt phải trái, trắng đen.

Duy có Nelson Mandela - trong tư cách tổng thống - là người bất chấp thái độ khó chịu của chính các đồng chí mình trong Ban Chấp Hành đảng ANC, đã không chút ngập ngừng tuyên bố chấp nhận bản phúc trình của Ủy Ban Sự Thật một cách vô điều kiện và khẳng định đây là *một thắng lợi lớn của sự thật và nhân quyền, của nền tự do mới ở Nam Phi*. Và như thế, thêm một lần nữa, ông lại chứng minh trước thiên hạ năm châu tâm cao hiểm có ở con người ông vậy - kẻ anh hùng khiêm nhường, giàu lòng khoan dung, biết tội người, thấy cả lỗi ta ấy. Ở đời, đã mấy chính khách như ông dám nhìn thẳng như thế vào sự thật trần trụi, trắng trợn, đau đớn của quá khứ bạo lực, *một sự thật khách quan, công bằng, không của riêng ai, không do ai độc quyền, dù kẻ thắng hay người thua, dù giàu sang hay nghèo hèn, da màu hay da trắng... ?!*

Tất nhiên, con đường đi tới hòa hợp, hòa giải ở Nam Phi, do sự hoành

hành quá lâu của bạo lực, chắc chắn còn rất dài và hết sức gai góc. Bản phúc trình của Ủy Ban Sự Thật mới là bước đầu tiên trên con đường xóa hận, giải thù đó mà thôi. Bởi không mang tính chất và nhiệm vụ một tòa án, Ủy Ban Sự Thật không buộc tội người này, không bênh vực hay xá tội người khác. Ủy Ban chỉ vạch trần một sự thật rằng, *mọi thứ bạo lực, dưới mọi hình thức, mọi dáng vẻ, mọi danh nghĩa, của bất cứ ai, từ bất kỳ phía nào, đều là vô nhân đạo, đều là phi nhân tính*.

Trong các đoạn kết của bản phúc trình ngày 29-10, chỉ vang lên tha thiết những lời kêu gọi: *"Hãy hòa hợp các chủng tộc, chung sống mọi màu da trên cơ sở của sự ăn năn, hối cải, tha thứ, khoan dung"... "Các nhân viên, quan chức người da trắng hôm xưa thuộc chính quyền Apartheid chất chồng tội ác, hãy hối cải, thực lòng thú nhận tội lỗi và làm đơn xin ăn xá". "Đảng ANC đang cầm quyền, hãy lên tiếng xin lỗi nhân dân toàn quốc về những hành động vi phạm nhân quyền mà chính họ đã phạm phải, ngay trong sự nghiệp chính nghĩa của mình". "Chính phủ hãy ban hành những chính sách mới, đỡ dân nghèo, nâng kẻ yếu"*.

Hãy chờ xem tác dụng của những lời kêu gọi đó trong chặng đường sắp tới ra sao. Từ lúc Willy Brandt quì một gối xin lỗi nhân dân Ba Lan đến nay, lịch sử cũng lác đác chứng kiến đôi bước đi ngập ngừng trên con đường tìm cách giải quyết các xung đột giữa các quốc gia này với quốc gia kia, giữa dân tộc này với dân tộc khác bằng thái độ và tinh thần hòa giải, ăn năn phục thiện, tha thứ khoan dung. Nhưng, có lẽ chính bản phúc trình ngày 29-10-1998 của Ủy Ban Sự Thật đã đưa Nelson Mandela, Desmond Tutu cùng nhân dân xứ Nam Phi xa xôi kia lên vị trí những người tiên phong, cầm đuốc soi đường trong cuộc hành trình dài lâu mong thoát khỏi vòng xoáy cay nghiệt *"hận thù nuôi hận thù, bạo lực để bạo lực"* vẫn hoành hành từ cổ đến kim trong năm châu thiên hạ ấy!

**Tuệ Đăng**  
Berlin, 12-1998

## Năm hẹn !

Bùi Tín

\* Nét mới \* Mục tiêu rõ ràng \* Bắc cầu và tập hợp \* Thời cơ chín \* Người Việt hẹn nhau \*

Năm 1999 và năm 2000 là thời điểm chấm dứt của một thế kỷ, một thiên niên kỷ. Trong hai năm này, loài người suy nghĩ nhiều về khái niệm thời gian. Hãy làm được nhiều việc tốt đẹp trong thời gian ngắn nhất. Hãy tổng tiền những gì là lạc hậu, yếu kém, xấu xa, độc ác để cuộc sống tốt đẹp hơn trong thế kỷ mới.

Đất nước Việt Nam ta cùng loài người chuẩn bị bước vào thế kỷ mới trong tâm trạng lo âu, pháp phông. Một cuộc "đổi mới" nửa vời, chập chững. So với thiên hạ, nhân dân ta vẫn chưa bước qua ngưỡng cửa của nghèo khổ (theo Liên Hiệp Quốc, ngưỡng cửa ấy là khoảng 365 đô la thu nhập hằng năm). Nhưng lời ba hoa "ổn định", "đã vượt qua cuộc khủng hoảng" không che giấu nỗi bức tranh xám xịt: lòng dân không yên, quốc nạn tham nhũng bất trị; suy thoái về văn hóa và đạo đức; nạn cờ bạc, ma túy, trộm cắp hoành hành; thấp nghiệp lan tràn; nông dân bị bạc đãi; người có tài bị rẻ rúng, người ngay thẳng, có tâm huyết bị chà đạp.

### Nét mới của cuộc đấu tranh

Sự lãnh đạo của đảng cộng sản mang bản chất *bảo thủ*, *trì trệ* đang đưa cuộc "đổi mới" nửa vời đi vào bế tắc hiện nay. Chính độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, chế độ độc đoán, phản dân chủ trong nội bộ đảng và trong xã hội là nguyên nhân của nguyên nhân tình trạng lạc hậu, đói khổ, bất công đè nặng lên cuộc sống xã hội. Nhà xã hội học Lữ Phương từ trong nước nhận định: "Trí tuệ của những người lãnh đạo đảng đã thụt lùi rất xa so với trí tuệ của xã hội, kể cả trí tuệ của các đảng viên".

Sự sáng suốt, lương tâm dân tộc, lòng tự trọng đã thuộc hẳn về những nhân vật đã và đang dùng cảm nói lên sự thật, phê phán chủ trương "đổi mới"

nửa vời, phê phán chế độ độc đoán tệ hại, báo động về nguy cơ suy thoái toàn diện của đất nước, bất chấp những đe dọa của kẻ đương quyền. *Nét mới* của năm 1998 vừa qua trong cuộc đấu tranh quyết liệt đòi tự do ở trong nước là số người tham gia đấu tranh đang tăng lên, với những lập luận chặt chẽ, với những dẫn chứng hùng hồn, với tư thế dấn thân khảng khái: tự giới thiệu tên tuổi thật, địa vị xã hội, quá trình hoạt động, địa chỉ và số điện thoại của mình. Một sự dấn thân mang đầy đủ trách nhiệm với nhân dân, đất nước, với niềm tự tin vững chãi ở bản thân, ở xã hội và tương lai.

Phải có tấm lòng son sắt của con người chân chính mới dám chỉ mặt, vạch tên hỏi tội những kẻ tội phạm, dù cho đó là những kẻ đang ở những vị trí chóp bu quyền lực. Thế là các ngài nguyên tổng bí thư đảng, thủ tướng, phó thủ tướng, một loạt bộ trưởng, các ủy viên bộ chính trị, ủy viên trung ương... đều lần lượt "được" người dân chất vấn; số người tham gia đấu tranh đòi công bằng xã hội, đòi dân sinh và dân chủ, giành lại tự do và nhân quyền ngày càng đông, ở miền Bắc cũng như ở miền Nam, miền Trung; từ các cụ về hưu đến trí thức trẻ; từ các viên tướng đến đại tá, trung tá cựu chiến binh; từ nhà văn, nhà thơ đến nhà triết học, toán học, không thể kể hết tên... mà đó mới chỉ là những con người tiêu biểu, những người cầm cờ, là bề nổi của những tầng băng lớn vẫn đang còn phình to lên nữa, do chính tình thế mới tạo nên.

Trước những trò vu cáo hèn hạ, huy động bộ máy công cụ báo chí đánh những người đối lập theo kiểu "bê hội đồng", ông Trần Độ ngang nhiên thách thức họ dám đăng những bài viết của ông để cho bàn dân thiên hạ thẩm định, đúng theo trò chơi dân chủ và theo luật; nhà văn Dương Thu

Hương lên tiếng công khai nhận định: "Một chính quyền lưu manh luôn hành xử theo kiểu lưu manh", "nhìn trên tivi, bọn quan lớn mặt dày và trơ, bởi đã ăn no, tối tâm lại lý lợm!"; nhà thơ Bùi Minh Quốc bêu mỗi vạch mặt "bọn đều còn ở trong đảng", những tên "thê đỏ tim đen", một bầy "quỷ dữ"; hòa thượng Thích Quảng Độ vừa ra tù đã mỉm cười nhận xét: "Chúng tôi chỉ là bầy cá trong chậu họ đưa ra ao thôi, chúng tôi phải được sống ở sông rộng và đại dương. Hiện tình đất nước gặp phải đạo nạn và quốc nạn, mọi người theo đạo, mọi công dân đều cần góp phần giải trừ quốc nạn!"; nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Giang khảo luận về chế độ toàn trị hoành hành ở nước ta, chỉ rõ sự lạm dụng quyền lực để trở thành độc đoán, tàn bạo, đôi khi mất hết nhân tính đến mức hung thần; nhà xã hội học Lữ Phương chỉ rõ dã tâm của các nhà lãnh đạo: hy sinh nền văn hóa dân tộc và nền chính trị dân chủ cho công cuộc phát triển kinh tế bấp bênh, bệnh hoạn, chỉ vì quyền lợi ích kỷ của tầng lớp cầm quyền. Kiến trúc sư Nguyễn Hoàng Phương từng được giải thưởng quốc tế về kiến trúc, mới 28 tuổi, phát đơn kiện 7 viên chức nhà nước (trong đó có phó thủ tướng phụ trách xây dựng Ngô Xuân Lộc, bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá, phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Đinh Hạnh) trong một vụ lừa đảo, cướp ngày tinh vi, trắng trợn, kèm theo 1.482 trang hồ sơ bằng chứng.

Cả một phong trào đối lập đang hình thành và phát triển, làm lung lay dư đội thế lực của giới cầm quyền độc đoán đang tan rã về nhân cách.

*Nét mới* của phong trào đối lập là ngày càng rộng lớn, bao trùm cả nông thôn và thành thị, bao gồm đủ các giới: chính trị, quân sự, khoa học, kinh tế, già và trẻ, các tôn giáo, nhà văn,

nhà báo, các tiếng nói đối lập hòa vào nhau, cộng hưởng, nhiều vẻ, lập luận vững chắc, nâng cao nhận thức của quần chúng về hiểm họa của một chính quyền độc đoán, tham nhũng, độc ác, mù quáng, chà đạp quyền công dân, trở ngại cho sự hòa nhập với thế giới... Tiếng nói đối lập ngày càng mang tính công khai, khảng khái bảo vệ lẽ phải, viện ra nhiều chứng cứ hiển nhiên, kín kẽ theo luật pháp hiện hành, vượt hẳn lên trên đối thủ của mình một tầm văn hóa, có sức lôi cuốn và tập hợp khá mạnh mẽ.

### Mục tiêu rõ ràng

Trong bất cứ một nước nào có ít nhiều tính chất dân chủ đều có mặt một lực lượng đối lập với thế lực cầm quyền. Thế lực đối lập ấy thường được gọi là lực lượng đối lập xây dựng. Hai trận tuyến cầm quyền và đối lập, mỗi bên có thể hình thành bởi liên minh nhiều tổ chức, nhiều đảng phái, hoặc mỗi bên chỉ có một đảng phái, một tổ chức. Hai lực lượng đối lập xây dựng làm đối trọng cho nhau, kiểm soát nhau, phê phán nhau (cùng có khi nhất trí với nhau về một số chủ trương đối ngoại hay đối nội), làm cơ sở cho sinh hoạt dân chủ của xã hội, ngăn chặn sự độc đoán, lộng hành của thế lực cầm quyền, thường xuyên răn đe bộ máy cầm quyền phải xử sự đàng hoàng, đúng luật, trong sạch, phục vụ xã hội có hiệu quả. Lá phiếu cử tri là trọng tài phán xét.

Các đảng cộng sản khi chưa nắm chính quyền đều lớn tiếng đòi cho được quyền sinh hoạt dân chủ đa nguyên, nhưng khi cướp được chính quyền thì họ liền thiết lập chuyên chính vô sản, loại bỏ các đảng khác để nắm độc quyền lãnh đạo. Các chế độ cộng sản lần lượt sụp đổ chính vì cái tệ độc đoán trái tự nhiên, phản dân tộc ấy. Vì dân tộc luôn đa dạng, gắn với dân chủ như hình với bóng.

Phong trào đối lập hiện nay ở trong nước tuy không được chính quyền và luật pháp công nhận chính thức, do đó chưa được tổ chức chặt chẽ, nhưng đã khẳng định được sự tồn tại và bền bỉ của mình, với tư cách là

mầm mống, là tiền thân của một thế lực đối lập hợp pháp tất yếu trong tương lai. Nó hợp lòng dân, hợp xu thế thời đại.

Phong trào đối lập ở trong nước hiện nay là thế lực đấu tranh trực diện với chính quyền độc đoán, là lực lượng trực tiếp quyết định sự kết thúc của chính quyền độc đoán, chính quyền ấy hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự lạc hậu toàn diện của đất nước biểu hiện ở mức sống, bất công xã hội, nạn tham nhũng, đạo đức suy đồi, văn hóa tan rã, giáo dục lạc hậu, y tế tồi tệ, thất nghiệp rộng khắp, tham quan ô lại từ trung ương đến cơ sở.

Phong trào đối lập luôn lấy những nguyện vọng khẩn thiết của người dân ở thành thị và nông thôn làm mục tiêu đấu tranh của chính mình. Hiện nay những mục tiêu đó là: nâng cao mức sống chung; chống bất công xã hội; người lao động có công ăn việc làm; bài trừ tận gốc tham nhũng, tham quan ô lại, thói của quyền, tệ quan liêu của bộ máy chính quyền; tuổi trẻ được học tập và học nghề có chất lượng; người dân được chăm sóc sức khỏe; người làm văn hóa nghệ thuật được tự do sáng tạo; người có tài được trọng dụng, an ninh xã hội được bảo đảm; luật pháp công bằng; quyền sở hữu, quyền kinh doanh được luật pháp bảo vệ... Nói tóm lại là một cuộc sống xứng đáng với con người, không quá thua kém với các nước láng giềng, một cuộc sống có nhân phẩm và tự do.

Đã có lúc phong trào đối lập chỉ toàn nói về: chống độc đoán, hoặc "chống cộng", đòi dân chủ đa nguyên làm cho đồng bào trong nước cảm thấy xa lạ, xa xôi, cao xa, có phần lạ lẫm, không thật phù hợp với những bản khoán, suy nghĩ, nguyện vọng, ước mong của đại chúng.

Phong trào đối lập muốn phát triển, được đồng bào ủng hộ, tham gia, cần trước hết có mục tiêu đấu tranh rõ ràng, luôn theo sát đại khối dân tộc, lấy hơn 70 triệu người ở trong nước làm đối tượng vận động, đối thoại, phục vụ, hiểu sâu sắc cuộc sống của người dân. Đó là nguồn sống tươi trẻ bất tận của mọi phong trào. Làm được

như vậy không phải hạ thấp mà chính là tạo sức cường tráng cho phong trào.

Sau đó, tất nhiên cần nâng cao nhận thức xã hội, phân tích nguyên nhân của những lạc hậu, bất công xã hội, bất lực của chính quyền, đó là chế độ độc đoán, toàn trị, phản dân chủ, lạc lõng với thế giới, phản dân tộc (vì dân tộc luôn có bản chất đa nguyên); chỉ rõ đường lối kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối quái dị, hoang tưởng, là sự kết hợp một kiểu chủ nghĩa tư bản không xương sống (vì xương sống của chủ nghĩa tư bản là luật pháp) với một kiểu chủ nghĩa xã hội không có tâm hồn (vì tâm hồn chủ nghĩa xã hội là những phúc lợi xã hội về y tế, giáo dục...); vạch rõ những người lãnh đạo cộng sản hiện nay đã tỏ ra bất lực, vô trách nhiệm vì đặt quyền lợi ích kỷ của tầng lớp họ lên trên quyền lợi dân tộc, họ trở nên lạc hậu so với thế lực đối lập đang thành hình, và cũng ngày càng lạc hậu so với nhận thức chung của xã hội cũng như của một số đồng đảng viên cộng sản bình thường; họ là lực cản tệ hại của phát triển, lực cản của sự hòa nhập của nước ta với thế giới. Cần minh họa cho thật rõ, thật sâu những sự thật ấy, coi đó là mục tiêu tối hậu trong vận động của phong trào.

### Bắc cầu

Các nhân vật đối lập ở trong nước bị theo dõi, cô lập, đe dọa, vu cáo, quản thúc, cầm tù. Tiếng nói của họ, bài viết của họ bị bóp nghẹt, tịch thu, thủ tiêu. Họ rất cần đến sự tiếp sức của đồng bào ta ở hải ngoại. Có thể nói sự tiếp sức ấy là sinh tử đối với các nhân vật đối lập ấy. Chúng ta sống trong các nước dân chủ của thế giới, hãy đảm nhận nhiệm vụ cực kỳ hệ trọng ấy. Chúng ta cần làm hết sức mình để tiếp âm, tăng âm không mệt mỏi những tiếng nói của các anh chị em ấy; hãy nhân bản, in thật nhiều, thật nhẹ, gọn, thật đẹp các bài viết; hãy có nhiều băng ghi âm, đĩa CD, đọc những bài viết, ngâm những bài thơ chiến đấu của anh chị em; hãy tìm mọi phương tiện gửi về, đem về nước để ở trong nước ngày càng có nhiều đồng bào, ở

thành thị và nông thôn, thuộc mọi giới, từ các cụ về hưu cho đến thanh niên, học sinh, sinh viên, các nhà văn, nhà báo, các cựu chiến binh, cả những người trong bộ máy đàn áp được tiếp xúc với những tiếng nói và bài viết ấy. Hãy tận dụng các chuyến đi về nước của bản thân, bạn bè, nhất là bạn người nước ngoài, để đưa tài liệu về nước. Hãy tận dụng điện tín, điện thoại, điện thư, máy computer, hệ thống thư điện tử (e-mail), hệ thống Internet... để bắc cầu thông tin nhanh nhạy.

### Năm hẹn !

Thế kỷ 20 sắp kết thúc. Các *lực lượng đối lập trong và ngoài nước* hãy bắt tay nhau chặt chẽ, *lòng hẹn lòng*: hoạt động mạnh mẽ hơn, bắc cầu chặt chẽ hơn, làm việc có hiệu quả hơn, khẩn trương hơn, thông minh và quả quyết hơn nhằm sớm kết thúc chế độ độc đoán tệ hại ở trong nước.

Xin chớ nản lòng! Xin chớ bi quan! Chế độ độc đoán phi lý còn tồn tại không phải vì nó mạnh, vì nó tài giỏi gì. Không! Nó tồn tại chỉ vì *chúng ta dở, yếu kém*. Vì người Việt hải ngoại còn phí sức quá, vì mục tiêu không rõ, biện pháp không hay, hoạt động hình thức nhiều, hiệu quả ít, bắc cầu không vững.

*Thời cơ là rất thuận*. Công cuộc "đổi mới" đã bộc lộ những mặt thiếu sót lớn, bộ mặt bất lực, lỳ lợm, tha hóa về nhân cách của tầng lớp cầm quyền. Nhân dân bức tức, căm giận, khinh thị hệ thống cầm quyền đảng trị đã hoàn toàn mất gốc trong nhân dân. Các nhà đầu tư quốc tế, ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Ngân Hàng Phát Triển Châu Á (ADB)... đều ép mạnh, ra điều kiện cho người cầm quyền phai có những bước đổi mới mạnh mẽ hơn.

Người người lãnh đạo hiểu rằng họ đang ngồi trên lửa. Họ la hoảng về "nguy cơ diễn biến hòa bình" đến từ bên ngoài, trong khi chính họ đang đổ dầu vào ngọn lửa căm giận và khinh bỉ của nhân dân. Chính nhân dân đông đảo là lực lượng quyết định làm nên lịch sử.

Năm 1999, năm Kỷ Mão, mọi

người Việt ở trong nước và ở ngoài nước, thương nước mình, yêu dân mình, hãy cùng *hẹn nhau*: dấn thân để năm mới lực lượng đối lập có sức mới dồi dào, để năm mới là *năm tập hợp, là năm đấu tranh và thắng lợi lớn!*

*Tình thế đã đổi thay*. Nếu như mấy năm trước, tướng Trần Độ đã bị công tay và vào Hỏa Lò. Những kẻ chuyên đàn áp phải chùn tay vì hàng loạt đảng viên kỳ cựu cảnh cáo: nếu tướng Trần Độ bị bắt thì hàng ngàn, hàng vạn người sẽ xuống đường. Việc họ dờ dờ khai trừ ông ra khỏi đảng chỉ chúng tỏ rằng trong đảng cộng sản không còn có chỗ cho người ngay thẳng, lương thiện. Đây là sự khiêu khích, cũng là kích thích phong trào đối lập. Thế lực độc đoán đang hoảng hốt.

Cảnh tượng Suharto mất chức, tài sản bị điều tra; cảnh Pinochet bị giữ, Fidel Castro đang bị tòa án Pháp mở hồ sơ về đường dây buôn lậu ma túy quốc tế đi qua nước Pháp... làm cho những kẻ độc đoán chuyên chà đạp nhân quyền và tham nhũng phải sờ tay lên cổ.

Các chiến sĩ đối lập dùng cảm vừa ra tù: giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Hòa thượng Thích Quảng Độ... đều có những hoạt động thích hợp thúc đẩy cho phong trào đối lập phát triển, với chất lượng mới. Các chiến sĩ đối lập Việt Nam đã và đang giang tay kết đoàn với các chiến sĩ đối lập của Trung Quốc, Tây Tạng, Miến Điện, Indonesia... để tính đến sự hình thành một Hiến Chương Dân Chủ Châu Á.

Phong trào đối lập đang mang trên mình nó những nét xuân sắc đầy hứa hẹn.

Đầu năm, đầu Xuân, các chiến sĩ đối lập gan vàng dạ sắt ở khắp các phương trời nhìn lại mình, nhìn lại phong trào, nhận ra những yếu kém của mình và nhắn nhau một điều: năm mới phải là *năm hẹn* bật dậy của phong trào đối lập. Hẹn nhau trong hành động. Hẹn nhau trong thắng lợi!

**Bùi Tín**

Paris, Xuân Kỷ Mão

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: 200 FF  
(hoặc tương đương)  
Ngân phiếu xin đề  
VIETNAM FRATERNITE  
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :  
**THÔNG LUẬN**  
124 bis, rue de Flandre  
75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với  
đại diện Thông Luận tại Đức:

**Nguyễn Thanh Lương**  
Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt aM.  
Tel: 069-4940048  
Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn  
(60 DM/năm) vào trương mục:  
**Frankfurt Volksbank e G**  
**THANH LUONG, NGUYEN**  
Konto-Nr : 00 77 70 82 94  
Bankleitzahl : 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada  
có thể liên lạc và góp ý kiến với  
Thông Luận qua địa chỉ:  
**Thong Luan, P.O. Box 7592**  
Fremont, CA 94537 - 7592  
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo  
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:  
**Mrs Quan-My-Lan**

## THÔNG LUẬN

**Ấn bản Hòa Lan**

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**  
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**  
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan  
Braamlanden 76  
7542 CJ Enschede  
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52  
Giá báo một năm: 30 Euro,  
xin chuyển vào trương mục của hội:  
**Giro nr 6234112**

## Các cựu chiến binh phản đối vụ ông Trần Độ bị khai trừ

Nhiều cựu chiến binh cấp tá và cấp tướng ở Hà Nội đã trả lại thẻ đảng để phản đối việc Trung tướng Trần Độ bị khai trừ khỏi đảng, trong đó một người đã xác nhận với đài Á Châu Tự Do (RFA) là Đại tá Phạm Quế Dương. Đồng thời, trong một hội nghị mới diễn ra ở Hà Nội, ông Hoàng Hữu Nhân đã lên tiếng ủng hộ ông Trần Độ, trước mặt Tổng Bí thư đảng Cộng Sản, ông Lê Khả Phiêu.

Hội nghị các cựu cán bộ lão thành diễn ra tại Hà Nội từ ngày 6 đến 8 tháng Giêng là cơ hội để ông Hoàng Hữu Nhân phát biểu ý kiến trên. Hoàng Hữu Nhân từng là Bí thư Thành Ủy Hải Phòng, đơn vị đảng lớn thứ nhì ở Bắc Việt, ông cũng từng làm đến Bộ Trưởng và Trưởng ban Kinh Tế Đảng. Năm ngoái ông Hoàng Hữu Nhân đã công bố

một lá thư dài yêu cầu đảng phải dân chủ hóa các sinh hoạt nội bộ. Sau khi ông Hoàng Hữu Nhân phát biểu, ông Lê Khả Phiêu đã nói rằng ông rất quý mến ông Trần Độ nhưng vẫn phải thực hiện việc khai trừ. Lê Khả Phiêu, cấp bậc Thượng Tướng, từng là thuộc cấp của ông Trần Độ khi hai người cùng ở Tổng Cục Chính Trị.

Trong một bài phỏng vấn do ký giả Đinh Quang Anh Thái đài RFA thực hiện, ông Hoàng Minh Chính cho biết thêm nhiều đảng viên cao cấp về hưu đã ủng hộ ông Trần Độ, trong đó có nhiều sĩ quan cấp Tá, cấp Tướng, và các cựu thứ trưởng, vụ trưởng v.v...

Người đã chính thức xác nhận việc trả lại thẻ đảng là ông Phạm Quế Dương, một cựu đại tá và một nhà sử học. Trong cuộc phỏng vấn điện thoại, ông Phạm

Quế Dương nói từ nhà riêng ở Hà Nội, rằng ông đã trả lại thẻ đảng sau khi nghe tin ông Trần Độ bị khai trừ.

Cựu Đại tá Phạm Quế Dương sinh năm 1932, quê ở làng Tử Dương, ngoại thành Hà Nội, còn gọi là Làng Tía. Ông đã tham gia kháng chiến từ năm 1945 và vào đảng Cộng Sản từ năm 1949. Trả lời cuộc phỏng vấn của Đinh Quang Anh Thái, ông Dương nói rằng ông trả thẻ đảng vì lòng quý mến đối với cựu Trung tướng Trần Độ khi hai người đều là "lính đánh nhau" và ông Dương chỉ kính trọng các người đi bộ đội đã "đánh nhau", tức có tham dự chiến trận.

Ông Phạm Quế Dương nêu lên một thí dụ là vào năm 1946 ông là liên lạc viên dưới quyền Trần Độ. Có những đêm ông phải đứng gác, nhưng ông



### MẤY LỜI

Nhân có vụ khai trừ chiều ngày 4-1-1999

Chi bộ Vụ Văn hóa Giáo dục thuộc Văn Phòng Quốc Hội đã quyết định khai trừ Trần Độ vì đã có lỗi phân phát các bài viết của mình và đã để lọt ra cho các hãng thông tấn thế giới những bài viết đó.

1. Tôi đã là đảng viên 58 năm, từ 1940-1998, tôi không ân hận gì về 58 năm đó, đối với tôi thế cũng là đủ cho tôi báo đền Tổ quốc và dân tộc, và tôi cũng đã được đền bù xứng đáng, không ai xóa được 58 năm đó. Tôi vào đảng là để tự nguyện phục vụ và phụng sự tổ quốc và nhân dân, tôi không ở trong đảng nữa nhưng tôi vẫn là một người dân, tôi vẫn vì tổ quốc, vì nhân dân, vẫn tiếp tục suy nghĩ và đấu tranh cho tổ quốc và nhân dân. Tôi vẫn giữ nguyên ý kiến mà tôi đã phát biểu trong các bài viết và sẵn sàng đón nhận những lời phán xét của công luận.

2. Đảng này hiện nay với tất cả thực trạng của nó đã xa rất xa đảng của những năm 40,50,60, vì vậy nó hầu như không còn là đảng của tôi nữa. Tôi không chấp nhận việc xử lý này, nhưng tôi cũng không khiêu nại đi đâu cả vì tôi biết rõ trong cơ chế hiện nay mọi khiếu nại đều vô nghĩa và vô ích. Người ta không thích nghe lý lẽ, người ta chỉ cần quyết định và mọi người phải nghe. Vì vậy, tôi không mong muốn nhưng cũng không có gì ngạc nhiên khi bị khai trừ.

3. Tôi không ngờ rằng những ước mơ xây dựng xã hội tốt đẹp thuở ban đầu lại được biến thành hiện thực chua chát ngày nay, một xã hội và một bộ máy đồ sộ rất nhiều

bệnh hoạn và tệ nạn, một xã hội có độc lập mà chưa có tự do, có cải thiện đời sống ít nhiều mà chưa có hạnh phúc. Tôi sống trên đất nước tôi mà tôi bị bao vây, giám sát và rình rập, vừa trắng trợn vừa nghiêm ngặt, bị vu cáo xuyên tạc thậm chí bị bôi nhọ lẫn nhảm. Tôi thấy tôi còn không được tự do và yên ổn như hồi còn hoạt động bí mật. Tôi cũng không ngờ ý kiến khác nhau lại thành ra thù địch. Tôi muốn ngỏ lời với các đảng viên trong toàn đảng từ các bậc lão thành đến những người trai trẻ, tôi mong mọi người làm hết sức mình cho đảng được đổi mới tốt hơn. Tôi cho rằng mỗi người cần nâng cao nhận thức của mình cho kịp với thời thế đang biến chuyển nhanh chóng. Tôi cũng cho rằng cần phân tích thật sâu sắc nguồn gốc thực sự của những bệnh hoạn và tệ nạn, chứ không thể chỉ chữa các biểu hiện của nó. Tôi vẫn tin tưởng vào tương lai của đất nước.

4. Trước sau rồi thế nào đảng cũng phải đổi mới. "Đổi mới hay là chết" khẩu hiệu này rất thích hợp với đảng hiện nay, tốt nhất là đảng tự đổi mới. Tôi vẫn cầu mong cho đảng tự đổi mới được.

5. Vụ khai trừ này nhằm bịt miệng tất cả mọi người, ngăn cấm mọi sự trao đổi thông tin trong khi hoàn cảnh thế giới đã ở chỗ không ngăn cản được bất cứ thông tin nào. Lịch sử rất công bằng, tương lai gần hay xa lịch sử sẽ có sự phán xét của mình.

Ngày 8 tháng 1 năm 1999

**Trần Độ**

Trần Độ có thói quen đọc sách ban đêm, đã bảo "cậu đi ngủ đi, để tớ gác cho."

Phạm Quế Dương đi bộ đội trong các binh chủng bộ binh, pháo binh và phòng không. Ông từng là tổng biên tập (Chủ bút) tạp chí Phòng Không và Không Quân. Sau khi tham dự chiến dịch biên giới vào lúc Trung Cộng sắp tấn công Cộng Sản Việt Nam, ông Dương đã làm tổng biên tập tạp chí Lịch Sử Quân Đội, thuộc Bộ Quốc Phòng.

Tại Hà Nội, ông Phạm Quế Dương nổi tiếng về các cuộc vận động đòi lại và bảo tồn các di tích lịch sử bị Cộng sản chiếm đoạt, trong đó có Tử Dương Vọng Đình ở phố Hàng Buồm, Hà Nội.

Trong cuộc phỏng vấn của đài RFA, ông Phạm Quế Dương cho biết sẽ sang dự một hội nghị về văn hóa tại Los Angeles vào cuối tháng Hai năm 1999. Ông cũng là hội viên Hội Sử Học Việt Nam. Ông vẫn nghĩ rằng sẽ được phép đi Mỹ trong dịp này, vì đã làm xong các thủ tục giấy tờ và có vé máy bay rồi. Tuy nhiên sau khi ông trả lại thẻ đảng và trả lời cuộc phỏng vấn của đài RFA, có thể đảng Cộng sản Việt Nam sẽ trả thù bằng cách cản trở việc xuất ngoại của ông.

Trong cuộc phỏng vấn của đài RFA, ông Hoàng Minh Chính cũng cho biết ông đã đến thăm ông Trần Độ ba ngày sau khi đảng Cộng Sản khai trừ Trần Độ. Ông Hoàng Minh Chính nói rằng "Tôi thấy là sau khi bị khai trừ, ông Trần Độ thấy thêm được một vấn đề. Tôi có cảm giác là ông ấy thanh thản, và hình như là ông ấy thấy là được giải phóng khỏi cái vòng kim cồ" (vòng trời trên đầu Tê Thiên Đại Thánh trong truyện Tây Du Ký, để kiểm soát nhân vật Tôn Ngộ Không này).

Ông Hoàng Minh Chính cũng nói rằng đảng Cộng sản VN khai trừ ông Trần Độ vì lo sợ sẽ có nhiều loạt bài khác ủng hộ các ý kiến của ông ta. Nhưng, ông Chính nói, việc ngăn chặn này "mới gây ra một sự rắc rối và nguy hiểm hơn là có lợi (cho đảng)." Ông Chính được biết có khoảng mười lăm "cán bộ cấp cao của nhà nước đều nói rằng việc khai trừ ông Độ là rất sai. Mất nhiều hơn được."

Ngoài Đại Tá Phạm Quế Dương còn những cựu chiến binh khác đã trả lại thẻ đảng như các ông Trần Tiến Dũng, cựu Trung tướng Phạm Vũ Sơn, v.v... □

Một vấn đề của Việt Nam

## Không giáo

Võ Xuân Minh

Không giáo? Tại sao lại phải bàn đến Không giáo? Tại vì *mọi bề tấc đều bắt nguồn từ bề tấc tư tưởng*, và Không giáo, trong hàng chục thế kỷ, đã là tư tưởng Việt Nam, và hiện nay vẫn còn ảnh hưởng lớn trên cách suy nghĩ và hành động của người Việt, ngay cả với những người tự nhận thấy không có một ràng buộc nào với Không giáo. *Không thể giải quyết những vấn đề của Việt Nam nếu không bàn đến Không giáo.*

Nhưng bàn đến Không giáo là cả một vấn đề.

Theo Nguyễn Hiến Lê: muốn tìm hiểu Không Giáo thì trước hết phải căn cứ vào Luận Ngữ vì nó chép rất trung thực tư tưởng của Không Tử và được tất cả các học giả từ xưa tới nay coi là kinh của Không giáo (1). Nhưng, như mọi sách cổ, Luận Ngữ có nhiều đoạn tối nghĩa nên có nhiều cách diễn giải khác nhau. Tuy nhiên đó không phải là vấn đề. Nhiều học giả Đông, Tây đã dày công nghiên cứu và cho phép chúng ta có một cái nhìn khá chính xác về Không giáo. Điều khó khăn là học thuyết của Không Tử chứa đựng nhiều điều đúng cũng như nhiều điều sai nên đã gây ra những cuộc tranh luận, và không phải chỉ có những cuộc tranh luận lý thuyết mà còn có cả những cuộc tranh luận đã làm chết hàng ngàn người (2). Nhưng chúng ta không thể lẩn tránh cuộc thảo luận này. Không giáo đã là một nguyên nhân sâu xa đưa Việt Nam vào tình trạng hiện nay, và còn có khả năng làm chậm trễ sự chuyển hóa về dân chủ.

Triết lý Không giáo trước hết là một "triết lý sống", đặt nền tảng trên những hành động, ý kiến của một người: Không Tử (554-479 trước CN).

Không Tử là một người nhân hậu, thông minh và rất ham học. Ông có kiến thức rộng và có một cái nhìn rất sắc bén về bản chất con người. Nhiều nhận xét của ông, dù đã trải qua mấy ngàn năm, vẫn được nhiều người, trong nhiều lãnh vực, quy chiếu, trích dẫn hay coi như là những phương châm. Ông đã đi trước nhiều nhà hiền triết, tư tưởng. Trước Socrate 75

năm, ông đã đề nghị một mô hình xã hội trong đó người dân phải kính trọng người cầm quyền như con cái kính trọng cha mẹ. Trước Platon hơn một thế kỷ, ông đã mong muốn xây dựng một xã hội lý tưởng với người đứng đầu là một vua hiền. Ông cũng đã thực hành, trước Aristote 160 năm, việc nghiên cứu các thể chế chính trị đương thời và các thời trước (3). Theo Anne Cheng, quan điểm của ông về một chính quyền đặt nền tảng trên giáo dục và công bình đã ảnh hưởng đến nhiều nhà tư tưởng của Âu Châu trong thế kỷ Ánh sáng: Leibniz, Wolff tại Đức; Robert Burton, Oliver Goldsmith tại Anh; Quesnay, Voltaire, Montesquieu và Turgot tại Pháp (4). Gần đây, J.F. Deniau, một chính trị gia và cũng là một thành viên của viện Hàn lâm của Pháp, đã lấy ý trong thuyết *Chính danh* để mở đầu cuốn "Ce que je crois" của ông. Trong đời sống dân chủ hiện nay, mấy ai trong chúng ta không đồng ý rằng nếu "*dân không tin thì chính quyền phải đổ*" (*Dân vô tín bất lập*, XII-7; Luận Ngữ, thiên XII, bài 7).

Ngoài chính trị, ảnh hưởng của Không Tử còn lan rộng trong nhiều lãnh vực khác. Nhưng có lẽ điều đã làm cho ông được yêu mến, kính trọng hơn cả là lòng nhân của ông. Ông thương người (X-12) và khuyên học trò tìm cách giúp người nghèo (VI-3). Ông lo cho dân và cho rằng làm chính trị là phải "*làm trước những công việc của dân, phải khó nhọc vì dân*" (*Tiên chi, lao chi*, XIII-1), "*phải thận trọng trong mọi việc để thành thực với dân, phải tiết kiệm để yêu dân*" (*Kính sự nhi tín, tiết dụng nhi ái nhân*, I-5). Ông đã phân nộ và từ bỏ Nhiễm Hữu, một môn đồ, khi biết ông này bóp chẹt dân để làm giàu cho họ Quý, một họ đầy uy quyền của nước Lô (XI-16). Đối với Không Tử Nhân là giá trị đứng đầu, và Nhân, trước hết, là yêu người (XII-22). Ông cho rằng nên "*nghiêm tặc với mình và nhân ái với người*" (*Cung tự hậu nhi bạc trách ú nhân*, XV-14) và "*những gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác*" (*Kỉ sở bất dục, vật thi ú nhân*, XV-23). Những lời



khuyên này xứng đáng là phương châm xử thế cho mọi người, ở mọi nơi, thuộc mọi thời. Khi soạn bộ Lịch sử thế giới, Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang cho rằng "khắp thế giới chưa triết gia nào ảnh hưởng rộng và bền như vậy" (5).

Những lúc đất nước nhiều nhương, đạo đức suy đồi, chính quyền tham ô, người dân khốn khổ thì cũng là những lúc nhiều người nhắc nhở đến Khổng giáo để khuyên nhủ, phê bình, chỉ trích chính quyền; để chỉnh đốn đạo đức, thiết lập trật tự xã hội với hy vọng mang lại an sinh, hạnh phúc cho dân. Trong những năm gần đây, nhiều người Việt, trong và ngoài nước, cũng đã muốn khôi phục lại những giá trị của Khổng giáo với mục đích đó. Nhưng, ngoài những giá trị tích cực kể trên, Khổng giáo còn có những giá trị tiêu cực, và chính những giá trị này đã nuôi dưỡng các chế độ độc tài, ngăn chặn sự phát triển và hạn hẹp quyền làm người. Vòng luẩn quẩn này đã làm tan nát những quốc gia chịu ảnh hưởng Khổng giáo, trong đó có Việt Nam.

Một trong những giá trị tiêu cực là *tôn quân*. Khổng Tử cho rằng "thờ vua phải trung" (*Thần sự quân dĩ trung*, III-19), và "phải nghĩ đến bốn phận (đối với vua) trước khi nghĩ đến bổng lộc" (*Sự quân, kính kì sự nhi hậu kì thực*, XV-37). Nhưng không phải chỉ có vậy. Ông dùng lễ nghi bất buộc mọi người phải hạ mình để thờ vua, và chính ông là một thí dụ. Luận Ngữ chép rằng: "Khi vô của lớn triều đình, ông khom khom như cửa quá thấp. Đi ngang qua ngài vua (ngai trống), ông biến sắc, chân bước run run, nói như chẳng ra lời. Khi ông vén áo bước lên thềm, ông khom khom, nín hơi như khó thở. Khi lui, bước xuống một bậc, sắc mặt ông lại hòa hoãn, vui vẻ. Trở về chỗ cũ thì ông lại cung kính, có vẻ như không yên tâm" (X-4). Những người thời ông chỉ khi nào lên đến trên thềm mới bái vua, ông cho như vậy là kiêu mạn, và bái từ dưới thềm (IX-3). Thái độ của ông bị nhiều người chê trách, ông than thở: "thờ vua hết lễ thì người ta lại cho là nịnh" (*Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi xiểm dã*, III-18). Ông chia xã hội ra thành nhiều thứ bậc: trên hết là thiên tử, chư hầu, rồi tới khanh, sĩ và cuối cùng là thứ dân. Những đại phu mà dùng lễ như vua thì ông cho "việc đó mà nhân tâm làm được thì việc gì mà không nhân tâm làm được" (III-1). Quản Trọng, một người đã làm Tề thành một nước giàu mạnh, bá chủ chư hầu, được ông phục vì tài, kính vì đức

(XIV-16), nhưng khi Quản Trọng xử sự giống vua thì ông cho Quản Trọng là người không biết lễ: "Quản Trọng mà biết lễ thì ai mà không biết lễ" (III-22).

Vì muốn khôi phục lại uy quyền nhà Chu, và cũng vì tính tình nhân hậu, Khổng Tử muốn dùng lễ nghi để "trị quốc" và "bình thiên hạ" hơn là dùng hình phạt và chiến tranh. Nhưng ngược lại ý muốn của ông, lễ nghi Khổng giáo không làm cho vua chúa trở nên nhân từ, chỉ bó buộc những người theo đạo ông phải cúi đầu trước quyền lực. Triết lý của ông ban đầu không phải là một triết lý ở ẩn. Ông đã cho rằng "kẻ sĩ nào mà nghĩ đến việc ở cho được an đặt thì chưa phải là kẻ sĩ" (*Sĩ nhi hoài cư, bất túc dĩ vi sĩ hi*, XIV-2). Ông cũng đã bốn ba suốt đời với hy vọng được làm quan và nhiều môn đệ của ông đã làm quan. Ông cũng đã cho rằng "không nên thiếu kính trọng vua, nhưng không ngại can gián vua" (*Vật khi dã, nhi phạm chí*, XIV-22). Nhưng làm sao có thể can gián vua với lễ nghi của ông. Khi làm quan tư khấu và được Quý Hoàn Tử nhường quyền tể tướng nước Lỗ, ông đã bỏ nước ra đi chỉ vì một mưu nhỏ của một quan nước Tề là dâng gái đẹp cho Quý Hoàn Tử và vua Lỗ, để họ mê sắc mà bỏ bê triều chính (XVIII-4). Thực tế cho ông thấy rằng đạo của ông chỉ có thể thực hiện được nếu gặp minh quân, ngoài ra nó hoàn toàn bất lực, nên kẻ sĩ muốn giữ đạo thì "nước nguy đừng vào, nước loạn đừng ở, nước có đạo thì ra làm quan, vô đạo thì ở ẩn" (*Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư. Thiên hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn*, VIII-13), hay "nước có đạo thì ngôn ngữ chính trực, hành vi chính trực, nước vô đạo thì hành vi chính trực, ngôn ngữ khiêm tốn" (*Bang hữu đạo nguy ngôn nguy hành. Bang vô đạo, nguy hành ngôn tổn*, XIV-3). Nhưng ở ẩn và ngôn ngữ khiêm tốn cùng lắm chỉ được an thân chứ không giúp gì được cho dân, cho nước. Khổng giáo không bảo đảm được an sinh xã hội, chỉ giúp những tay anh chị, là những người chẳng thiết gì đạo Khổng, không chế sĩ và dân để đặt nền thống trị của họ. Lịch sử Trung Hoa đã chứng minh điều đó.

Đạo Khổng không được trọng dụng trong thời Khổng Tử (XIV-35; XIV-39), nhưng vì chính sách "đốt sách, chôn Nho" của nhà Tần (221-206 trước CN) mà người ta lại quý đạo Khổng, đến khi Lưu Bang diệt nhà Tần lập nên nhà Hán (206 trước CN- 195 sau CN) thì đạo Khổng lại bùng

lên. Lưu Bang là người ít học, khinh miệt nhà Nho (6), nhưng được Thúc Tôn Thông cố vấn, thấy thuyết tôn ti có lợi cho ngôi vị của mình nên nâng cao đạo Khổng lên hàng quốc giáo (7). Vào thời Hậu Chu, Triệu Khuông Dẫn, một tướng nhà Chu, bất chấp đạo lý Khổng giáo, phế bỏ vua Cung Đế, lập nên nhà Tống (960-1279). Nhưng khi lên ngôi ông ta lại dùng Chu Hy, một người rất am tường Khổng giáo, để củng cố địa vị của mình. Chu Hy tận lực chú giải học thuyết Khổng Tử, rồi pha trộn học thuyết này với tư tưởng Lão, Trang tạo thành một thứ tư tưởng Tân Khổng giáo, và dùng tư tưởng này chế ngự những anh hùng phong kiến, dập tắt tinh thần quật cường của nông dân phản uất (8). Khi Thành Cát Tư Hân diệt nhà Tống lập nên nhà Nguyên (1279-1368) thì người Mông Cổ cũng rất khinh Nho sĩ, họ cho rằng: "Thứ tám là đi, thứ chín là Nho, thứ mười là ăn mày". Nhưng để triệt tiêu tinh thần chống đối của người Trung Hoa, năm 1307, họ tôn Khổng Tử làm "Đại thành chí thánh tuyên vương", và đã kéo dài sự đô hộ của họ gần một thế kỷ, dù vương công, quan lại Mông Cổ tự do cướp ruộng đất, bắt người làm nô tì (9). Châu Nguyên Chương, người giải phóng dân tộc Trung Hoa khỏi ách đô hộ Mông Cổ và lập nên nhà Minh (1368-1660), là một thầy sai chứ không phải là một nhà Nho, nhưng ông ta cũng lại lấy học thuyết Chu Hy làm nền tảng: bắt con người về mặt đạo đức phải nhắm mắt tuân theo luật trời; về mặt chính trị tuân theo luật vua; về mặt xã hội thì quan và dân không được gần nhau (10).

Bá Dương, trong buổi diễn thuyết tại Phân khoa Sử học Stanford, cho rằng thời Xuân Thu Chiến Quốc (722-221 trước CN) vua và quan gần nhau, có thể nói nằm cùng giường, ăn cùng mâm. Nhưng đến thời Tây Hán, học phái Nho gia nắm quyền, biến đế vương thành một thứ uy quyền làm cho mọi người khiếp sợ. Đến đời nhà Tống thì khoảng cách giữa vua tôi, quan dân càng ngày càng lớn. Đến đời nhà Minh thì nhân phẩm còn bị chà đạp đến độ không thể tưởng tượng được (11). Chúng ta nên nhớ là đạo Khổng chỉ được trọng dụng từ thời nhà Hán trở đi.

Khổng giáo còn là một lợi khí thống trị của quan lại. Khổng Tử đã chẳng những cho rằng "ra làm quan thì thờ bậc công khanh" (*Xuất tắc sự công khanh*, IX-15). Quan lớn thờ vua, quan nhỏ phải thờ thêm quan lớn, dân thì phải thờ hết mọi

người. Phan Chu Trinh đã miêu tả cảnh cung đình: "Đầu cực khổ thế nào mặc lòng, miên là có kẻ mang đai đội mũ ngất ngưỡng ngồi trên, có kẻ áo rộng khăn đen lúc nhúc lay dưới, trăm nghìn năm như thế cũng xong! Dân khôn mà chi! dân ngu mà chi! dân lợi mà chi! dân hại mà chi! Dân càng nô lệ, ngôi vua càng lâu dài, bọn quan lại càng phú quý! Chẳng những thế mà thôi, "Một người làm quan một nhà có phúc", *dầu tham, dầu nhùng, dầu vơ vét, dầu rút rĩa của dân thế nào cũng không ai phẩm bình*" (12). Chính sách quan liêu này đã làm cho quốc gia suy yếu, người dân khốn khổ và chán ghét chính quyền, kết quả là Trung Hoa, một nước lớn đã bị những nước nhỏ và kém văn minh như Kim, Liêu, Mông Cổ đánh bại hay đô hộ trong nhiều thế kỷ.

Nhiều kẻ sĩ Khổng giáo chắc đã phải đau lòng trước cảnh đó. Phải nói họ không phải chỉ là những người chỉ biết quỳ, biết vái. Nhiều kẻ sĩ đã không khuất mình trước bạo lực (*Uy vũ bất năng khuất*) và thà chết chứ không chịu nhục (*Sĩ khả sát, bất khả phục*). Nhưng họ không thể chống lại uy quyền của đạo lý. Ai có thể chống lại đạo của mình? Đạo lý Khổng giáo không những bảo họ phải thờ mà còn phải giấu tội cho quan trên. Một quan lệnh đoan huyện Diệp nói với Khổng Tử: "Làng tôi có một người ngay thẳng tên là Trục Cung, cha bắt trộm cừu, con đi tố cáo". Khổng Tử trả lời: "Người ngay thẳng ở làng tôi khác vậy. Cha giấu tội cho con, con giấu tội cho cha, sự ngay thẳng ở trong đó" (XIII-18). Và tình quan dân là tình phụ tử. Trong vòng cương tỏa của Khổng giáo, kẻ sĩ có thể làm gì khác hơn là ở ẩn, ngôn ngữ khiêm tốn và ngậm ngùi nhìn cảnh nước mất, nhà tan.

Một giá trị tiêu cực khác là *bảo thủ*. Khổng Tử là một người rất bảo thủ, ông thích văn hóa cổ, siêng năng nghiên cứu kinh điển xưa và chỉ truyền thuật lại chứ không sáng tác. Ông hành diện: "Ta truyền thuật chứ không sáng tác, ta tin và thích điều cổ và có thể sánh với ông Lão Bành của ta" (*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ, thiết tí ư ngã Lão Bành*. VII-1). Không những vậy ông còn cho rằng "chuyên tâm nghiên cứu những vấn đề khác là có hại" (*Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ* II-16). Các sĩ phu đời sau noi gương ông cho nên văn minh Trung Hoa đã dậm chân tại chỗ.

Theo nhà xã hội học Mancur Olson: *sự thoái hóa của một quốc gia là do sự cản*

*trở của đặc tính bảo thủ của chính quốc gia đó*. Bá Dương cũng cho rằng tinh thần Khổng giáo không những rất bảo thủ mà còn phản tiến bộ. Cái tinh thần bảo thủ này ở Trung Hoa đã trở thành một ý thức bền bỉ, làm cho xã hội mất hết sáng tạo, mất hết tập quán tự tìm hiểu, tự phê phán. Văn hóa Trung Hoa cực kỳ rục rờ ở thời Xuân Thu Chiến Quốc, nhưng từ Khổng Tử trở đi Trung Hoa không còn có được một nhà tư tưởng nào lớn nữa. Tất cả chỉ luẩn quẩn ở học thuyết Khổng Tử chứ không hề có ý kiến độc lập của riêng mình (13).

Nếu không có Chiến tranh Nha phiến (1840) có lẽ Trung Hoa hiện nay không mấy thay đổi so với mấy ngàn năm trước. Bá Dương còn cho rằng người Trung Hoa phải cảm ơn cái "nhục của quốc gia" (quốc sỉ) đó, nó là một cú sốc đập mạnh vào "hủ tương văn hóa Trung Hoa" (14). Sau Chiến tranh Nha phiến nhiều trí thức Trung Hoa đã lưu tâm đến tân học. Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu là những người Nho học, nhưng họ thấy cái học đó làm cho nước yếu, dân hèn nên ra công khảo cứu văn hóa, chính trị Âu, Mỹ và mở trường, lập hội để truyền bá tư tưởng mới. Cuộc cách mạng tư tưởng này đã đánh đổ chế độ quân chủ nhưng không đánh đổ được những giá trị tiêu cực của Khổng giáo đã ảnh hưởng đến người Trung Hoa trong hàng ngàn năm nên Trung Quốc đã chuốc lấy một chế độ độc tài và đang gặp nhiều gian nan trong cuộc chuyển hóa về dân chủ.

Một điểm tiêu cực khác là Khổng giáo không đề cập đến *nhân quyền*. Chúng ta không nên lầm lẫn *lòng nhân* với *nhân quyền*. Lòng nhân chỉ là một tình cảm, nó rất khó định nghĩa và rất khó kiểm chứng. Trái lại nhân quyền được định nghĩa rõ ràng và có thể kiểm soát được. Nhiều người lý luận rằng: nếu mọi người đối xử với nhau một cách nhân ái thì nhân quyền tự nhiên được tôn trọng. Nhưng nếu mọi người không đối xử với nhau một cách nhân ái thì sao? Và làm sao có thể xác định là người này đối với người kia là có nhân ái hay không? Lòng nhân chỉ là một yêu cầu, một đề nghị, còn nhân quyền là một đòi hỏi, một bắt buộc. Mọi người có thể đòi hỏi người khác tôn trọng nhân quyền và có những biện pháp chung để bắt buộc mọi người phải tôn trọng nhân quyền. Lòng nhân không bảo đảm được phẩm giá con người, không ngăn chặn được kẻ có quyền hành hạ người không có quyền. Những tập tục giết chết cả ba họ

(tru di tam tộc), bốn ngựa xé xác (tứ mã phân thân), đánh cho đến thịt rơi máu vãi (đình trượng), thiên nô bộc (hoạn quan)... đã tồn tại và phát triển tại các nơi, các thời Khổng giáo được tôn làm quốc giáo.

Sự nhăm lẩn giữa lòng nhân và nhân quyền là một tai họa lớn. Nó dập tắt những đòi hỏi về nhân quyền. Nó làm cho người dân không ý thức được cái quyền của mình, chỉ lo cố gắng ăn ở cho phải đạo và rồi bất lực trước bạo quyền. Nó cũng ngăn chặn sự thành hình những tổ chức chính trị vì cho rằng nhân nghĩa có thể thuyết phục được kẻ cầm quyền và có thể mang lại an sinh xã hội. Nhưng nhân nghĩa không thể thuyết phục được những kẻ cầm quyền. Lịch sử mọi nơi, mọi thời đã cho thấy rằng không mấy ai trọng nhân nghĩa hơn quyền hành. Xã hội Khổng giáo không những không có an sinh mà ngay cả đạo đức cũng suy đồi. Đây là một thực tế mà hầu hết người phương Đông không chấp nhận. Bá Dương, trong cuốn "Người Trung Quốc xấu xí", đã nói lên sự tồi tệ, trong phương diện đạo đức, của nền văn minh Khổng giáo, và Phan Chu Trinh, trước Bá Dương hơn nửa thế kỷ, cũng đã cho rằng nền đạo đức luân lý của Âu Châu cao hơn Á Đông (12). Dù đem Tứ Thư, Ngũ Kinh rao giảng thế nào đi nữa cũng không thể có được một xã hội đạo đức nếu không có tự do, dân chủ và nhân quyền, và Khổng giáo không đề cập đến những giá trị đó.

Không phải vô cớ mà dân tộc ta mãi lầm than khốn khổ, quốc gia ta mãi nghèo nàn lạc hậu, và quân chủ độc tài vẫn mãi ngự trị trên đất nước chúng ta. So với Trung Hoa, ảnh hưởng của Khổng giáo đối với Việt Nam còn có phần tiêu cực hơn. Phan Chu Trinh đã nói lên điều đó trong những bài "Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa", "Đạo đức và luân lý Đông Tây". Nhưng những lời báo động của nhà trí thức yêu nước này đã không ảnh hưởng đến nhiều người nên tinh thần Khổng giáo vẫn còn đi hại đến ngày nay. Sự thành công và tồn tại của đảng cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) là một dẫn chứng. Nguyễn Gia Kiểng đã có lý khi cho rằng ĐCSVN đã thành công là vì họ tượng trưng cho thế lực bảo thủ, bảo vệ những giá trị cũ, những giá trị Khổng giáo, đã ăn sâu vào người Việt Nam cả hàng ngàn năm (15). Và họ tồn tại cũng vì lý do đó.

Nếu so với các nước dân chủ thì phải nói ĐCSVN rất độc tài và tàn ác. Bất cứ một người nào sống trong môi trường dân chủ cũng phải ghê sợ khi đọc những cuốn

"Đêm giữa ban ngày" của Vũ Thư Hiên, "Viết cho Mẹ và Quốc Hội" của Nguyễn Văn Trấn, "Quan điểm và Cuộc Sống" của Nguyễn Hộ hay những bài viết trên tờ báo Người Sài Gòn, dù những tác phẩm, bài viết đó không phơi bày hết tội ác của ĐCSVN. Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Cơ Thạch khi đọc cuốn "Đêm giữa ban ngày" cho rằng Vũ Thư Hiên chỉ biết một phần. Hữu Loan trong bài thơ "Chuyện tôi về" cũng đã diễn tả sự tàn ác đó: "*Cấm làm ăn lương thiện - Chưa có nước để quốc - Thực dân nào - Dám to gan vi phạm?*". Nhà thơ Nguyễn Mạnh Tấn cũng nói lên nỗi tuyệt vọng trong bài "Sáng nay": "*Thời chiến - Sáng nay - Thức dậy - Thấy mình còn sống - Thời bình - Sáng nay - Thức dậy - Thấy mình sắp chết*".

Nhưng nếu so với các chế độ quân chủ đặt nền tảng trên Khổng giáo thì ĐCSVN có phần tiến bộ hơn và hành động của họ không trái với một số quan điểm chính trị của Khổng giáo. Nếu họ có giết người một cách bừa bãi thì các vua quan ngày xưa cũng vậy. Một chuyện thương tâm mà chúng ta cần phải biết: Phan Văn Bình, thân phụ Phan Chu Trinh, làm Quản Cơ Sơn Phòng, hưởng ứng hịch cần vương, gia nhập nghĩa quân do Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo ở Quảng Nam. Năm 1887, Nguyễn Thân đem quân đánh Tam Kỳ, Nguyễn Duy Hiệu nghi ngờ người gốc Tam Kỳ làm phản, sai người mời Phan Văn Bình đi họp. Ngang qua sông làng Mỹ Lưu, Phan Văn Bình cùng người con nuôi tên Vô bị chặt đầu theo mật lệnh của Nguyễn Duy Hiệu (16). Chắc Nguyễn Duy Hiệu không mấy ray rức vì chuyện này. Trước ông, Khổng Tử, khi làm quan nước Lỗ, cũng đã chém đầu một thiếu chính Mão mà không cần xét xử. Một bên thì vì vua, một bên thì vì Bác và Đảng, ĐCSVN coi đất nước là của riêng thì vua chúa ngày trước cũng vậy, có ông thánh nào chống đối đâu. Họ độc quyền chính trị, độc quyền yêu nước thì "*tiếng thương nước đã có luật Gia-long cấm*" (12). Họ qui tội những người bàn việc nước là chống Đảng thì Khổng Tử cũng đã cho rằng: "*Thiên hạ có đạo thì dân thường không bàn việc nước*" (*Thiên hạ hữu đạo tắc thứ dân bất nghị*, XVI-2). Họ cấm tự do tư tưởng và độc quyền lãnh đạo thì cũng không trái với những lời ghi trong Luận Ngữ "*Người quân tử nghĩ ngợi ở trong phạm vi chức vụ của mình*" (*Quân tử tư bất xuất kỳ vị*, XIV-26), và "*Không ở chức vị nào thì đừng mưu tính chức vị đó*" (*Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chính*, VIII-

14).

Khổng giáo rõ ràng là một lợi khí của các chế độ độc tài. Một mặt, một số giá trị Khổng giáo biện minh cho những hành động độc tài, bạo ngược của họ, và mặt khác tư tưởng Khổng giáo cản trở sự chuyển hóa về dân chủ. Để cải tiến xã hội, Khổng giáo không đề nghị một giải pháp nào khác hơn là phải thay đổi "từ bên trên" (hiện nay còn được hiểu là thay đổi "từ bên trong"). Khổng Tử đã cho rằng: "*Đức hạnh của người trị dân như gió, mà đức hạnh của dân như cỏ. Gió thổi thì cỏ tất rạp xuống*" (*Quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo. Thảo thượng chi phong tất yển*, XII.19), hay: "*Dân chúng, khiến cho họ theo, chứ không thể giảng cho họ hiểu được*" (*Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi*, VIII.9). Với một tư tưởng như vậy thì làm sao có thể nghĩ đến việc xây dựng một thể chế tự do, dân chủ. Muốn có dân chủ phải coi trọng dân chứ không phải chỉ biết thương dân và lo cho dân. Muốn có dân chủ phải dồn mọi cố gắng để hình thành một lực lượng chính trị đối lập chứ không phải chỉ biết yêu cầu, van xin hay dùng lý lẽ thuyết phục những người cầm quyền. Không coi trọng dân và không có đối lập chính trị thì không thể có dân chủ.

Không phải là một tình cờ mà chế độ cộng sản đã thành công và còn tồn tại tại Trung Hoa, Việt Nam và Bắc Hàn. Đem Khổng giáo chống độc tài thì chỉ giúp nó nảy nở và phát triển thêm. Điều này đã là một hiển nhiên, nhưng không mấy ai chấp nhận. Có phải chăng là vì chúng ta đang còn lẩn tránh trên mặt lý luận và tình cảm?

Trên mặt lý luận: Khổng Tử là một người thông minh và nhân hậu, nhiều ý kiến của ông đã được coi như là những phương châm thì tại sao học thuyết của ông lại là một tai họa cho những quốc gia áp dụng nó?

Trước hết chúng ta nên phân biệt bản chất con người và cách thức tổ chức xã hội. Bản chất con người thật ra không thay đổi bao nhiêu, phản ứng của người xưa hay người nay cũng đều dựa trên bảy tình: vui, buồn, giận, sợ, yêu, ghét, muốn. Đọc lại chuyện xưa, từ mấy ngàn năm, chúng ta thấy con người thời đó không khác mấy thời nay. Những nhận định sắc bén về bản chất con người, do đó, vẫn còn có giá trị dù hàng ngàn năm đã trải qua. Nhưng những nhận định về cách thức tổ chức xã hội là một vấn đề khác. Xã hội thay đổi không ngừng, và luôn cần có một cách thức tổ chức phù hợp với thời đại.

Mô hình xã hội mà Khổng Tử đề nghị là mô hình của thời đại Nghiêu, Thuấn, Văn, Võ, nghĩa là cách đây bốn, năm ngàn năm. Rất có thể có những cái hay cái đẹp của thời đó nhưng chắc chắn không thể áp dụng cho thời nay.

Một điều quan trọng khác, và đó mới chính là tai họa của quốc gia, là Khổng giáo không phải chỉ là một tư tưởng mà còn được coi là một đạo, đạo Khổng hay Khổng giáo. *Không có gì tai hại cho quốc gia, và có lẽ cho cả nhân loại, bằng đưa tôn giáo vào chính trị*. Cứ nhìn vào các quốc gia Hồi giáo là chúng ta thấy điều đó. Và không phải chỉ riêng Hồi giáo. Thiên Chúa giáo, một tôn giáo đề cao các giá trị tự do, bình đẳng, hòa bình, nhân quyền nhưng khi đã xen vào chính trị thì gây ra biết bao cuộc chiến thảm khốc. Trong hai thế kỷ (1096-1270) đã có tám cuộc thánh chiến lớn, được gọi là chiến tranh Thập Tự. Cuộc tàn sát Saint Barthélemy (1572) đã là một vết nhơ trong lịch sử. Các nước phương Tây chỉ có dân chủ thật sự khi họ tách được tôn giáo ra khỏi chính trị. Một lần nữa, để xây dựng cho Việt Nam một nền dân chủ thật sự chúng ta phải cương quyết tách rời tôn giáo ra khỏi chính trị.

Một câu hỏi khác: Nếu bỏ Khổng giáo thì chúng ta còn gì?

Lo lắng này là một phản ứng tự nhiên của một dân tộc đã không đầu tư vào tư tưởng (17). Phản ứng tự nhiên này cũng đã khiến nhiều người đã và đang cố gắng bám víu vào chủ nghĩa Mác-xít hay cái được gọi là "tư tưởng" Hồ Chí Minh. Lo lắng này tuy có nguyên do nhưng không cần thiết. Nhìn vào các quốc gia trên thế giới hiện nay, chúng ta thấy rằng một xã hội tiến bộ không được xây dựng trên một chủ nghĩa hay một học thuyết mà trên các giá trị tiến bộ, đó là các giá trị: *hòa bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, bình đẳng, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận* (18). Hơn nữa, Việt Nam chỉ có thể có một tư tưởng, để đóng góp vào tư tưởng chung của nhân loại, nếu chúng ta thoát ra khỏi sự kềm tỏa của Khổng giáo và Mác-xít.

Về mặt tình cảm: Khổng giáo đã là một phần lớn văn hóa Việt Nam, và văn hóa là con người. Chống Khổng giáo tức là phần nào chống lại chính mình hay ít ra là chống lại cha mẹ, ông bà, tổ tiên mình. Văn hóa còn là nền tảng của quốc gia, là sợi dây liên kết những người cùng sống trong một nước, có cùng một lịch sử, phủ nhận nó là cắt đứt sợi dây liên kết đó và

làm tan vỡ quốc gia. Văn hóa Việt Nam dù xấu hay tốt cũng là của chúng ta, hay đúng hơn, là chúng ta; chúng ta phải chấp nhận và yêu thương nó, như chấp nhận và yêu thương chính mình.

Đây là những nhận xét rất tình cảm, đáng kính trọng, vì nó phát xuất từ những ưu tư đối với quốc gia dân tộc, từ những tình thần bao dung, hòa giải, hòa hợp rất cần thiết cho đất nước; nhưng, thật ra, những nhận xét này không đúng. Yêu thương cha mẹ không bắt buộc phải giữ nguyên nếp sống của cha mẹ mà làm sao để gia đình có một tương lai tốt đẹp hơn. Yêu nước không phải là ôm chặt lấy những tập quán cũ mà làm sao cho đất nước được phồn vinh hơn. Một quốc gia có tương lai tươi sáng có khả năng liên kết người dân hơn là một quốc gia nghèo nàn, tụt hậu. Điều quan trọng của chúng ta hôm nay là cùng nhau xây dựng một tương lai chung chứ không phải phục hồi những giá trị cũ, nhất là những giá trị đã làm cho đất nước điêu đứng, người dân khốn khổ. Hơn nữa, biết những cái xấu không phải là chống, sửa đổi không phải là phủ nhận. Văn hóa nên là một con sông hơn là ao đầm nước đọng. Chúng ta nên để cho văn hóa trôi chảy, gạn lọc, chọn lựa; và chỉ có như vậy mới có văn minh tiến bộ.

Lịch sử thế giới đã cho thấy rằng: "Một cuộc cách mạng chính trị muốn thành công phải được một cuộc cách mạng văn hóa mở đường rồi củng cố" (19). Công cuộc chống độc tài của chúng ta đã không thành công vì chúng ta còn vướng mắc văn hóa quân chủ, bảo thủ của Khổng giáo. Để xây dựng cho Việt Nam một nền dân chủ thật sự chúng ta cần phải bỏ tình thần tôn quân và tâm lý bất lực, được biểu hiệu qua sự mong chờ thay đổi "từ bên trong". Chúng ta đã mất nhiều thì giờ với một Nguyễn Văn Linh, một Võ Văn Kiệt, và đang mất thì giờ với một Lê Khả Phiêu, một Phan Văn Khải. Không có lý lẽ nào thuyết phục được những kẻ độc tài ngoài sức mạnh của đối lập và của lòng dân. Hơn nữa, nếu có thay đổi "từ bên trong" thì đó cũng là một giải pháp tồi tệ nhất trong mọi giải pháp, và nước Nga hiện nay là một thí dụ (20). Hay hơn hết là chúng ta nên dùng thời gian và nghị lực để xây dựng một đối lập dân chủ. Chúng ta cũng cần bỏ tình thần bảo thủ, một tinh thần chỉ chấp nhận những ý kiến đã có hay những ý kiến phải đạo. Nó đã ngăn chặn sự tiến hóa của tư tưởng, nghĩa là sự tiến hóa về dân chủ. Và đặc biệt, là chúng ta

phải chiến đấu cho nhân quyền và dân quyền, nhất là trên mặt trận văn hóa, để mỗi người dân hiểu rằng đất nước là của họ, họ có quyền và phải làm chủ đất nước để có thể làm chủ tương lai của mình, để bảo đảm tương lai cho con cháu.

Để xây dựng một Việt Nam dân chủ và phồn vinh chúng ta không có giải pháp nào tốt đẹp hơn là thay đổi văn hóa quân chủ bảo thủ Khổng giáo bằng văn hóa dân chủ tiến bộ. Cách đây ba phần tư thế kỷ, Phan Chu Trinh cùng những chí hữu của ông đã tranh đấu cho sự thay đổi đó và đã thất bại, và Việt Nam đã phải trả những giá rất đắt: chiến tranh, độc tài, nghèo nàn, tụt hậu. Đối với Việt Nam, cuộc cách mạng văn hóa này là một bắt buộc và cũng rất khó khăn, vì Khổng giáo đã ăn sâu vào người Việt từ hàng ngàn năm, và vì chúng ta không ý thức được rằng mình vẫn còn mang nặng ảnh hưởng Khổng giáo. Nhưng khó khăn không có nghĩa là không thực hiện được.

**Võ Xuân Minh**  
(tháng 12-1998)

1. Nguyễn Hiến Lê, *Luận Ngữ* (dịch và chú thích), trang 11.
2. Nguyễn Huy Bảo, *lời giới thiệu cuốn Essai sur le Luận Ngữ*, Pierre Gastine biên soạn.
3. Platon (học trò của Socrate) và Aristote (học trò của Platon) đều phủ nhận mô hình xã hội của Socrate. Platon còn nhận thấy xã hội lý tưởng do chính ông đề nghị không thực tế nên lại đề nghị một thể chế cộng hòa. Aristote nghiên cứu những thể chế chính trị của 150 Nhà nước Hy Lạp nhưng không theo một khuôn mẫu nào cả. Để bảo đảm sự bình đẳng ông đề nghị một nhà nước pháp trị gần như tuyệt đối, về sau thấy khuyết điểm của nó ông cổ vũ cho sự tự do của công dân.
4. Anne Cheng, *Les Entretien de Confucius*, trang 26.  
Theo tôi, ảnh hưởng của Khổng Tử đối với những nhà tư tưởng này nếu có cũng chỉ là thoáng qua vì họ đều là những người tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền, những giá trị không có trong Khổng giáo.
5. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, cuốn I, trang 158
6. Nho giáo có trước Khổng Tử. Nhà Nho là người biết nghi thức cúng tế, và quốc gia chỉ cần đến họ khi nào cần có nghi lễ. Để nghề nghiệp của họ được ổn định nhà Nho phải nệ cổ (rất bảo thủ). Khổng Tử

là một nhà Nho, nhưng ảnh hưởng của ông quá lớn nên từ thời ông trở đi Nho giáo còn được gọi là Khổng giáo.

7. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, cuốn I, trang 164-179.
8. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, cuốn II, trang 109-124.
9. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, cuốn II, trang 132-141.
10. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, cuốn III, trang 165-177.
11. Bá Dương, *Người Trung Quốc xấu xí*, Nguyễn Hồi Thủ dịch, trang 76-77.
12. Phan Chu Trinh, *Đạo đức và luân lý Đông Tây*.
13. Bá Dương, *Người Trung Quốc xấu xí*, trang 45-48.
14. Bá Dương, *Người Trung Quốc xấu xí*, trang 61.
15. Nguyễn Gia Kiểng, *Một suy nghĩ về ngày 30-4-1975*, Thông Luận tháng 5-1998.
16. Theo lời kể của bà Phan Thị Châu Liên, con gái của Phan Chu Trinh, Thế Kỷ 21, tháng 9-1998, trang 40.
17. Chúng ta nên ý thức tầm quan trọng của tư tưởng. Một dân tộc không có tư tưởng thì rất dễ mất chủ quyền, nếu không nói là một dân tộc nô lệ. Việt Nam đã phải chịu một ngàn năm nô lệ, một trăm năm bị đô hộ và năm mươi năm độc tài cộng sản có phải chăng là vì chúng ta đã không đầu tư vào tư tưởng?
18. Thông Luận, *Thử thách và hy vọng* (Dự án chính trị dân chủ đa nguyên), trang 35.
19. Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, cuốn IV, trang 208.
20. Trần Bình Nam, *Liên Bang Nga trước khúc quanh*, Thông Luận tháng 12-1998.

## Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

**Ban biên tập**

# Doanh Nghiệp Nhà Nước Trong Nền Kinh Tế Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hiệp

Kinh tế Việt Nam gồm có ba thành phần chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức hợp tác xã và các cơ sở kinh tế tư nhân, trong đó doanh nghiệp nhà nước (còn gọi là khu vực quốc doanh) giữ một vai trò then chốt. Cụ thể hơn thì phải nói các doanh nghiệp nhà nước khống chế sinh hoạt kinh tế VN, đóng vai trò "vừa là cầu thủ vừa là trọng tài" trong khuôn khổ cùng tham gia sản xuất và cùng tổ chức thương mại với các thành phần kinh tế khác.

Cho tới năm 1993, VN có khoảng 12 000 doanh nghiệp nhà nước, trong đó 3 000 doanh nghiệp thuộc quyền kiểm soát nhà nước trung ương và 9 000 do hành chính tỉnh hoặc địa phương quản lý. Ngành công nghiệp có 3 600 cơ sở, ngành thương mại có 3 900, nông nghiệp 1 600, xây dựng 1 300, còn lại 1 600 cơ sở là những doanh nghiệp hoạt động trong các lãnh vực khác như du lịch, ngân hàng, vận chuyển, viễn thông, dầu khí, v.v. Toàn bộ 12 000 doanh nghiệp nhà nước chiếm giữ 80% tích sản của cả nền kinh tế, thu dụng 90% lao động chuyên môn của cả nước nhưng chỉ đóng góp 30%-33% vào tổng sản lượng nội địa (GDP). Nét đặc biệt của các doanh nghiệp nhà nước là trì trệ, hiệu năng thấp và chất lượng sản phẩm kém. 70% các doanh nghiệp hoạt động đình đốn, chỉ sử dụng 30%-40% tiềm năng sản xuất.

Khi chính sách "đổi mới" ra đời năm 1986-1987, vì phải cạnh tranh với sản phẩm nước ngoài, chính quyền VN đã buộc phải tổ chức lại khu vực doanh nghiệp nhà nước. Chủ yếu các doanh nghiệp nhỏ bé và yếu kém đã bị giải thể hoặc phải sáp nhập lại và tới năm 1993 khu vực kinh tế quốc doanh còn có khoảng 6 000 doanh nghiệp. Tuy nhiên, từ 1993 tới nay các doanh nghiệp nhà nước không có những thay đổi sâu rộng cần thiết dù ai cũng thừa nhận rằng, kể cả chính quyền VN, khu vực quốc doanh là một gánh nặng tốn kém, làm tiêu hao tài sản nhà nước và trì hoãn sự phát triển kinh tế. Chính khu vực quốc doanh là một trong những yếu tố ngăn cản kinh tế và xã hội

VN tiến như tiềm năng quốc gia có thể cho phép. Theo thống kê chính phủ trên tổng số 6 000 doanh nghiệp nhà nước hiện nay còn hoạt động, 47% có dưới 100 người làm việc, 50% có từ 100 tới 1 000, còn lại 3% có trên 1 000. Phần đóng góp của các doanh nghiệp ấy vào tổng sản lượng nội địa (GDP) ở mức 40%-45%. Nhà nước trung ương quản lý khoảng 2 000 doanh nghiệp, còn lại 4 000 thuộc quyền kiểm soát của hành chính tỉnh hoặc địa phương. Khu vực quốc doanh nhận 75%-80% tổng số tín dụng ngân hàng nhưng chỉ thu dụng 6%-7% lao động làm việc. Tổng số vay nợ của các doanh nghiệp nhà nước ước lượng khoảng 7 tỷ US\$. Ngoài ra có khoảng 300 doanh nghiệp có khả năng đóng góp vào ngân sách nhà nước và phần đóng góp này ước lượng tổng cộng là 40% trong năm 1997.

## Vai trò doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước trong chế độ xã hội chủ nghĩa và kế hoạch tập trung trước đây cũng như với đường lối "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" bây giờ là một bộ phận trọng yếu trong hệ thống tổ chức và hoạt động kinh tế VN. Cụ thể là doanh nghiệp nhà nước có một chỗ đứng dành riêng lẫn át tất cả các thành phần kinh tế khác. Doanh nghiệp nhà nước được hưởng một quy chế vô cùng ưu đãi về mọi mặt, hoàn toàn không bình đẳng chút nào với các thành phần khác. Chẳng hạn các doanh nghiệp nhà nước có các đặc quyền to lớn như: được dùng quyền sử dụng đất làm vốn để góp phần liên doanh với nước ngoài, không cần thế chấp khi vay mượn ngân hàng...

Năm 1995-1996, khu vực doanh nghiệp nhà nước, chủ yếu là khu vực do nhà nước trung ương quản lý có vài thay đổi với sự thành lập các tổng công ty đặc biệt còn gọi là "tập đoàn kinh doanh" theo kiểu các chaebol của Đại Hàn. Khởi đầu có Tổng Công Ty Điện Lực VN, Tổng Công Ty Than VN, và dần dần có gần 100 tổng công ty cùng thể loại xuất hiện trong đủ mọi ngành. Chẳng hạn ngành thực phẩm có Vinafood, sản xuất cà phê có

Vinacafe, dệt may có Vinatex, sản xuất giấy có Vinapimex, ngành cao su có Geruco, sản xuất hóa chất có Vinachem, v.v. Nói chung trong mỗi ngành sản xuất đều có ít nhất một tổng công ty nhà nước trung ương, từ ngành chế biến thực phẩm tới sản xuất sắt thép, sang ngành vận tải, hàng hải, xây dựng, dầu khí, nước uống, hàng không, xi măng, viễn thông, bảo hiểm, ngân hàng, v.v.

Việc thành lập các tổng công ty có mục đích tăng cường vai trò của khu vực kinh tế quốc doanh, của các doanh nghiệp nhà nước. Trên lý thuyết, điều này có nghĩa là các doanh nghiệp nhà nước chiếm một phần lớn sản xuất, là mẫu mực về quản lý và hiệu năng, đóng góp một phần lớn vào ngân sách nhà nước. Trong thực tế chỉ có điều thứ nhất được thực hiện nhưng bằng một giá cao vô cùng tới mức kinh tế cả nước bị thiệt thòi, toàn dân phải hy sinh đóng góp phi lý và không đáng. Thực vậy doanh nghiệp nhà nước sử dụng rất nhiều phương tiện tài chính và vật chất của nhà nước, hưởng rất nhiều đặc quyền lớn bé về mặt sản xuất, tiếp thị, thuế khóa, tài chính, định giá, tiếp liệu, v.v. Song song các doanh nghiệp nhà nước không tạo được số việc làm tương xứng với vai trò của mình, lại lỗ lã triền miên và chỉ tiến nhanh hơn một cách rất khiêm tốn khu vực kinh tế tư nhân, thường là 10%-11% so với 6%-7%. Trong những điều kiện như thế, các doanh nghiệp nhà nước không có khả năng bảo đảm sự quân bình kinh tế, điều hòa thị trường và thúc đẩy kinh tế phát triển tốt đẹp và bền vững. Cách quy định vai trò của doanh nghiệp nhà nước hoàn toàn không đúng đắn bởi vì: hoặc doanh nghiệp là dụng cụ mà nhà nước dùng để trực tiếp hoạt động sản xuất, nếu vậy thì khu vực quốc doanh phải có tính cách mẫu mực cho các thành phần kinh tế khác cố gắng theo sau, hoặc doanh nghiệp nhà nước chỉ là thông số trong bài toán kinh tế vậy thì không thể có chỗ đứng dành riêng trên cao so với kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác xã, kinh tế cá thể và đầu tư nước ngoài.

### **Quản lý doanh nghiệp nhà nước**

Như chúng tôi đã nêu ở trên, các doanh nghiệp nhà nước chia làm hai loại, doanh nghiệp do nhà nước trung ương quản lý và doanh nghiệp thuộc trách nhiệm hành chính tỉnh hoặc địa phương. Công việc quản lý các doanh nghiệp nhà nước được chia ra giữa các cơ quan chủ quản và các cơ quan chức năng. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của mỗi doanh nghiệp đều do một bộ chủ quản trực tiếp quản lý. Song song về phương diện tài chính, lao động, kỹ thuật, v.v. mỗi doanh nghiệp lại đặt dưới sự kiểm tra của các bộ chức năng như Bộ Tài Chính, Bộ Lao Động, Bộ Khoa Học và Công Nghệ, v.v. Các cơ quan làm công tác kiểm tra chức năng một doanh nghiệp phải thông qua cơ quan chủ quản của doanh nghiệp. Như vậy quyền quản lý của các cơ quan chủ quản lớn hơn quyền kiểm tra của cơ quan chức năng.

Năm 1995-1996 cùng lúc với quyết định thành lập các tổng công ty đặc biệt, chính quyền VN với rất nhiều thận trọng đã chấp thuận trao quyền quản lý trực tiếp hoạt động của doanh nghiệp nhà nước cho một Hội đồng Quản lý mà chủ tịch do chính phủ chỉ định. Tuy nhiên mỗi doanh nghiệp vẫn thuộc về một bộ chủ quản như trước. Nói cách khác, quyền quản lý doanh nghiệp và quyền sở hữu nhà nước vẫn còn lẫn lộn, chính quyền nhà nước tiếp tục chỉ phối đường lối và kế hoạch của doanh nghiệp. Cuối cùng hoạt động sản xuất vẫn không do thị trường chỉ đạo.

Mục đích của việc thành lập hội đồng quản lý là để tiến tới một cách tổ chức và hoạt động bớt nặng nề phù hợp với đòi hỏi của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Với sự thay đổi này, trên nguyên tắc công tác quản lý phải uyển chuyển, cởi mở và hiệu quả hơn. Nhưng thực tế sự thay đổi bề ngoài này rõ ràng không tạo ảnh hưởng mà chính quyền VN mong đợi. Bằng chứng là hiệu suất các doanh nghiệp vẫn yếu kém, chất lượng hàng hóa không khá hơn. Đa số các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục "lỗ thật và lời giả" dù sổ sách tính toán theo phương pháp và chuẩn mực kế toán và kiểm toán của bộ tài chính (các định chế tài chính quốc tế, các ngân hàng và văn phòng kiểm toán nước ngoài đều cho rằng các phức tạp tài chính của các doanh nghiệp nhà nước không diễn tả đúng đắn sự thật). Tháng 4 năm ngoái chính quyền VN đã

quyết định với tính cách thử nghiệm đối với vài doanh nghiệp nhà nước cho hội đồng quản lý quyền tự chọn chủ tịch tổng giám đốc với hy vọng doanh nghiệp sẽ đạt kết quả tốt đẹp hơn. Người viết thắc mắc tự hỏi quyết định trên có đem ra thi hành không? nếu có thì thử nghiệm với các doanh nghiệp nào? những chủ tịch mới được chọn để lãnh đạo và quản lý các doanh nghiệp là ai? kết quả thử nghiệm là thế nào? chính quyền có thêm quyết định nào để đưa công trình thử nghiệm tiến xa hơn nữa, trong ngắn hạn và dài hạn? chủ ý đổi thay cách quản lý doanh nghiệp nhà nước của chính quyền VN đúng đắn hay giả hiệu?

### **Chế độ bao cấp và doanh nghiệp nhà nước**

Khu vực doanh nghiệp nhà nước từ trước đến nay luôn luôn được hưởng chế độ bao cấp dưới hình thức này hay hình thức khác. Trước khi có chính sách "đổi mới" chính quyền VN dùng ngân sách nhà nước và chỉ thị Ngân Hàng Nhà Nước bao bọc khu vực kinh tế quốc doanh. Những phương tiện mà nhà nước cấp phát cho khu vực quốc doanh luôn luôn nhiều hơn rõ rệt số thuế mà các doanh nghiệp nhà nước đóng cho ngân sách. Trong những năm 1985-1990 chế độ bao cấp là nguyên do chính làm ngân sách nhà nước thâm hụt rất nặng tương đương với từ 7% tới 13% tổng sản lượng nội địa (GDP) và làm giá cả gia tăng phi mã (715% năm 1986, 400% năm 1988).

Quyết định giải thể hoặc sáp nhập các doanh nghiệp nhà nước tồi tệ nhất và giảm số doanh nghiệp từ 12 000 xuống 6 000 đã giúp phần nào làm nhẹ gánh nặng của khu vực quốc doanh, giảm bớt ảnh hưởng tiêu cực của doanh nghiệp nhà nước lên tình trạng kinh tế chung. Năm 1995-1996, chế độ bao cấp đổi dạng, ngân sách nhà nước và ngân hàng nhà nước (bây giờ trở thành ngân hàng trung ương với chức năng quản lý tiền tệ) thời không trực tiếp nuôi dưỡng các doanh nghiệp nhà nước. Thay vào đó có bốn ngân hàng nhà nước ra đời (Ngân hàng công thương, Ngân hàng đầu tư phát triển, Ngân hàng ngoại thương và Ngân hàng nông nghiệp) với chức năng thương mại giữ vai trò cấp phát tín dụng hết sức dễ dàng cho các doanh nghiệp nhà nước. Cuối cùng tình trạng thực tế là chế độ bao cấp tiếp diễn đối với các doanh nghiệp nhà nước tuy dưới một hình thức đổi khác và có nhẹ bớt một chút.

Hiện nay mặc dù chính quyền VN đã tuyên bố và hứa hẹn nhiều lần chấm dứt chế độ cấp phát tín dụng trong tinh thần bao cấp, cả bốn ngân hàng kinh doanh nhà nước cùng với các ngân hàng cổ phần vẫn dành cho các doanh nghiệp nhà nước những điều kiện vay tiền hết sức dễ dãi. Tình trạng doanh nghiệp không trả được nợ, hoặc quá hạn vẫn chưa trả và ngay cả không bảo toàn được vốn hầy còn thông thường. Chính chính quyền VN đã lên tiếng báo động tháng 12-1998 rằng tiền vay ngân hàng mà các doanh nghiệp nhà nước không trả kịp thời hạn đã lên tới mức báo động 20% so với 13% trước đó một năm. Trong khi đó doanh nghiệp nhà nước tiếp tục bị chi phí cao, chất lượng sản phẩm vẫn kém và hiệu quả vẫn không hơn.

Các vấn đề cải tiến doanh nghiệp nhà nước, bãi bỏ chế độ bao cấp và lành mạnh hóa hoạt động ngân hàng gắn bó với nhau. Chúng có tính cách quyết định trong việc giải quyết ngõ bí kinh tế hiện nay và sự tồn tại của chế độ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa". Đứng trước tình trạng này, chính quyền VN ở thế bí rõ ràng vì không có phương tiện giải quyết các vấn đề vừa nêu (chính quyền Trung Quốc cũng phải đối phó với những vấn đề tương tự, nhưng Trung Quốc khác VN ở chỗ nhà nước có dự trữ ngoại tệ lên tới 140 tỷ US\$). Các nước viện trợ đầu tư phát triển chính thức cho Việt Nam trong kỳ họp tháng 12-1998 tại Paris đã quyết định dành một dự khoản 2,2 tỷ US\$ cho VN trong năm 1999 và đã gián tiếp cho biết họ sẵn sàng giúp phương tiện để VN tổ chức lại các doanh nghiệp nhà nước và hệ thống ngân hàng. Chắc chắn chính quyền VN sẽ cân nhắc lâu dài vì chấm dứt chế độ bao cấp, nâng cao hiệu suất doanh nghiệp nhà nước, tổ chức lại các ngân hàng theo chuẩn mực kinh tế thương mại đúng đắn là bắt đầu tháo gỡ căn nhà "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" mà nền móng không có gì chắc cả.

### **Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước**

Tại hội nghị các nhà tài trợ tổ chức tại Hà Nội vào tháng 9-1993, chính quyền VN có xác định ý muốn chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước sang công ty hữu hạn và cổ phần và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Hơn năm năm sau, đường lối cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vẫn còn chạy quanh, chương trình vẫn chưa cất cánh. Thực tế là chính quyền

VN loay hoay, lúc tiến lúc lùi. Những quyết định cũng như biện pháp đề ra để thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nặng về hình thức, có tính cách lẻ tẻ và không định hướng. Cuối cùng kết quả cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoàn toàn chỉ có giá trị tượng trưng, không có gì đáng kể. Thông tin nhà nước về kết quả cổ phần hóa các doanh nghiệp không có nhiều. Ngay cả số doanh nghiệp đã cổ phần hóa xong cũng không rõ ràng và không chắc chắn. Theo chỗ chúng tôi tìm hiểu thì có khoảng 15 doanh nghiệp đã được cổ phần hóa và toàn là những doanh nghiệp tầm vóc bé, hoạt động ở địa phương nhỏ hẹp.

Từ trước tới nay, doanh nghiệp nhà nước luôn luôn là một công cụ được đảng CSVN dùng để phục vụ quyền lợi đảng, nuôi dưỡng đảng viên và bảo tồn chế độ. Bởi vậy, cổ phần hóa hoặc giải tư doanh nghiệp nhà nước trong tinh thần bình đẳng với các thành phần kinh tế khác có nghĩa tháo gỡ một bộ phận trọng yếu của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" và đồng thời sẽ đặt vai trò độc quyền lãnh đạo của đảng CSVN trong thế hành sử khó khăn. Câu hỏi đặt ra là vì đâu mà chính quyền VN lại đề ra chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước? Chương trình này được đưa ra để cứu chữa khu vực kinh tế quốc doanh đang suy yếu nghiêm trọng bởi hiệu năng của doanh nghiệp nhà nước quá thấp kém. Từ lúc chính quyền VN thi hành chính sách "đổi mới", mở cửa trao đổi buôn bán với thế giới, chấp nhận đầu tư nước ngoài thì thế đứng của doanh nghiệp nhà nước so với các thành phần kinh tế khác ngày càng bất lợi dù được hưởng nhiều ưu đãi và đặc biệt. Các doanh nghiệp nhà nước bắt buộc phải chuyển đổi ít nhiều để tiếp tục sống.

Giới lãnh đạo VN vô cùng lúng túng trước vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Một mặt, khu vực quốc doanh làm tiêu hao nguồn lực nhà nước, khó giữ được vai trò chỉ đạo kinh tế và bảo tồn chế độ. Cổ phần hóa là lối thoát để nâng cao hiệu suất, cải tiến doanh nghiệp nhà nước. Mặt kia, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thì một bộ phận chủ yếu của nền kinh tế thoát khỏi sự kiểm soát và thao túng của đảng CSVN. Thế khó xử này khiến chính quyền VN nhập nhằng trong chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp, chỉ lấy những quyết định nửa chừng, biện pháp đề ra chưa áp dụng đã thụt lùi.

So với giới lãnh đạo VN, thái độ của thành phần quản lý khu vực kinh tế quốc doanh và lao động doanh nghiệp nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cũng không khác. Tất cả đều không hưởng ứng ý kiến cổ phần hóa vì quyền lợi của họ sẽ bị đụng chạm và có thể tiêu tan. Chế độ bao cấp tuy đã thay đổi nhưng vẫn dành nhiều ưu đãi và đặc biệt cho các doanh nghiệp nhà nước. Quy chế lao động tương đối tốt hơn các khu vực khác. Thái độ thụ động của nhân viên doanh nghiệp nhà nước mà hầu hết là đảng viên đảng CSVN đối với vấn đề cổ phần hóa là một điều dễ hiểu.

Cổ phần hóa và cải tiến doanh nghiệp nhà nước là một yêu cầu khách quan ảnh hưởng lớn lên sự phát triển kinh tế VN. Tuy nhiên vấn đề này đặt trong khuôn khổ của "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" không có giải đáp đúng đắn. Nói cách khác, chỉ có thể thực sự tăng hiệu năng của khu vực quốc doanh nếu xóa bỏ "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

#### **Quân đội và doanh nghiệp nhà nước**

Trước khi chính quyền VN đưa ra chính sách "đổi mới" vào năm 1986, quân đội VN chỉ có vai trò góp phần kiến thiết kinh tế. Phạm vi hoạt động của quân đội giới hạn trong những vùng kinh tế mới, nông trường, nông trại, ở công trình thủy điện, công tác tu bổ cầu đường và khai thác dầu khí. Sau 1986, vai trò quân đội trong nền kinh tế bành trướng rất mạnh. Từ nhiệm vụ thu hẹp kiến thiết kinh tế, quân đội chuyển sang hoạt động kinh tế không giới hạn ngành nghề mạnh hơn tất cả các thành phần, cơ quan hoặc cơ sở kinh tế quốc doanh khác dưới sự kiểm soát của các bộ chủ quản. Kể từ năm 1989 rõ ràng quân đội VN là thành phần quan trọng nhất trong sinh hoạt kinh tế, tài chính, sản xuất và thương mại của cả nước. Quân đội VN liên doanh với nước ngoài, đi vào ngành xuất và nhập khẩu, thành lập ngân hàng thương mại quân đội năm 1993, kiểm soát sản xuất thủy điện và cung cấp nước, độc quyền dịch vụ vận chuyển trực thăng cho các công ty nước ngoài khai thác dầu khí.

Theo những tin liệu người viết thu góp được thì hiện nay trên 6 000 doanh nghiệp nhà nước, có gần 200 cơ sở do quân đội chủ quản với số lao động khoảng 100 000

người (tương đương với 1/6 quân số chính thức). Quân đội VN liên doanh với đầu tư nước ngoài trong 56 dự án sản xuất chế biến và thương mại, chủ quản 4 tổng công ty (trên tổng số khoảng 100), chiếm một phần quan trọng về sản xuất, thương mại trong tất cả mọi lĩnh vực, từ lâm sản, nông phẩm, điện lực, v. v. tới khoáng sản, vận tải, cầu đường, viễn thông, v. v. cộng thêm cả du lịch, khách sạn, xi măng, hóa chất, ngân hàng, bốc dỡ tàu biển, thiết kế nhà ở, v. v. Quân đội liên doanh nhiều nhất với nước ngoài trong các ngành dệt may, xe hơi, xây dựng, cơ khí, điện tử, viễn thông, khoáng sản và dầu khí.

Doanh nghiệp quân đội như các doanh nghiệp nhà nước khác, được hưởng rất nhiều ưu đãi và đặc biệt, hơn các doanh nghiệp dưới quyền quản lý của các bộ khác. Lao động trong các doanh nghiệp quân đội có quyền lợi cao hơn lao động trong các doanh nghiệp nhà nước khác, lương bổng cao hơn mức trung bình của toàn thể khu vực kinh tế quốc doanh. Nói chung, lương hàng tháng trong doanh nghiệp quân đội là 70 US\$ so với 40-45 US\$ trong các doanh nghiệp nhà nước khác. Doanh vụ của các doanh nghiệp quân đội ước lượng khoảng 550-580 triệu US\$ năm 1997, so với 25 triệu US\$ năm 1990, 360 triệu US\$ năm 1995 và 450 triệu US\$ năm 1996.

#### **Vấn đề liên doanh với nước ngoài**

Nghiệp vụ liên doanh (joint venture) là một trong ba hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp nhà nước VN với đầu tư trực tiếp nước ngoài, hai hình thức kia là hợp tác thương mại (business cooperation) và xây dựng - điều hành - chuyển giao (B.O.T.). Hình thức liên doanh chiếm 95% các dự án hợp tác giữa doanh nghiệp nhà nước và đầu tư nước ngoài. Doanh nghiệp nhà nước liên doanh với nước ngoài chủ yếu vì thiếu vốn hoạt động, thiếu vốn đầu tư và cũng vì cần công nghệ và máy móc thiết bị mới. Ngoài ra, doanh nghiệp nhà nước khi xuất khẩu hàng hóa phải dựa vào hệ thống phân phối của đối tác nước ngoài. Nhìn xa hơn theo sách lược kinh tế của chính quyền VN thì liên doanh với nước ngoài là phương cách có lợi giúp khu vực kinh tế quốc doanh bành trướng, củng cố và bảo đảm địa vị chỉ đạo và ưu thế trong nền kinh tế.

Về phía doanh nhân nước ngoài, hầu như họ không có chọn lựa nào khác là liên doanh hoặc hợp tác thương mại với doanh

nghiệp nhà nước VN (trừ một vài ngoại lệ rất hiếm như trường hợp xí nghiệp Huy Hoàng). Theo một cuộc tham dò ý kiến các doanh nhân Úc có hoạt động đầu tư ở VN ("Foreign Investors in Vietnam: an Australian Case Study", Elizabeth Maitland, trong "Vietnam Assessment: Creating a Sound Investment Climate", Suiwah Leung, Singapore, Institute of SouthEast Asian Studies, 1996), thì những lý do chính khiến họ liên doanh với doanh nghiệp nhà nước VN là: hoạt động bớt rủi ro, dễ dãi về hành chính (nhờ quan hệ quen biết của đối tác VN), đường dây phân phối sẵn có (vì doanh nghiệp nhà nước có ưu thế).

Trong nghiệp vụ liên doanh với đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước luôn dùng quyền sử dụng đất làm phần đóng góp vào dự án đầu tư trong khi doanh nhân nước ngoài thông thường góp phần bằng thiết bị và máy móc. Nói chung phần đóng góp bằng quyền sử dụng đất của phía VN tương đương 30% trị giá đầu tư của dự án.

Cả chính quyền VN lẫn doanh nhân nước ngoài đều thừa nhận quan hệ liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước và đầu tư nước ngoài không dễ dàng. Giữa hai đối tác có nhiều khác biệt về quan niệm hoạt động, phương thức tổ chức và mục tiêu sản xuất hoặc thương mại. Chẳng hạn giới quản lý doanh nghiệp nhà nước VN đặc biệt chú trọng tới tầm vóc cơ sở, tăng cao sản lượng, có nhiều lao động, có máy móc và thiết bị mới. Họ không hoặc ít quan tâm tới hiệu năng sản xuất, kiểm soát chất lượng, yêu cầu của thị trường, kế toán và kiểm toán để bảo toàn tình hình tài chính của xí nghiệp. Alain Chaillet giám đốc BNP Việt Nam, Alphonso de DeMatteis sáng lập viên phòng thương mại Hoa Kỳ ở Hà Nội, Faith Keenan đặc phái viên tuần báo Far Eastern Economic Review (18-12-1997), Craig Thomas thuộc văn phòng luật sư Simeon & Associates (nguyệt san Vietnam Economic Times, tháng 5, 1997) và Marc Brady thuộc văn phòng luật sư Baker & McKenzie (Vietnam Business Journal, tháng 2, 1998) có nhận định chung rằng giới quản lý doanh nghiệp nhà nước VN rõ ràng thiếu hiểu biết về những quy tắc thông thường và căn bản về quản lý doanh nghiệp, về quan hệ kinh doanh giữa các bên hợp tác liên doanh. Quan niệm và thái độ của họ thay đổi tùy doanh nhân nước ngoài còn đề đặt chưa xuất vốn đầu tư hoặc đã thiết lập cơ sở bắt đầu sản

xuất. Họ coi nhẹ các hợp đồng liên doanh đã ký kết. Gần đây những tranh chấp lớn đáng chú ý xảy ra trong liên doanh có trường hợp giữa Vinafood và American Rice, giữa Vinachem và Proctor Gamble, giữa Oxbow và Tổng Công Ty Điện Lực VN với Vinacoal.

### **Rối ren trong khu vực doanh nghiệp nhà nước**

Từ trước tới nay đường đi của doanh nghiệp nhà nước VN luôn luôn gắn liền với kế hoạch tập trung và chế độ bao cấp của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đảng CSVN và chính quyền đốc tài lực và vật lực để xây dựng và phát triển doanh nghiệp nhà nước theo cách tập trung và bao cấp như vừa nêu và trông chờ các doanh nghiệp trở thành một guồng máy kinh tế hoạt động tốt đẹp, tạo ra đầy đủ của cải vật chất và phương tiện kỹ thuật, cung cấp nguồn lực cần thiết để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Trong thực tế, doanh nghiệp nhà nước nhận rất nhiều nguồn lực từ ngân sách và các ngân hàng thương mại nhà nước và hưởng vô số ưu đãi và dễ dãi về thuế khóa, giá cả, tiếp liệu, v.v. Nhưng doanh nghiệp đóng góp lại cho nhà nước ít hơn những gì đã nhận được. Tình trạng này tuy phản kinh tế nhưng kéo dài cho tới ngày nay mà không có điều gì thay đổi. Mà làm sao thay đổi được khi lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước là đảng viên và cán bộ đảng. Số lao động này có công ăn việc làm bảo đảm, có quy chế và lương bổng tốt, cộng thêm bổng lộc linh tinh ("Vietnam's economic renovation and foreign economic policies", Võ Đại Lực và Akie Ishido, 1995, Institute of World Economy, Hanoi). Trong những điều kiện như thế, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước tất nhiên là một vấn đề vô cùng phức tạp và khó xử trí đối với chính quyền VN. Ở cấp dưới, đảng viên và cán bộ không tán thành vì quyền lợi bị đe dọa. Ở cấp trên, giới lãnh đạo đảng do dự và lúng túng vì phải xóa bỏ kế hoạch tập trung và chế độ bao cấp, xét lại một bộ phận trọng yếu trong cơ cấu tổ chức và nền tảng xây dựng xã hội chủ nghĩa và "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa".

Sau nhiều năm "đổi mới" và theo đuổi "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", thực tế cho thấy doanh nghiệp nhà nước không còn trong vòng

kiểm soát và dưới quyền quyết định của chính quyền nhà nước trung ương như trước. Việc mở cửa kinh tế bắt đầu từ 1986 trong ngắn hạn đã cứu kinh tế VN thoát cơn gió bão của những năm 1986-1988. Nhưng về lâu dài "đổi mới" và "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đã làm kinh tế VN phân hóa nghiêm trọng. Quyền kiểm soát và quản lý các doanh nghiệp nhà nước bị chia cắt bừa bãi. Thành phần cán bộ trung cấp đã giành được một phần quyền hạn mà trong chế độ kế hoạch tập trung họ không có. Hệ thống hành chính chiều dọc từ trung ương xuống địa phương tan vỡ. Thay vào đó là những đường dây quyền lực, một mạng lưới quyền lợi dựa trên bề thế và quen biết và vận dụng nhân danh để hoạt động kinh tế với mục đích làm giàu cho cá nhân, gia đình, đồng đội, phe đảng, v.v. Quyền lực kinh tế bị địa phương hóa (không phải tản quyền hoặc phân quyền) và chia phần giữa các cơ quan nhà nước như quân đội, công an, hành chính tỉnh, hội đồng địa phương, các bộ này và ủy ban nọ. Cuối cùng khu vực doanh nghiệp nhà nước rơi vào tình trạng không có định hướng, đổi biến vá vúi và bất thường, không nâng cao được hiệu năng sản xuất như cần thiết. Tất cả các chương trình đề ra để chuyển đổi doanh nghiệp đều mắc cạn không có kết quả. Phân tích tình trạng "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" thì không thể nghĩ rằng các chương trình chuyển đổi đó cải tiến được doanh nghiệp nhà nước. Hãy lấy thí dụ các doanh nghiệp quân đội: quân đội VN tham gia chính quyền vậy có quyền thế, quân đội VN hoạt động sản xuất và thương mại vậy độc lập về kinh tế, ngoài ra quân đội VN độc quyền về vũ lực, thì chính quyền nhà nước trung ương nào ở Hà Nội có khả năng thúc ép các doanh nghiệp quân đội chuyển đổi thua thiệt cho giới chỉ huy quân sự và hàng ngũ quân đội, nhất là trong khi có tướng Lê Khả Phiêu giữ chức Tổng Bí Thư đảng CSVN?

Theo hướng đi kinh tế hiện thời của đảng CSVN và chính quyền nhà nước thì chắc chắn các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục trì trệ và quản lý sẽ còn kém hiệu quả. Nghiêm trọng hơn nữa là trong trường hợp chính quyền VN đổi chính sách và chọn hướng đi đúng cũng không có nguồn lực để thi hành những biện pháp cần thiết. Giải thể doanh nghiệp nhà nước và nâng cao hiệu suất tất sẽ phải giảm lao động làm việc khiến thất nghiệp gia tăng. Nhà nước VN không có vốn đầu tư để thiết lập



cơ sở mới, đề khởi công trình mới thì làm sao chống đỡ nạn thấp nghiệp bành trướng?

### Tìm một lối đi cho doanh nghiệp nhà nước

Nói chung và về lâu dài, doanh nghiệp nhà nước VN không thể cải tiến chắc chắn và đổi ngược tình thế nếu chương trình chuyển đổi doanh nghiệp không ăn khớp và lồng trong một chính thể có tự do và dân chủ, một đường lối kinh tế thông suốt có cạnh tranh bình đẳng, một cơ sở hoạt động căn cứ trên hiệu quả và một tổ chức xã hội linh hoạt.

Nhìn trước mắt một cách thực tế và đi thẳng vào vấn đề kinh tế quốc doanh thì không có nhiều chọn lựa về đường lối giúp doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu suất, đóng góp tích cực và đúng mức vào sự phát triển kinh tế bền vững. Dù cho chính quyền VN chọn bất cứ lối đi nào thì một kế hoạch cải tiến đúng đắn doanh nghiệp nhà nước nhất thiết phải thỏa mãn những điều kiện cần tối thiểu sau đây : Thu hẹp tối đa khu vực kinh tế quốc doanh, giải thể phần lớn các doanh nghiệp nhà nước. Nhà nước chỉ trực tiếp hoạt động và quản lý kinh tế trong một số trường hợp quy định trước như khai thác dầu khí, sản xuất điện lực, xây dựng cầu đường, vận chuyển hàng không. Những ngoại lệ phải được cân nhắc khách quan và chọn lựa hợp lý dựa trên hiệu suất đầu tư và lợi ích kinh tế-xã hội.

Quyền quản lý doanh nghiệp nhà nước hoàn toàn độc lập với chính quyền nhà nước. Khuôn khổ hoạt động và phương pháp tổ chức dựa theo những quy luật kinh tế, tài chính, thương mại, lao động và dân sinh áp dụng chung cho tất cả các thành phần kinh tế. Thành tích hoạt động của doanh nghiệp nhà nước phải được đánh giá bởi những cơ quan kế toán và kiểm toán độc lập.

Doanh nghiệp nhà nước không được quyền bất cứ một ngành nghề sản xuất hoặc thương mại nào. Doanh nghiệp nhà nước có thể ở thế mạnh vì có vốn nhiều nhưng không bao giờ ở thế thống trị nhờ có một lãnh vực hoạt động bảo đảm và dành riêng từ đầu vào tới đầu ra của tiến trình sản xuất.

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động hoàn toàn bình đẳng với các thành phần kinh tế khác (như kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể, kinh tế hợp tác xã). Doanh nghiệp nhà nước cũng không được hưởng chế độ

ưu đãi, dễ dãi về vay nợ, góp vốn, đầu tư, thuế khóa, tiếp liệu, giá cả, v.v.

Doanh nghiệp nhà nước có vai trò chủ yếu là ổn định, điều hòa và vạch hướng cho hoạt động khu vực thuộc ngành nghề của mình. Nói cách khác, doanh nghiệp nhà nước có mục đích dẫn dắt và gìn giữ khuôn khổ và quy luật của thị trường để đạt lợi ích kinh tế-xã hội cao nhất.

Song song, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi như vừa nêu, tối thiểu còn phải :

Chuyển đổi hệ thống ngân hàng thương mại với ba mục đích chính là : thứ nhất, tài trợ đầu tư căn cứ trên lợi ích kinh tế-xã hội và chiết tính lời lỗ hợp lý; thứ nhì, huy động tiền nhàn rỗi của người dân ước lượng khoảng 7 tỷ US\$ để có nguồn vốn đầu tư trong nước; thứ ba, gây dựng một hệ thống ngân hàng và tín dụng hoạt động đúng đắn.

Đề ra chương trình đầu tư khuyến khích kinh tế tư nhân thiết lập cơ sở sản xuất và biến chế về mọi ngành. Nhà nước tăng cường thiết kế công trình hạ tầng cơ sở giao thông vận chuyển. Chương trình đầu tư nhằm ba mục tiêu : một là tăng cường vai trò của kinh tế tư nhân để khu vực này trở nên thành phần chủ lực đưa đẩy kinh tế đi lên; hai là tạo việc làm, thu dụng lao động, giảm thiểu thất nghiệp và nâng cao hiệu suất của toàn bộ nền kinh tế; ba là phân chia sản ngạch kinh tế rộng khắp và cân đối cho các miền.

Khai triển đúng mức và hợp lý thị trường tiêu dùng trong nước chủ yếu bằng cách cắt giảm sự chênh lệch quá độ về thu nhập đầu người giữa các tầng lớp lao động, giữa thành thị với nông thôn, giữa các vùng các miền. Mục đích là để thị trường trong nước với thị trường xuất khẩu cùng là sức kéo, tuy ở mức độ khác nhau, sản xuất đi lên, đưa kinh tế vào đường phát triển bền vững.

Nguyễn Ngọc Hiệp  
Tháng 1, 1999

*Thông Luận hoan nghênh  
mọi ý kiến đóng góp,  
mọi ủng hộ tài chánh  
và cảm ơn quý vị đã cổ động  
và phổ biến tờ báo*

### Giới thiệu sách:

#### 1. Sông ngân khi tỏ khi mờ (*Les reflets du fleuve d'argent*)

Tác giả là Nguyễn Quang Riệu, Giám đốc nghiên cứu, Trung tâm Quốc gia Khảo cứu Khoa học Pháp.

Cuốn sách song ngữ Pháp Việt dày 240 trang, gồm những bài viết ngắn có tính chất phổ thông những khám phá mới về thiên văn. Sách viết với một văn phong trôi chảy, dễ hiểu rất cần thiết cho các học sinh trung học muốn tìm hiểu về thiên văn. Hình thức song ngữ Pháp Việt là một phương tiện rất hiếm và vô cùng quý giá cho những học sinh trong nước không biết tiếng Pháp cũng như cho các học sinh Việt sinh sống tại Pháp không biết tiếng Việt. Ngoài ra, cuốn sách có thể được dùng như một cuốn tự điển Việt Pháp nhỏ về những danh từ thiên văn học mới. Nhiều hình ảnh màu rất đẹp đã tăng giá trị của cuốn sách. Cuốn sách được xuất bản tại Việt Nam dưới sự bảo trợ của Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam nhân Hội Nghị thượng đỉnh thứ 7 các nước sử dụng Pháp ngữ họp trong tháng 11 năm 1997 tại Hà Nội.

Một điều ngạc nhiên khó hiểu là cuốn sách được in ra 3000 cuốn, nhưng những người Việt Nam trong giới đại học Pháp về thăm nhà đã không thấy nó xuất hiện trong các tiệm sách. Theo một số hiểu biết về thị trường sách báo trong nước, đây là hậu quả của những cạnh tranh bất chính của các nhà thầu đầu nậu văn hóa.

#### 2. Hành Trình Cuối Đông

(*Vụ án Langbian*) của Tiêu Dao Bảo Cự, bìa Khánh Trường, nhà xuất bản Văn Nghệ 1998.

Nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho ra mắt Hành Trình Cuối Đông "để đưa ra ánh sáng một cuộc đấu tranh cho tự do báo chí và tự do xuất bản xảy ra ngay trong lòng chế độ cách đây 10 năm". "Sự ra đời của cuốn sách này sẽ là món quà tặng hết sức khiêm nhường gửi đến những chiến sĩ đang dùng cầm đấu tranh cho dân chủ và cũng đang là nạn nhân của một guồng máy bạo lực phi nhân". (lời nxb, tr.xii).

Đọc Hành Trình Cuối Đông để không quên những chiến sĩ đó.

Giá bán tại Pháp: 100 FF (đã kể bưu phí gởi). Tại Châu Âu: 110 FF (đã kể bưu phí gởi). Ngân phiếu xin đề Vietnam Fraternité, ghi bằng tiền Francs Pháp hoặc tương đương, và gởi về tòa soạn Thông Luận: 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France.

# Độc " Người Trung Quốc xấu xí "

phan thị trọng tuyền

Người Trung Quốc xấu xí ra mắt bạn đọc đầu hè 1998 tại Paris. Thi sĩ Nguyễn Hữu Thủ ( khổ ) dịch từ một bản in ở Trung Quốc (TQ) của tác giả Bá Dương ( Bo Yang) sau một chuyến đi TQ cách đây năm năm.

Người Trung Quốc xấu xí (Châu lòn de Zhong Guó rén) tập hợp những bài viết và nói chuyện từ năm 1977. Bá Dương sinh năm 1920 ở Trung Hoa lục địa, ông chạy sang Đài Loan từ 1949, trong bài nói tựa đề "Người Trung Quốc xấu xí" ở đại học Iowa năm 1984, ông cho biết: *Tôi sống ở Đài Loan hơn 30 năm, mười năm viết tiểu thuyết, mười năm viết tạp văn, mười năm ngồi tù, còn mười năm tới sẽ viết lịch sử* ( tr. 23). Và giải thích lý do ngồi tù: *vì tôi đã nói lên vài sự thật*. Người Tàu xưa nay ( sinh đẻ/ sinh cơ/ sinh sống ) ở đâu, vẫn luôn quay về Tàu và sẵn sàng nhìn anh em với bất cứ người Tàu nào gặp gỡ bất cứ nơi nào trên thế giới.. Người Việt xưa nay ( Mường / Kinh...) thà trốn biệt trên núi hoặc chịu khổ nhục trong một thời gian ( lệ thuộc, mất bớt lãnh thổ, xin lệ cống v...v..) rồi vẫn "ngoan cố" không chịu làm dân Trung Hoa.

Tiếng Việt, nghe rằng vay mượn đến sáu mươi phần trăm tiếng Tàu, nhưng đồ ai không học tiếng Tàu ( hay chữ Hán ) mà khi đi Bắc Kinh mua hàng trả giá không dùng tay chân (... ra dấu)

Vậy mà tôi vẫn thấy cứ như ông Bá Dương nói về người Việt chứ không phải người Tàu. Xin giới thiệu tác phẩm NTQXX cùng các bạn. Đọc xong mong rằng bạn vẫn còn đủ lý lẽ để khuyên tôi rằng "tôi ơi, đừng tuyệt vọng".

\*\*\*

Sách gồm 3 phần: Thứ nhất: Những bài nói chuyện. Thứ hai : Những bài viết và phần thứ ba là: Những bài phê bình (của người khác) về hai phần đầu.

Trong bài đầu tiên ( Iowa 1984 ) khi nói đến "nỗi khổ nhục và gian nan làm người Hoa " bắt đầu từ những người Hoa ở trại tị nạn Khao Y Đăng, bị Việt Nam đuổi đi . Ông đặt câu hỏi Người TQ đã làm điều gì ác....(tr 18)

Ác với nhau:

Ngày cả đối với những người Hoa sống tại Mỹ cũng vậy, nào cánh tả, cánh

hữu, trung lập, độc lập, thiên tả trung, trung thiên hữu, hữu thiên trung, vân vân và vân vân, chẳng biết đường nào mà mò. Người này đối với kẻ nọ đều mang mối cừu thù như nó giết bố mình. Thật không hiểu là thứ dân tộc gì ? Trên thế giới không có nước nào có lịch sử lâu đời như TQ, không có nước nào có một nền văn hoá không đứt đoạn như TQ, mà cái văn hoá đó lại đã từng đạt đến một nền văn minh cao độ. (...). Tại sao một nước khổng lồ như vậy, một dân tộc to lớn như vậy, ngày nay lại ra nông nổi xấu xa ấy? Chẳng những bị người nước ngoài ức hiếp mà còn bị ngay dân mình ức hiếp. Nào vua bạo ngược, quan bạo ngược, mà cả dân ( quần chúng) cũng bạo ngược.( tr. 22)

(...) Người TQ sở dĩ trở thành xấu xí như ngày nay bởi chính vì họ không hề biết mình xấu xí (tr25)

Cái văn hoá truyền thống (...) đã khiến (...) chúng ta mang sẵn trong mình những đặc tính rất đáng sợ ! Một trong những đặc tính rõ nhất là dơ bẩn, hỗn loạn , ồn ào. Đài Loan đã từng có một đạo phải chống bẩn và chống hỗn loạn , nhưng chỉ được mấy ngày. Cái bếp của chúng ta vừa bẩn vừa lộn xộn., Nhà cửa chúng ta cũng vậy. (tr. 28)

(...) Cho nên có thể nói , mỗi người Trung Hoa đều là một con rồng, nói năng vanh vách, cứ như là ở bên trên thì chỉ cần thổi một cái là tắt được mặt trời, ở bên dưới thì tài trị quốc bình thiên hạ có dư . Người Trung Hoa (...) phòng nghiên cứu, trong trường thi- nơi không cần quan hệ với người khác- thì có thể phát triển tốt. Nhưng nếu ba người TH hợp lại với nhau, ba con rồng này lại biến thành một con heo, một con gười, hoặc thậm chí không bằng một con gười nữa. Bởi vì người TH có biệt tài dấu đá lẫn nhau. Chỗ nào có người TH là có dấu đá, người TH vĩnh viễn không đoàn kết được....(tr.30)

Nghe ghê chưa ? Đã hết đâu:

(...)đường đường là một nước lớn. Thế mà thay vì có một tấm lòng bao la, người TQ lại có một tâm địa thật hẹp hòi (tr. 40)... đưa đến: Một đảng tuyệt đối tự ty, một đảng tuyệt đối tự kiêu. Lúc tự ty thì thành ra tội tở, nghĩ mình không bằng

đồng phân chó. Lúc tự kiêu thì thành ông chủ, xem mọi người đều là cút chó hết (...)

Viết được dăm ba bài văn là đã thành văn hào. Đóng được hai bộ phim đã là ngôi sao sáng của nền điện ảnh. Hai năm có được ít chút quyền nghiễm nhiên có thể cho mình là cứu tinh của nhân dân. Qua Mỹ học được hai năm đã trở thành một học giả chuyên gia. (tr. 41)

Chính bởi đám nhà Nho đã bóp chết khả năng suy xét, tưởng tượng chẳng khác nào lấy cái túi nhựa bịt kín bộ não lại. Ông gọi đó là hủ tương văn hoá Trung Quốc dấu có vút mắt đào vào rồi cũng sẽ biến thành cút khờ.(tr.48)

Nếu người dân không tự nuôi dưỡng được cho mình cái trình độ phán đoán đánh giá những lãnh đạo của mình thì chẳng có lý do gì để trách ai cả. Đi tôn thờ một kẻ không tôn thờ được thì còn trách ai một khi kẻ đó cuội lên đầu lên cổ mình? (...) Dân chủ là một cái gì phải tự mình giành giật được, chẳng ai ban phát cho cả. (tr 49)

Kết luận : Nếu mỗi người đều trở thành kẻ biết thưởng thức, chúng ta sẽ có thể đánh giá chúng ta, hiểu rõ giá trị bạn bè, thấy rõ được mặt thật của những nhân vật lãnh đạo nước nhà. Đó là con đường trước mặt chúng ta phải đi, mà cũng chẳng còn con đường nào khác nữa.

Trong bài Người TQ và cái vai tương, Bá Dương chê người TQ ưa làm quan, phong kiến, khi phán xét, suy luận, không dùng lý trí mà nặng về cảm tính; xã hội dựa trên tiêu chuẩn chính trị đạo đức thời phong kiến hủ Nho, đặt lợi ích của người làm quan lên trên. Lâu ngày, những thói tục xấu xa ăn sâu vào "nhiễm thễ", kết quả là "quả báo nhân tiền". Cuộc chiến tranh nha phiến là một thí dụ.

Dân vi quý, quân vi khinh ( dân là quý, vua là thường) Đây chỉ là một thứ lý tưởng mà TQ chưa bao giờ thực hiện (tr. 62) Người TQ xưa nay có bao giờ biết dân chủ, tự do, pháp trị là gì. Tuy có người bảo chúng ta cũng có tự do, có thể chửi cả hoàng đế, song thật ra quyền tự do của chúng ta rất có hạn, bị kẻ thống trị khống chế trong phạm vi cho phép (...) Phạm vi của tự do rất hẹp hòi. Đương

nhiên có thể có cái tự do suy nghĩ vớ vẩn chứ các khái niệm dân chủ, pháp trị thì hoàn toàn chẳng có. (tr.65) Trong bài *Đời sống, văn học và lịch sử*, diễn văn đọc ở trường đại học Stanford (S. Francisco) năm 1981, chúng ta gặp trong đó các ý đã được khai thác ở những bài sau năm này.

Bá Dương liệt kê năm khuyết điểm: thứ nhất: *vì nhân quyền, nhân tính, phẩm giá con người bị chế độ và xã hội phong kiến chà đạp trong suốt 5000 năm, khiến dân không còn lòng tự trọng (?) cái tự trọng còn lại chẳng qua cũng chỉ là cái tinh thần tự dối mình như A Q trong truyện của Lỗ Tấn (...). Ví dụ tôi đến thăm anh, thấy anh nhà cao cửa rộng (...)* lúc ra khỏi nhà anh lại bảo "Ở nhà đẹp thế! Không biết ăn cắp hay ăn cướp ở đâu ra lắm tiền! Cầu trời cho ngày mai có đám cháy thiêu trụi cái nhà nó đi cho rồi!" Tâm lý (...) bị ức chế lâu ngày chỉ biết dùng cái tinh thần đó để tự thỏa mãn. (tr. 80). Đến nỗi, theo tiên sinh, hai lần thắng lợi lớn nhất của văn hoá TQ là khi TQ bị nhà (Bắc) Ngụy của Hiếu Văn Đế Thác Bạt Hoàn và nhà Mãn Thanh chiếm, lại chẳng đem kết quả tốt, bởi vì Những kẻ xâm lược cố nhiên đều hấp thụ và kế thừa văn hoá TQ, nhưng lại tiếp thu cái phần kém nhất của văn hoá TQ, nên kết cục cũng chẳng ra gì. Thay vì trở nên hùng mạnh thì cả dân tộc họ lẫn dân tộc Trung Hoa lại càng suy thoái (tr 78)

Khuyết điểm thứ hai là 4000 năm chiến tranh liên miên chỉ vì bản cùn, giết chóc, đố kỵ một cách lâu dài thành ra lòng dạ chúng ta thành hẹp hòi (tr.82)

Khuyết điểm thứ ba là chế độ khoa cử, quan trường, tạo ra một tầng lớp *Quan liêu chẳng trung thành với quốc gia lãnh tụ gì cả, chỉ tận tâm tận lực với kẻ cất nhắc nó lên làm quan* (tr 85) (...) *Cái xã hội ăn chơi, phù hoa là nơi các quan ra oai, tự nhiên hình thành một hệ thống tương hỗ bao che giữa các quan với nhau - một quan hệ vô cùng phức tạp.* (tr 86) (...) *phức tạp đến độ một người lãnh mạng không thể nào chịu nổi* (tr.89)

Tinh thần Nho giáo bảo thủ, là khuyết điểm thứ tư, *khiến xã hội mất hết sức sáng tạo, mất tập quán tự tìm hiểu, tự phê phán* (tr 93)

Và nạn nhân mãn là khuyết điểm (cuối cùng) TQ quá đông, nghèo khổ quá lớn, quan trường quá mạnh, cạnh tranh quá khắc nghiệt, những lý do này

sinh ra nơi người TQ cái hiện tượng *bần, loạn, ô, xấu xí lẫn nhau (...)* Tôi cho là TQ là một nước tuyệt đối không trọng lễ nghĩa. Người TQ thật thô lỗ... (tr 96) *Người TQ thông minh (...)* đến độ khi bị đem đến lò sát sinh, còn cố cò kè về giá cả của mình, nếu kiếm thêm được vài đồng thì chết rất hả hê. *Cái kiểu thông minh quá cỡ này nhất định sẽ thành kiểu ích kỷ quá cỡ. (...)* người nào mà không suy nghĩ một cách ích kỷ, cư xử một cách ích kỷ đều bị chế độ là ngu ngốc (tr.99) (...) *Nhân là phe nắm quyền, đối với thứ dân (...)* bố thí, ban phát cho để tỏ ra mình đại lượng, khảng khái. Sự thực là giữa người và người đầy những "cung kính" và "sợ sệt". *Có nhiều người vì kính mà thành sợ, chẳng khác nào con đối với cha. Có nhiều người vì sợ thành ra kính, giống gái đi đối với khách làng chơi, như đại thân đối với hoàng đế, tiện dân đối với quan lại, tù nhân đối với cai ngục.* (tr.115)

Tính ích kỷ quá mức nói ở phần trước được thể hiện ở chỗ không tuân thủ kỹ luật chung và lúc nào cũng mưu lợi riêng *Ôi! Một kế hoạch, một phương pháp, một hội nghị, một quyết sách, thậm chí một vụ kiện cũng chỉ đều là cái cơ để (...)* nghĩ ngay rằng trong việc này mình có lợi gì không? hoặc ta sẽ kiếm chác (...) được hưởng quyền hành gì (...) được trách nhiệm lớn hay nhỏ? (...) đều lòng vòng trên những thứ đó. Bề trên cũng vậy, cấp dưới cũng thế. Cả anh cả tôi cũng rứa, mọi người đều ôm lấy chúng đến chết cũng không buông (tr. 119) *Cái kiểu nhà Nho, mồm không nói đến lợi, đến tiền nhưng lòng dạ lại đầy ứ những quan niệm què quặt về lợi tiền* (tr.121) *Miệng lưỡi thì không ai bằng, thông minh tài trí, khả năng phán đoán tưởng chừng như nhất thiên hạ. Nhưng (...)* trong muôn vạn người chẳng gặp được ở lòng ai có chất chứa những thứ đó (tr. 122)

Mĩa mai Khổng Tử: Những điều dạy bảo này của thánh nhân thật là thông minh rành mạch: *Con người phải sống theo chiều gió (...)* chờ cho người khác bình thiên hạ xong rồi thì ta nhảy ra tìm một chức quan. *Lúc đầu sôi lửa bỏng thì ta ở nhà đánh giày cho thật trơn, và gửi vợ con đến những nơi an toàn nhất. (...)* *tắm thân nghìn vàng không ngồi trong căn nhà sắp đổ (...)* không bao giờ nên đến gần một nơi mà một viên ngói có thể rơi vào đầu. *Đối với những thói nát chính trị, những đau khổ của dân lành,*

*mình chẳng dính vào làm gì cho một thân (...)* Vì nhìn thấy thường khó tránh khỏi tức giận, tức giận thường khó tránh khỏi nói toáng lên, nói toáng lên thường khó tránh khỏi bị tai vạ. (tr. 124)

Vì nhà Nho ca ngợi chỉ vì nghĩa mà không vì lợi và dạy đời rằng Nghèo cũng hạnh phúc được. *Nếu mỗi người TQ đều hạnh phúc kiểu đó, quốc gia dân tộc phải quay về thời đồ đá mà thôi* (tr.125)

*Con người là một loại động vật biết cười. Nhưng những cô y tá, những cô bán vé xe người TQ lại là một ngoại lệ. (...)* trừ phi vứt tiền vào mặt họ, thì ngay cả ông trời cũng chẳng có thể cậy mồm họ ra cho họ cười được.

Ông kể kinh nghiệm của mình sau những chuyến viếng thăm nước Mỹ: *Nước quân tử (...)* là nơi trẻ con và người già có bị lừa khi đi mua bán không (tr. 126) *Trời ơi! Thì ra người Tây phương mỗi khi đi ra cửa đều dùng chân giữ cửa cho người đi sau... hay (...)* giữ cửa cho người đi sau tiếp được cửa rồi mới từ từ bỏ tay ra. *Đúng là đi một ngày đàng học một sàng khôn. Bây giờ cái việc giữ cửa này, tôi đã thuộc như cháo. Và từ đấy trở đi tôi liên tục được nghe từ cửa miệng những ông già, bà già Mỹ cái câu "cám ơn ông" nghe sướng cả lỗ tai. Lúc quay lại Đài Loan, tôi vẫn quen thói "tôn sùng" Tây phương này. Nhưng chỉ được ba hôm thì lại vẫn chứng nào tật ấy. Mà cái đó không phải vì ý chí của tôi yếu đuối, nhưng vì mỗi lần dừng lại cung kính giữ cửa, thì cái ông bạn da vàng ở đàng sau nhìn tôi như thể mồm anh ta đang ngậm cục cứt khô, không thể nào nghe được một thanh âm gì giống như tiếng cám ơn phát ra từ nó cả. Tôi bèn cứ thả cho cửa nó tung ra như cũ, mặc kệ mẹ cho nó đập vào mặt ai thì vào, có đập chết cũng được! Tôi nghĩ rằng để có thể móc trong mồm một người TQ ra cái câu "cám ơn ông" e rằng nếu không dùng đến cái cào cỏ năm răng của ông bạn Trư Bát Giới của chúng ta thì không thể được.*

Bằng chứng về một đất nước thiếu lễ nghĩa, là những nhận xét về cung cách ứng xử của người TQ trong các buổi đình đám vui chơi hay tang ma. Trong đám cưới: *Hôn lễ không ra hôn lễ mà biến thành một loại phường chèo. Lễ đường (...)* trở nên một thứ miếu đền ồn ào náo nhiệt. (...) *Phòng cưới thành ra một loại trà đình tửu điểm. Độ chừng nghi lễ đã xong, (...)* bày mà chược (...) tụ tập hàn huyên, thăm hỏi tin tức, bàn luận thời

cuộc, ngay cả chữ rửa người này, người nọ. (tr.149)

Và cũng vậy, tang lễ (...) trở thành một bản sao của cái loại 'đám cưới văn minh' đã nói trên (...) sự thực, ngay ở nơi quần xác chết hiển nhiên cũng đã thành chỗ kết bè kết đảng, lại đương nhiên thành chỗ "xa nhà gặp người quen" thì nét mặt phải tươi cười rạng rỡ. (tr.152)

Nói về các phở Tàu ( trên thế giới Tây phương): từ những băng đảng mafia cho đến giới trí thức.

Đa số người TQ đều cố gắng " không mất gốc " nghĩa là tích cực chia rẽ, xâu xé nhau. Bất kỳ ở góc biển chân trời nào hễ có người TQ là có cấu xé lẫn nhau ( tr 156).

Ví dụ : giáo sư A mời tôi đi quán nhưng nhất định không mời giáo sư B tham gia. Ông giáo sư C nghe nói tôi ngủ nhà ông giáo sư D tức khắc thanh minh không muốn kết bạn với cái loại người trục lợi như tôi. Tôi rời nhà ông E, định nhờ ông ấy chở đến nhà ông F, thì ông E nói " Anh bảo thế nào ? Gặp thằng đó à ? Thôi, anh đi bộ cho nó khoẻ nhé. Các phở Tàu (...) thành nơi chứa chấp vô số người ở chui không giấy tờ. Ở đó trẻ con hoặc các bà già nhiều khi không có cách nào khác hơn cách làm việc trong các xưởng quần áo lậu với đồng lương không đủ húp cháo cảm hơi, chẳng khác gì những nô lệ da đen thuở nào (tr 157)

Và tác giả trở lại cái nỗi sợ ông nói đến ở phần trước (tr 115): một phụ nữ Tàu kể chuyện bị đồng bào lừa, ông đề nghị đem lên báo thì bà ta thất sắc "Ông ơi, ông ở tận bên Đài Bắc, đối với bọn chó săn đó thì không có gì phải lo. Nhưng em tôi đang ở Xăng Phrăng-xít-x-cô. Ông hại nó mất. Ông đúng là cái thằng chuyên gây ra tai họa thôi !" Nói xong bà chùi nước mắt nước mũi lên người tôi và bắt tôi thề nếu viết gì về bà thì tôi sẽ chết đuối ngay trong cốc nước trà.

Than ôi! Trong thế giới này chỉ có cái thiên tính nhu nhược của người TQ mới không dám can cứ trên lý lẽ để đấu tranh. Nếu có vài người dám làm như vậy thì những con giòi trong hũ tương cho rằng đấy là những phần tử cực đoan không an phận. Mọi người đều sống theo cái kiểu "Thôi! Bỏ qua! Bỏ qua đi! Cái gì nó qua thì để cho nó qua, quá khứ thì hãy để cho nó là quá khứ" (tr. 158)

Trong phần trả lời bạn đọc cho rằng người TQ mang một tâm địa cực kỳ mù mờ tăm tối, kỳ thị địa phương, ông viết Đại Hán thiên thanh (...) đó là tiếng nói của người TQ khi tụ tập lại với nhau để

công kích, bới móc đến không còn một cái gì về đời tư của kẻ khác (tr.164) Yêu thì sợ chúng cười, ghét thì sợ chúng thù. Thế là yêu và ghét quện với nhau thành một thứ lực lượng gian ác (...) đã nổ bùng (...) tại lục địa qua cái gọi là Cách Mạng văn hoá. Tất cả những dã man, hung bạo, xảo trá, đố kỵ, tàn nhẫn tiềm tàng trong nội tâm sâu thẳm, thâm nhập vào xương cốt người TQ đều đã được biểu hiện qua nó. (...) Một quốc dân hạng ba không thể nào sinh ra được một chính phủ hạng ba không thể nào có được một quốc dân hạng nhất cả. Chúng ta, (...) phải bắt đầu việc ấy (...) Chúng ta không thể nào chỉ trong chốc lát mà thay xương đổi thịt. Nhưng nếu thay đổi được- dù chỉ một tế bào- thì chúng ta cũng phải làm ngay (tr 165)

Bởi vì cái anh TQ, bị lao phổi đến thời kỳ thứ ba kia, nhất thời đứng trên vũ đài thế giới dương dương tự đắc, nhưng rồi một cơn gió lạnh thổi tới lập tức hắt hơi ba bốn cái thật to, mũi dãi lòng thòng (...) nếu như cứ một mực kiêu ngạo hão, giống như một bà lão già lúc nào cũng گیر cái chân bị bó vừa kính vừa thổi của mình lên khoe nào là bó khéo, bó đẹp thì không tránh khỏi sẽ đi vào cái ngõ của sự diệt vong. (tr 169)

Sự học hỏi này bị xem là "sùng dương, mị ngoại", tác giả xem như mình bị (một kiểu chụp mũ) Phiến Thiên Ấn ngăn cản chụp xuống đầu mình chỉ vì những so sánh và lời kêu gọi học hỏi bất chước những cái tốt đẹp của Tây phương này Nếu chúng ta muốn người TQ có thể mở rộng cái tầm lòng nhỏ hẹp ra, chúng ta phải học tập của người phương Tây sự vui vẻ phóng khoáng, tấm lòng thích giúp người (...) Đứng trước người Tây phương lễ độ, lịch sự, có thật là chúng ta không cảm thấy thẹn vì mình thấp hèn không ? (tr 179)

Phần thứ ba là những tiếng vọng. Có người khen Bá Dương, so sánh ông như Lỗ Tấn với AQ, Lý Tông Ngộ tiên sinh với cái "Hậu sắc", sáng tạo ra cái hũ tương như ba chân của một cái đỉnh (tr. 198) phán đoán sâu sắc (tr.206) và rút tĩa kết luận (...) nếu hỏi TQ cần gì, cần gì thì chỉ có một thứ duy nhất mà thôi, đó là dân chủ (tr.210) và thêm rằng: chúng ta không nên hy vọng vào sự " tự mình tỉnh ngộ " (...) Đó là chuyện nằm mơ giữa ban ngày (...) Chúng ta chỉ có thể sửa đổi chế độ chính trị, dùng áp lực của chế độ bắt những người không tự nguyện sửa đổi lỗi

lầm không còn đường tránh né (...) Những chế độ không dân chủ, tức không có chân lý, tức không thể sửa đổi lỗi lầm (...) Thế mà (...) vẫn còn nhiều người (...) tin rằng những kẻ thống trị sẽ tự động biến thành Nghiêu Thuấn, không cần quyền lực khác để chế ngự và xét đoán, không cần có dân chủ để giám sát, lại cũng không cần có cả tự do ngôn luận để tố cáo (tr.214)

Một người khác kêu : ở cái nước Mỹ tốt đẹp của ông đấy , những đen tối và tàn khốc đều bị xoá bỏ trong chuyện khai phá miền viễn tây của Mỹ, người Nhật thì đối với nền văn hoá TQ lúc nào cũng phục sát đất (tr 220), người Tây phương cũng đang nghiên cứu học tập nó, đừng để người Nhật Bản nói rằng chỉ có họ mới là con cháu thừa kế chính thức của nền văn hoá TQ (tr 222) Có kẻ rầy rà : ...mấy người TQ cố ý chửi đổng đó là những người TQ không bình thường (...) Ngày hôm nay lại chui ra cái ông Bá Dương, tự xưng là một nhà văn yêu quần chúng một cách phi thường để giương cao thêm cái truyền thống " ngũ tử ". Trước hết y gào to " Văn hoá hủ tương " sau đó là bôi nhọ cái anh chàng TQ xấu xí.

Và hỏi ông có ý định gì ( dịch theo tiếng Việt hiện đại : ý đồ gì ) anh là thằng thối tha không người được đến mức vô phương cứu chữa

Có người phản bác nhẹ nhàng, dẫn chứng cụ thể về những công trình xưa nay của nền văn minh và văn hoá TQ (Khổng Tử Mạnh Tử), hay rất trừu tượng đây cảm tính chủ quan : (...) khi tôi đi trên mảnh đất lớn của TQ, bất kỳ ở xứ nào, đối diện với đám đông người, nơi tâm linh tôi thường rạo rực cảm thấy một thứ trí tuệ mệnh mông không bờ bến không.

\*\*

Suốt mấy trăm trang một giọng lỗ mãng, tuy có hài hước tí chút nhưng vẫn thô bạo. Một bức tranh (naïf) toàn những mặt trái, trắng đen hai màu, không bề sâu, nhưng khiến tôi liên tưởng đến bức họa guernica Marie sên của Phạm Thị Hoài. Dĩ nhiên, xin thưa ngay để khỏi bị mắng mỏ, bằng lời của tác giả : không thể so sánh tranh của Bá Dương tôi với tranh Van Gogh ( H). Tranh vẽ người xấu xí hay tranh vẽ quần tiên mà chúng ta nhìn vào như gương soi hay như ác mộng, do "lỗi" chúng ta hay do tài ba (ý đồ ?) của tác giả ?

Xin trích sau đây một phần lời người dịch, để hiểu mục đích và chia sẻ nỗi

niềm, tâm tình, hoài bão của thi sĩ Nguyễn Hữu Thủ khi ông thực hiện công trình này: "Bản thân tôi trước kia mỗi lần đọc phải những quyển sách kiểu "Người Việt cao quý", "Người Việt đáng yêu" là một lần không những không cảm thấy mình được dự phần vào cái cao quý, đáng yêu ấy một tý nào, mà càng thấy mình thấp hèn và đáng ghét. (...) may thay tôi gặp được quyển sách của Bá Dương.

(...) Người Việt Nam vừa thoát ra được cuộc nổi da xáo thịt, còn phải mất hơn 20 năm để chi chiết lẫn nhau, bỗng một hôm tự thấy mình đang đứng bên lề đường phát triển; dói rách, nghèo nàn, lạc hậu, bối rối không biết đi về đâu. Vì cục diện thế giới đã thay đổi quá nhanh, các phe phái, chiêu bài mà mình vì nó mất bao xương máu và cả một thời son trẻ đã chỉ còn là một dấu vết mờ nhạt.

Trí thức Việt Nam, hoặc những người còn chút suy tư, nhìn sang các nước láng giềng, nhìn ra thế giới cũng hoang mang, lúng túng không kém các cụ nhà Nho cách đây một thế kỷ khi tỉnh dậy vì những tiếng càn nông phương Tây bắn vào các cửa biển.

Trong thời kỳ gọi là "đổi mới" gần đây, các nhà lãnh đạo Việt Nam hay những người tự cho mình có sứ mạng lãnh đạo, lại phát động phong trào đi tìm kiểu mẫu phát triển, giống phong trào "canh tân" của các cụ đồ ngày xưa. Nhưng (...) ngoài các mô-đen Mỹ Pháp Nhật, ngày nay còn có một lô các mô-đen mới nữa, trong đó phải kể mấy con rồng, con cọp châu Á ngaysát nách mà ở thời các cụ họ cũng chẳng khác gì mình. Người có đầu óc một lần nữa phải thức mắc tại sao bây giờ lại có sự khác biệt đó? Dân tộc Việt Nam cơ bản khác gì với các dân tộc khác để ra nông nổi này?

(...) tôi vẫn tin rằng mỗi dân tộc phải có một phương thức, một giải pháp riêng đối với cái vận mệnh riêng của mình. Cho nên, trước khi đi cốp nhặt các mô-đen, cần nhất phải biết mình là cái thứ gì và có thể làm được gì ngay trước mắt. (...) không thể chỉ cứ tình tượng, huyền hoặc để tiếp tục tự kỷ ám thị hoặc lừa dối nhau, tiếp tục dùng cái lưỡi gỗ để nói những điều cường điệu, hãnh tiến.

Thường trong lịch sử Việt Nam vốn đã rất ít người thật tình có can đảm và trung thực để tìm hiểu, phê bình, những cái xấu cái dở của dân tộc mình. (...) chỉ toàn thấy ca tụng đất nước rừng vàng biển bạc, con người can củ, thông minh, cao cả, đẹp đẽ, kiên cường, anh hùng trong sáng. Thậm chí lại có cả người lãnh đạo lấy tên giả viết sách để ca ngợi

cá nhân, có cả nhà văn bịa tên một người nước ngoài để ca ngợi dân tộc mình. (...)

Trung Quốc đã là một mô-đen lớn cho Việt Nam (...) hiện nay (...) vẫn còn là mô-đen phát triển cho một nước theo chế độ đảng chủ, lại thuộc về thế giới Hán hoá như Việt Nam.

Quyển sách này soi sáng thêm một bề mặt, có thể là mặt trái của văn hoá Trung Hoa, của dân tộc Trung Hoa. Theo tôi nghĩ nếu lấy cái bề mặt này đem tham chiếu để phản tỉnh, không những chỉ là việc ích lợi cho những người Hoa mà còn cho tất cả các cộng đồng có liên quan ít nhiều đến văn hoá Trung Quốc." (tr.4-5)

Mặt trái của TQư? Chỉ riêng TQ thôi ư?

Thử thay thế TQ bằng VN, hũ tương bằng tín nước mắm, 5000 bằng 4000, vua, triều đình, quan lại bằng đảng, cán bộ v.v... chúng ta thấy những xấu xí của chính chúng ta.

Hiểu tự do, dân chủ như dân là chủ, cán bộ là đầy tớ hoặc đa thê thì được, đa nguyên thì đừng, hoặc cần kiểm liêm chính là mang dép cao su, mặc áo bỏ ngoài quần, không có vợ bé (hay vợ chính) mà thật nhiều nàng hầu, cửa nhà nước là cửa chùa, tức của đảng tức của mình.

Chẳng giống Trung Quốc của Khổng tử hay sao? Không, không, thức vật cả, con người cả. Nhìn Eltsine kia, Bill Clinton kia, nhìn Mitterrand kia, ai mà không đòi hy sinh cho đến hơi thở sau cùng hay ngay sau cùng của mandat (dân trao hay tự chiếm) và phản ứng người dân mỗi nơi mỗi khác chứ, tùy theo nồng độ của tương, nước mắm hay ...nước sốt (bơ, cà v.v.)

Nhưng chẳng ai bịa đặt ra các vụ giành giật, chia chác chức tước, của cải giữa các "công thần" sau ngày Việt Nam thống nhất. Những chịu đựng và chấp nhận của tuyệt đại đa số nhân dân từ hàng chục năm nay có phải cũng đến từ ảnh hưởng sâu xa của "tuyệt đối trung thành với đảng/ trung quân", đi theo "ánh sáng dẫn đường của đảng /vua"? Với những sửa đổi từ ngữ cho hợp với tình hình, nhu cầu, những rào đón tâm lý cần thiết cho tự ái, tự tôn (dùng nhân liệu quá khứ, sử dụng, phát huy, khai thác toàn diện và sâu sắc giá trị truyền thống, thấm nhuần đạo lý làm người của... người làm cách mạng với tìm tòi sáng tạo... đậm đà bản sắc dân tộc, trong khuôn khổ, bến bờ của quan điểm và lập trường ...tính đảng (!) v.v... chúng ta không ngừng nghe thấy trong các diễn văn, nghị quyết, bài học tập từ trung

tương đến làng xã, từ vài mươi năm trước cho đến nay).

Chẳng giống Trung Quốc của Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình hay sao?

Thì ra từ lúc bị lệ thuộc đến khi (mấy phen) dành được độc lập, chúng ta không ngừng bị ảnh hưởng cũng như tự nguyện lấy mẫu mực từ Trung Quốc. Nhưng kết quả thì sao, so với bản chánh? Có phải vì chúng ta luôn luôn thêm những sáng tạo vào những bắt chước/bị ảnh hưởng này và không chịu chấp nhận rằng mình bị ảnh hưởng hay đang bắt chước?

Điểm mặt những thứ xấu xí bên ngoài của người TQ do ông Bá Dương khai ra, tôi thật tình không tin rằng:

1) Ở người TQ chỉ có xấu xí, hẹp hòi, bần loạn, chia rẽ, thù hằn, thiếu lễ nghĩa.

2) Người TQ chỉ giỏi nói chứ không giỏi làm.

Làm sao giải thích những thành công của họ ở TQ, ở VN hay Kampuchia, Pháp, Úc, Canada, Mỹ... so với dân bản xứ hay những cộng đồng di dân khác? Đài Loan, Hồng Kông chẳng là Trung Quốc sao?

Diện mạo nào là của chúng ta? Xấu xí hay tốt đẹp? Phần nào nhiều, phần nào gây hại? Làm sao có thể quay lại nhìn mình và không chối bỏ sự thật?

Có phải người TQ đã nhìn ra những nhược điểm của mình và đang sửa đổi? Họ đã "thức dậy, đã vươn mình" như một nhà hàn lâm Pháp đã nói hơn hai mươi năm trước?

Tôi nghi là ông Bá Dương vượt ve tưới ái những người Nam Dương, Mã Lai, người Việt Nam, người Mỹ, người Úc... Chính thực là ông kích động dân ông tiến chiếm lấy thế giới đầy thôi.

3)...Người TQ thế này, người ta thế nọ

4) ...và...)

Tôi tin rằng bạn sẽ tìm ra một nghìn thứ khác nhau, một nghìn lẻ một cái giống nhau với người TQ. Và một triệu thứ xấu xí và tốt đẹp của con người nói chung.

Điều cần thiết có phải là làm sao để ta có thể tiếp tục tồn tại độc lập, không phải chỉ với riêng xứ/người TQ?

Là làm sao ta có thể tiếp tục tồn tại, độc lập, tự do, không kiêu căng lỗ bịch cũng chẳng phải cúi mặt đau đớn, xấu hổ? Tiếp tục tồn tại với bản mặt riêng (lai diện mục) của chính chúng ta?

phan thị trọng tuyến  
Rouen 10/12/98

# THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

## Từ nhà tù cộng sản ra thẳng mặt trận nhân quyền

Cách đây hơn 5 tháng, giáo sư Đoàn Viết Hoạt, một trong những người tù chính trị nổi tiếng của Việt Nam, đã rời nhà tù cuối cùng của ông - trại Thanh Cẩm, nơi ông bị biệt giam 4 năm liền - và được đưa thẳng ra phi trường để bị tổng xuất bằng máy bay sang Hoa Kỳ sống cuộc đời lưu vong tại đó cùng với gia đình.

Cũng là điều tự nhiên nên dịp này dư luận chung đặt ra nhiều câu hỏi về tương lai của người tù Đoàn Viết Hoạt trong mối liên hệ với cuộc tranh đấu cho tự do và dân chủ tại Việt Nam.

Nhưng chỉ sau một thời gian tương đối rất ngắn, tạm đủ cho ông tĩnh dưỡng và phục hồi sức khỏe tối thiểu đồng thời ổn định nghiệp vụ, người tù Đoàn Viết Hoạt đã mang lại những giải đáp rõ rệt là từ nhà tù cộng sản ông đã ra thẳng mặt trận nhân quyền.

Sau Liban, Canada và Hoa Kỳ, giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã vượt qua Đại Tây Dương để sang tham châu Âu. Sáng ngày 26-1-99, ông đã cùng với bà Hoạt đến Paris, chặng đầu của chuyến Âu du ông dự tính sẽ kéo dài chừng 20 ngày. Ông là khách mời của Nghĩa Hội Đoàn Viết Hoạt-Việt Nam Tự Do, một cơ cấu ngoại chính phủ, trụ sở đặt tại Paris mà tôn chỉ là giúp đỡ các tù nhân chính trị và gia đình của họ ở Việt Nam. Một chương trình hoạt động nhằm mở ra nhiều cuộc tiếp xúc với nhiều giới, chính trị, tôn giáo, văn hóa, truyền thông v.v... đã được dự liệu theo ý nguyện của giáo sư Đoàn Viết Hoạt.

Ngày 4-2-99, sau 9 ngày hoạt động liên tiếp "thức khuya dậy sớm" ở Paris 7 ngày, ở Anh 2 ngày, giáo sư Đoàn Viết Hoạt vào buổi trưa rời Paris đi Frankfurt để hoạt động tại Đức.

## Người tù "phản động" đã trở thành người chiến sĩ nhân quyền

Năm 1976, Đoàn Viết Hoạt bị bắt và không được xét xử nhưng vẫn được đưa đi giam giữ tại trại cải tạo vì ông bị tình nghi là nhân viên của tình báo Mỹ. Mãi 12 năm sau ông mới được trả tự do để rồi chưa hết 2 năm ông đã lại bị bắt. Dưới tội danh "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân" vì đã phát hành 4 tập tài liệu đánh máy (coi là 4 số báo!) mang tên gọi Diễn Đàn Tự Do. Tòa án Nhân dân sơ thẩm Sài Gòn phạt ông Hoạt 20 năm tù. Ông Hoạt chống án, kết cục Tòa Phúc thẩm giảm cho ông 5 năm, chỉ phạt ông 15 năm mà thôi.

Dưới mắt nhà cầm quyền Việt Nam ông Hoạt phải ngồi tù vì bị coi là một phần tử "phản động". Nhưng ông Hoạt mới thụ hình được 8 năm thì áp lực bên ngoài đã buộc nhà cầm quyền cộng sản phải phóng thích ông. Khi còn trong nhà tù ông đã được bên ngoài tuyên xưng là người tù lương tâm. Ra khỏi nhà tù, ngay trong nước, ông hết bị phân loại là "phản động" nhưng ông không được quyền có chỗ đứng trong xã hội. Ông được tự do tìm nơi tị thân. Những cánh cửa của nhà tù đã mở ra để trả ông về một thế giới khác trong đó người ta chào đón ông như một chiến sĩ nhân quyền.

Và ông đã chứng tỏ rằng ông xứng đáng với danh hiệu mới này.

Sau nhiều xuất hiện trên các diễn đàn ở Mỹ, Gia Nã Đại, Liban v.v..., ông đến châu Âu là vùng đất đã mang trong nó lịch sử của nhân quyền. Chặng đầu ông chọn thủ đô nước Pháp, chặng thứ nhì, Luân Đôn. Trong thời gian 9 ngày tại 2 nơi này ông Hoạt ngày nào cũng thức khuya dậy sớm, di chuyển không dưới 60, 70 cây số để tham dự tổng cộng trong 9 ngày gần 10 cuộc họp quần chúng, tiếp xúc với trên 10 nhóm, trả lời phỏng vấn của báo chí. Ông làm công việc thông tin về chế độ lao tù ở Việt Nam, về nội tình đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam. Ông giải tỏa nhiều thắc mắc của đồng bào, tiếp xúc với chính giới để cảm ơn về sự can thiệp của họ cho những tù nhân lương tâm và chính trị ở Việt Nam. Ông cũng không quên hô hào các tổ chức tranh đấu của người Việt hải ngoại hãy nối kết rộng rãi, nâng cấp cuộc đấu tranh chống độc tài toàn trị ở trong nước lên một trình độ cao hơn, thích hợp với thời đại mới mà 3 xu thế nổi bật là toàn cầu hóa, nhân bản hóa và dân chủ hóa. Ông gắn liền kinh tế với chính trị, nhân quyền với dân chủ, dân tộc với quốc tế.

Người ta nhận thấy nơi Đoàn Viết Hoạt đặc tính ôn hòa trong lập trường nhưng minh bạch và nghiêm ngặt về nguyên tắc. Ông cũng gây được niềm tin tưởng rằng ông kiên quyết đẩy tới cùng cuộc tranh đấu cho nhân quyền, dân chủ của ông. Thông điệp ông gửi cho nhà cầm quyền cộng sản đương chức là phải đổi mới chính trị song song với kinh tế trên cơ sở tôn trọng nhân quyền bắt đầu ngay bằng những biện pháp cụ thể phóng thích hết các tù nhân chính trị, ban hành ngay các quyền tự do cơ bản như tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do lập hội v.v...

Cảm tượng của những người đi nghe ông Hoạt nói: Ông biểu tượng cho sức mạnh trầm lặng của dân chủ, tự do, phản ánh các hạnh đại hùng, đại lực, đại từ bi của Phật giáo.

## Các hoạt động đã qua và sắp tới của giáo sư Đoàn Viết Hoạt trong chuyến đi thăm châu Âu

Bước đầu thăm châu Âu, ông Hoạt đã hội họp với Hiệp Hội Báo chí Thế Giới (W.A.N), tiếp xúc với 2 nhóm Thông Luận, Liên Minh Dân Chủ, thăm trụ sở Hội các Nhà báo Không Biên Giới, trả lời các cuộc phỏng vấn của các báo Humanité, Financial Times, Le Monde, Le Figaro, Télérama, Revue Parlementaire, Tin Tức, của hãng thông tấn AFP, các đài phát thanh RFI, (Pháp và Việt), BBC (Anh và Việt), France Info, của đài truyền hình TFI, BBC, của Ấn Xá Quốc Tế. Ông đã ra mắt các Phật tử tại Chùa Khánh Anh, nói chuyện với công đồng người Việt tại Saint-Quentin-en-Yvelines. Trung tâm Văn Bút Pháp Quốc, (PEN Club Français) mở một cuộc tiếp tân chào mừng ông cùng với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, nhà văn Vũ Thư Hiên. Ngoài ra ông Hoạt cũng đã được cố vấn chuyên trách về châu Á của tổng thống J.Chirac tiếp để ghi nhận thông điệp mà ông Hoạt cần chuyển đến tổng thống. Cao điểm của các hoạt động của ông Hoạt tại Paris là cuộc tiếp xúc tại nhà hàng Chinagora giữa ông và công đồng người Việt Paris (mở rộng) đầm ấm, vui tươi với sự tham dự của hơn 500 thực khách. Dịp này ông Nguyễn Gia Kiểng đã nhân danh Nghĩa hội Đoàn Viết Hoạt-Việt Nam Tự Do chào đón ông bà Đoàn Viết Hoạt và công bố thỏa thuận chung giữa Nghĩa Hội và giáo sư Đoàn Viết Hoạt là từ nay Nghĩa Hội chỉ mang tên Việt Nam Tự Do vì người tù trước đây nó mang tên nay đã ra khỏi nhà tù.

Trưa ngày 4-2-99, ông bà Đoàn Viết Hoạt rời Paris sang Frankfurt để tiếp tục các hoạt động tiếp xúc tại Đức Quốc. Ông Hoạt sẽ lưu lại Đức 5 ngày trong thời gian đó và sẽ gặp nhiều nhân vật thuộc chính giới của Đức như các cựu và tân ngoại trưởng Đức, một số dân biểu Đức, Ủy viên Liên Bang Đức về nhân quyền v.v... Tất nhiên còn có nhiều cuộc tiếp xúc với báo chí và hội đoàn người Việt. Ngày 10-2-99 ông Hoạt rời Đức đi Hòa Lan tham dự cuộc hội thảo quốc tế với chủ đề "Triển vọng của nhân quyền tại Việt Nam khi bước vào thế kỷ 21".

12-2-99 ông Hoạt trở lại Luân Đôn để họp một lần thứ nhì với Ấn Xá Quốc Tế. Chiều 12 ông về Paris để sáng 13-2-99 ông kết thúc chuyến đi thăm châu Âu và lên đường đi Tân Đê Li tham dự Hội nghị quốc tế về Phong trào dân chủ hóa toàn cầu.

TL

# THỜI SỰ...

## Bắc Kinh tạm thời không phá giá đồng nhân dân tệ

Vào giữa cuối tháng giêng, các chuyên gia kinh tế bình luận việc Bắc Kinh có khả năng phá giá đồng nhân dân tệ sau khi nhật báo China Daily cho đăng tải bài bình luận việc phá giá đồng Peso của xứ Argentina trước đó. Bài bình luận viết: "Phá giá hoặc cho thả nổi đồng nhân dân tệ không hẳn là điều xấu và không nhất thiết làm khởi động làn sóng phá giá của nhiều đồng tiền khác mà mọi người lo ngại". Tức khắc ngay sau đó, các thị trường chứng khoán Á Châu giảm sạt từ 1,5 đến 4%. Thị trường chứng khoán của Hương Cảng bị giảm nặng nhất.

Từ khi có phong bão tiền tệ ở Á Châu cách đây hơn một năm, số tăng trưởng về kinh tế và xuất khẩu của Trung Quốc bị giảm nặng. Số tăng trưởng năm 1998 chỉ đạt được 7,8% so với đã tăng trưởng hai số trong nhiều năm trước đó. Ngoài ra, tỷ số này đạt được là nhờ chính quyền đã bỏ ra 15 tỷ USD để xây dựng các đồ án hạ tầng cơ sở. Về xuất khẩu, số tăng trưởng bị dậm chân tại chỗ trong năm 1998 so với 20,9% năm 1997. Điều này tương đối không khó hiểu vì 50% xuất khẩu Trung Quốc là do các nước Á Châu trong vùng và Nhật. Nền xuất khẩu của Trung Quốc rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế vì nó chiếm 20% tổng sản lượng quốc nội. Nợ nước ngoài tăng lên bằng tiền dự trữ ngoại tệ (145 tỷ USD); thiếu hụt ngân quỹ tăng lên hai lần (96 tỷ nhân dân tệ thay vì 46 như dự trữ), nợ các xí nghiệp quốc doanh lên đến 250 tỷ USD, đầu tư nước ngoài bị giảm 11 phần trăm (40 tỷ USD thay vì 45,2 tỷ) ... Tình trạng kinh tế các nước Á Châu còn đang trong thời kỳ tái sinh không thể nhập cảng đồ Trung Quốc như trước đây. Tất cả những điều kiện đã hợp đủ để đưa đến sự phá giá đồng nhân dân tệ. Tuy nhiên, Bắc Kinh, qua lời tuyên bố của thống đốc Quốc Gia Ngân Hàng Trung Quốc ông Đới Tương Long (Đại Xiang Long) ngày 27-1, sẽ không phá giá đồng nhân dân tệ vào lúc này. Ông nói: "Chúng tôi chỉ phá giá đồng nhân dân tệ trong trường hợp có sự mất thăng bằng cán cân chi thu (balance des paiements) hoặc khi giá xuất cảng trở nên quá cao, hai điều kiện chưa hợp đủ cho năm nay".

Có lẽ Bắc kinh còn muốn tiếp tục dùng lá bài nhân dân tệ làm lợi khí ngoại giao để cộng đồng quốc tế làm ngơ trước các vụ đàn áp thô bạo đối lập dân chủ. □

## Thuộc giả...

### Đôi lời về văn hóa cũ

Tôi rất cảm kích về những lời tâm huyết của các anh trong Thư Đầu Năm. Nhưng tôi cũng cảm thấy phiền muộn về nhận định của Thông Luận cho rằng sở dĩ đồng bào ta ở trong nước có tâm lý khiếp nhược (sợ hãi và chán nản) không dẫn thân vào đại cuộc, một phần là vì ảnh hưởng của học thuyết Khổng Mạnh mệnh danh là "văn hóa cũ". Cụ Khổng với học thuyết quân Sư Phụ dạy người dân phải phục tùng từ trong gia đình đến ngoài xã hội.

Tôi không muốn khai triển những quan điểm tiến bộ của các nho gia về thuyết kính dân kính vua và quyền đối kháng bạo quyền: "Giết vua tàn bạo cũng như giết đứa độc phu" (Tuân Tử), "Ta chỉ nghe nói giết tên Trụ chứ không nghe nói giết vua vậy" (Mạnh Tử).

Tôi chỉ xin nêu lên một vài nhận xét từ lịch sử cận kim để làm sáng tỏ vấn đề:

- 1) Nhìn sang các dân tộc đồng văn với chúng ta như Nhật Bản, Đại Hàn, Đài Loan và ... Trung Quốc, chúng ta thấy họ không khiếp nhược như chúng ta hiện nay, mặc dù họ vẫn duy trì những giá trị tinh thần truyền thống của Đạo Nho như Lễ Nghĩa Liêm Sĩ, Thiên Hạ Vi Công...
- 2) Trong ba thập niên đầu của thế kỷ này các nhà lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc như Phan Bội Châu (viết Khổng Học Đãng), Phan Chu Trinh (Thuyết trình về luân lý Đông Tây), hay Nguyễn Thái Học (chủ trương Không Thành Công Thì Thành Nhân; Thành Nhân Tựu Nghĩa), đều xuất thân từ tầng lớp nho sĩ hay thẩm nhuần tư tưởng Nho giáo.
- 3) Từ thập niên 1940 khi những người lãnh đạo cuộc đấu tranh phủ nhận "văn hóa cũ" để du nhập "văn hóa mới" (Mác Lê) đất nước đã trải qua những khủng hoảng triền miên kéo dài hơn 40 năm qua 3 cuộc Chiến tranh Đông dương (từ 1946 đến 1989). Trên bình diện dân tộc, đây là những sai lầm chiến lược làm hủy hoại mọi tiềm năng về nhân lực và vật lực. Hơn nữa hiểm họa về tinh thần, văn hóa và niềm tin mới thật sâu xa và dài lâu. Chế độ công an trị mệnh danh là vô sản chuyên chính được coi là hà khắc và "man rợ nhất trong lịch sử loài người" (Dương Thu Hương). Nó đè nén, triệt tiêu mọi manh nha đối kháng khiến cho người dân sợ hãi, chán nản và khiếp nhược. Khi những kẻ tiểu nhân hay "những thằng đều" vô hạnh và vô học còn nắm chính quyền thì dân tộc

còn phải làm than (Bùi Minh Quốc).

4) Ngay trong hàng ngũ kháng chiến, những trí thức văn nghệ sĩ có tinh thần dân tộc như Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Hoàng Minh Chính, Hà Sĩ Phu, Trần Độ, Ngô Thúc, Nguyễn Khắc Viện, Phan Đình Diệu, Nguyễn Thanh Giang vv... cũng lên tiếng phủ nhận "văn hóa mới", để đòi phục hồi tự do nhân quyền cho người dân theo quan niệm lấy Dân làm trọng, Nhà Nước là thứ yếu và coi nhẹ chính Quyền (Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh).

5) Ngày nay tại Trung Quốc, các trí thức, văn nghệ sĩ đã sử dụng cả Tây học lẫn Nho học để chống đối chế độ độc quyền toàn trị.

Tây học gồm có Khoa Học và Kỹ Thuật. Khoa học để phát triển kinh tế và hiện đại hóa xã hội. Kỹ thuật pháp lý (về chính trị và luật học) để xây dựng một nhà nước dân chủ pháp trị. Nho học để nêu cao tinh thần Công Ich và Công Nghĩa, Vụ Dân chi Nghĩa, Vì Nước hiến thân. Về mặt con người, Nho học còn dạy ta hiếu học và sửa mình (tu thân) để có khả năng đức độ phục vụ quốc gia (trị quốc).

6) Tại Việt Nam ngày nay giới thanh niên nam nữ bị nhồi sọ bởi văn hóa Mác Lê, trong khi họ không có căn bản về văn hóa cổ truyền. Họ cũng không có cơ hội tiếp xúc với khoa học và kỹ thuật Tây phương. Do đó mối quan tâm của chúng ta không phải là loại trừ văn hóa cũ, mà chỉ lo rằng xã hội không còn vết tích gì về văn hóa cũ. Khi đó những tình cảm tự nhiên trong đạo làm người bị thui chột. Con người không có cơ hội phát triển toàn diện và xã hội cũng không thể công bằng và văn minh.

Muốn chấn hưng văn hóa dân tộc để phát động đấu tranh đòi Tự Do Nhân Quyền, giới trí thức văn nghệ sĩ phải biết kết hợp. Người dân trong bất cứ cuộc đấu tranh nào cũng cần có lãnh đạo. Trí thức Việt Nam phải nhận lãnh trách nhiệm lịch sử này. Hiện nay chúng ta chỉ có những người trí thức mà không có Giới Trí Thức (Intelligentsia) như tại Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi hay Trung Quốc. Vì không có lãnh đạo, quần chúng không biết tin vào ai. Trong sự trống rỗng tinh thần này họ trở thành hoang mang, chán nản trong một chế độ tàn ác và dối trá. Hơn bao giờ hết, chúng ta phải quảng bá Khoa Học Kỹ Thuật của nhân loại văn minh cũng như Văn Hóa Truyền Thống của dân tộc Việt Nam để cứu nguy đất nước.

Nguyễn Hữu Thống

Mười năm đau lòng nhức óc và... mất mát

Tôi là một doanh nhân có cơ sở kinh doanh tại Pháp và một số nước Châu Âu khác. Từ 1978 đến 1989 tôi kinh doanh khá phát đạt tại nước ngoài. Bắt đầu 1990, tôi chợt có ý định về Việt Nam kinh doanh, đặt lòng tin vào chính sách đổi mới. Tôi đem về Việt Nam trước sau 700.000 USD, đầu tư vào nhiều ngành hoạt động, chủ yếu là hùn hạp, góp vốn, kinh doanh xuất nhập khẩu, kể cả liên doanh với Ngân Hàng Thương Mại của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Cho đến nay, tôi đã chỉ gặp toàn gian truân và thất bại. Tính sổ lại, trong gần mười năm qua tôi đã mất trắng hơn 300.000 USD, nghĩa là gần nửa số vốn đem về. Số còn lại khó thu hồi qua các hợp đồng thương mại.

Tôi kể sau đây một vài khó khăn điển hình.

1. Các cơ sở sản xuất ngoại thành của tôi thường bị cúp điện một cách kỳ cục, có thể gọi là cúp điện để uống bia. Nhân viên trạm điện tự ý cắt cầu dao làm máy móc trong xưởng đang chạy đột nhiên ngừng lại, nhiều máy bị hư hỏng, để chờ chúng tôi ra đưa tiền uống bia, sau đó mới tái lập điện. Những sự cố này không những làm mất thì giờ sản xuất mà còn tác hại trên máy móc thiết bị.

2. Việc này có thể coi là nhân viên cấp thấp vô trách nhiệm, nhưng chính một ngân hàng của nhà nước hợp tác kinh doanh với tôi đã cướp trắng trợn trên 50.000 USD của tôi qua một hợp đồng kinh doanh rất hợp lệ. Khi tôi đòi lại thì họ trả lời: "Có ngu mới hoàn tiền lại cho anh". Tôi kiện, nhưng chỉ là con kiến kiện củ khoai, tốn tiền luật sư vô ích. Hiện nay tôi đã hoàn toàn thất vọng và không còn tiếp tục theo đuổi vụ kiện nữa.

3. Một nhà máy của tôi bỗng dưng bị chính quyền địa phương đòi lại đất. Họ nói là để sử dụng vào công ích, nhà máy của tôi muốn dời đi đâu họ không cần biết. Thế là các thiết bị máy móc bị tháo gỡ và chất kho, hư hao hết nay đã thành sắt vụn. Tôi phải sa thải toàn bộ công nhân, gần 300 người. Cho đến nay không có công ăn việc làm. Nhà nước cũng mất đi 600.000 USD ngoại tệ xuất

khẩu do nhà máy này mang lại. Hiện nay khu đất vẫn bỏ trống, nhà xưởng hư hao hết, tôn gạch bị dân chúng chung quanh tháo gỡ sạch trơn. Thật ra lý do công ích chỉ là một cách nói để được hối lộ, tôi vì quá tin mình có lý và có ích cho kinh tế nước nhà nên đã không chịu chi và xí nghiệp sụp đổ. Điều quá quái là các quan chức không đòi hối lộ, họ chờ tôi phải năn nỉ họ để hối lộ!

4. Còn nhiều chuyện khác. Nhưng không phải chỉ có chính quyền không lương thiện, mà chính người dân Việt Nam cũng không lương thiện. Tôi lập nhiều cơ sở kinh doanh nhỏ giao cho bạn bè thân thuộc quản lý. Trong thời gian tôi tạm vắng mặt để ra nước ngoài, nhiều người đã bán các cơ sở của tôi. Tôi cũng không thể kiện họ bởi vì cùng lắm họ đi tù, nhưng tôi cũng không lấy lại được của, chỉ gây thêm một số gia đình đau khổ. Mà chưa chắc họ đã đi tù, nếu họ biết cách hối lộ.

Hiện nay tôi hoàn toàn thất vọng vì chỉ còn một ao ước rất khiêm nhường là thanh toán được những cơ sở còn lại, lấy lại được chút vốn để trả lại cho các ngân hàng mà tôi đã vay tại nước ngoài, bớt các khoản tiền lãi đến đều đều mỗi tháng, rồi... già từ Việt Nam.

Trong mười năm kinh doanh tại Việt Nam, tôi chưa hề gặp một Việt kiều nào về nước kinh doanh mà thành công cả. Tất cả chỉ từ lỗ nặng đến lỗ nhẹ mà thôi.

Tôi viết những dòng này với tất cả chân tình và nước mắt, mong sao chính quyền ý thức được rằng quyền lợi của đất nước đi đôi với quyền lợi của doanh nhân. Nếu chính quyền này không thay đổi thì mong rằng ngày mai chúng ta sẽ có được một chính quyền khác, có trách nhiệm hơn với tương lai đất nước. Đó là nguyện vọng cuối cùng của tôi sau gần mười năm đau lòng nhức óc và mất mát.

**Trần Hiến Trục** (Sarcelles)

*LTS: Hai triệu người Việt hải ngoại có tiềm năng tiết kiệm ít nhất một tỷ USD mỗi năm. Số tiền này có thể là một nguồn đầu tư đáng kể cho Việt Nam. Nhưng theo lá thư trên đây chắc là còn phải đợi. Xin chia buồn với ông Trục và những người cùng hoàn cảnh.*

Mục lục

1. *Chúc Tết*
2. *Dâng cống sản bối rối và thô vụng trước một năm khó khăn*  
**Thông Luận**
3. *Việt Nam: con đường trước mặt*  
**Đoàn Viết Hoạt**
6. *Dân chủ đa nguyên và đồng thuận Euro*  
**Huyền Hùng**
7. *Châu Âu bước vào thời đại Euro*  
**Nguyễn Văn Huy**
9. *Châu Âu, thế giới và chúng ta*  
**Nguyễn Gia Kiểng**
10. *Sự thật, con đường dẫn đến hòa hợp*  
**Tuệ Đăng**
12. *Năm hẹn !*  
**Bùi Tín**
15. *Các cựu chiến binh phản đối vụ ông Trần Độ bị khai trừ.*  
**Mấy lời** **Trần Độ**
16. *Khổng giáo*  
**Võ Xuân Minh**
21. *Doanh nghiệp Nhà nước trong nền kinh tế Việt Nam*  
**Nguyễn Ngọc Hiệp**
26. *Đọc "Người Trung Quốc xấu xí"*  
**Phan Thị Trọng Tuyền**
30. *Tin tức thời sự*
31. *Thuộc gia*

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: 200 FF (hoặc tương đương)  
Ngân phiếu xin đề  
VIETNAM FRATERNITE  
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :  
**THÔNG LUẬN**  
124 bis, rue de Flandre  
75019 Paris, FRANCE